

HOÀNG THỊ MINH HUỆ

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP - 2014

HOÀNG THỊ MINH HUỆ

Bài giảng
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP, 2014

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển cộng đồng là một lĩnh vực khoa học nghiên cứu các phương pháp phát triển lấy con người làm trung tâm. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của lĩnh vực phát triển nông thôn, Phát triển cộng đồng đã được Đảng và Nhà nước cũng như các tổ chức trong và ngoài nước hết sức quan tâm vì mục tiêu xóa đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng nông thôn. Cuốn bài giảng ***Phát triển cộng đồng*** được biên soạn với mong muốn giới thiệu cho người học, đặc biệt là sinh viên ngành Khuyến nông những lý luận và khái niệm cơ bản về cộng đồng, các phương pháp tiếp cận trong phát triển cộng đồng và các kỹ năng cần thiết nhằm tổ chức và nâng cao năng lực cho người dân trong các cộng đồng đặc biệt là người dân vùng nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số - đối tượng quan tâm chính trong lĩnh vực phát triển nông thôn; giúp người dân có thể tham gia và tự quyết định mọi việc liên quan đến cải thiện và nâng cao đời sống của chính họ.

Nội dung của bài giảng bao gồm bốn chương:

Chương 1: Khái quát chung về phát triển cộng đồng

Chương 2: Tiến trình phát triển cộng đồng

Chương 3: Sự tham gia và hợp tác trong phát triển cộng đồng

Chương 4: Những kỹ năng cần thiết của tác viên cộng đồng

Để hoàn thành cuốn bài giảng, tác giả đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà chuyên môn và các đồng nghiệp. Xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu đó.

Trong quá trình biên soạn, chắc chắn còn có nhiều thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và độc giả để cuốn bài giảng được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1.1. Cộng đồng

1.1.1. Khái niệm

Xuất phát từ tiếng La-tinh, "cộng đồng" có nghĩa là chung/công cộng/ được chia sẻ với mọi người hoặc nhiều người.

- Theo từ điển đại học Oxford: "Cộng đồng là tập thể người sống trong cùng một khu vực, một tỉnh hoặc một quốc gia và được xem như một khối thống nhất"; "Cộng đồng là một nhóm người có cùng tín ngưỡng, chủng tộc, cùng loại hình nghề nghiệp hoặc cùng mối quan tâm"; "Cộng đồng là một tập thể cùng chia sẻ hoặc có tài nguyên chung, hoặc có tình trạng tương tự nhau về một số khía cạnh nào đó".

- Theo quan niệm Macxít: Cộng đồng là mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự cộng đồng các lợi ích của họ nhờ sự giống nhau về điều kiện tồn tại và hoạt động sản xuất vật chất và các hoạt động khác của họ, sự gắn gũi giữa họ về tư tưởng tín ngưỡng, hệ giá trị, chuẩn mực xã hội, nền sản xuất, sự tương đồng về điều kiện sống cũng như các quan niệm chủ quan của họ về các mục tiêu và phương tiện hoạt động.

- Theo Tô Duy Hợp, 2000: "Cộng đồng là một thực thể xã hội có cơ cấu tổ chức, là một nhóm người cùng chia sẻ và chịu sự ràng buộc bởi các đặc điểm và lợi ích chung được thiết lập thông qua tương tác và trao đổi giữa các thành viên".

Có thể phân ra hai loại cộng đồng:

- **Cộng đồng địa lý:** bao gồm những người dân cư trú trong cùng một địa bàn có thể có chung các đặc điểm văn hóa, xã hội và có thể có mối quan hệ ràng buộc với nhau. Họ cùng được áp dụng chính sách chung.

Ví dụ: cộng đồng người H'Mông, người Dao; cộng đồng dân cư tại một xóm, thôn/bản, buôn, làng, phum, sóc,...

- **Cộng đồng chức năng:** gồm những người có thể cư trú gần nhau hoặc không gần nhau nhưng có những đặc điểm chung, có lợi ích chung. Họ liên kết với nhau trên cơ sở nghề nghiệp, sở thích, hợp tác hay hiệp hội có tổ chức.

Ví dụ: Hội đồng hương của một tỉnh; cộng đồng người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài; cộng đồng người khuyết tật, ...

Như vậy, cộng đồng có thể ở quy mô các cấp khác nhau từ lớn đến nhỏ, từ chung đến riêng.

Dựa vào đặc trưng cộng đồng, có thể phân biệt cộng đồng nông thôn và cộng đồng thành thị theo các đặc điểm dưới đây:

Bảng 1.1. Phân biệt giữa cộng đồng nông thôn và thành thị

Cộng đồng nông thôn	Cộng đồng thành thị
1. Sự thân thiện và quan hệ trao đổi thân thuộc hàng ngày	Mối quan hệ bình thường giữa các cá nhân có tính chất giao kèo và lý luận
2. Quan hệ ruột thịt mạnh mẽ theo hình thức phả hệ dòng tộc	Quan hệ tồn tại theo các hội, đoàn có chủ đích
3. Sự tự phát, cùng giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ niềm vui và nỗi buồn	Sự ràng buộc xã hội hướng theo các mục tiêu cụ thể
4. Sự thống nhất cao theo các tập tục, ý tưởng và những mong đợi của nhóm	Thống nhất theo phân chia lao động, chuyên môn hoá theo chức năng có sự phụ thuộc lẫn nhau
5. Sự thống nhất dựa trên cơ sở sự giống nhau về đặc thù	Sự thống nhất đạt được dựa trên cơ sở phụ thuộc mục tiêu do chuyên môn hoá

Trong quá trình phát triển chung thì cộng đồng nông thôn có quá trình thay đổi theo hướng đô thị hoá. Chỉ tiêu quan trọng nhất của quá trình này là giảm dần sự lệ thuộc trực tiếp vào khai thác tài nguyên thiên nhiên. Sinh kế của cộng đồng được đa dạng hoá cùng với tiếp cận trao đổi với thị trường ngày càng tăng. Quá trình đó làm cơ sở cho tích lũy cải tiến điều kiện hạ tầng cơ sở, thay đổi đặc điểm xã hội truyền thống và thu hút lực lượng lao động lập nghiệp theo phương thức công nghiệp.

Trong quá trình phát triển của thế giới, trong lịch sử cho thấy sự cách biệt giữa các vùng nông thôn và thành thị ngày càng cách biệt vì sự thay đổi và tăng trưởng trong các vùng đã đô thị hoá nhanh hơn rất nhiều. Thực tế cho thấy rằng cần phải chú trọng hơn nữa đến sự phát triển của các cộng đồng nông thôn. Đó chính là phải phát triển cân đối giữa nông thôn và thành thị, và cân đối giữa các lĩnh vực. Như vậy, không chỉ cần đầu tư phát triển ở nông thôn về nguồn lực mà còn cần có các phương pháp phù hợp.

1.1.2. Các yếu tố cấu thành cộng đồng

Các yếu tố tạo thành cộng đồng bao gồm: địa vực cư trú, kinh tế và văn hoá. Đây là những yếu tố được tạo thành trong quá trình lịch sử.

1.1.2.1. Yếu tố địa vực

Nói đến cộng đồng là nói đến một tập hợp người định cư trên một vùng đất đai nhất định, đó là yếu tố địa vực. Đây cũng là yếu tố có giá trị tinh thần và tạo nên sự gắn kết tập thể. Địa vực là yếu tố được xác định trong quá trình lịch sử, là cơ sở để ta phân biệt cộng đồng này với cộng đồng khác. Đường phân chia ranh giới thường lấy một số mốc của tự nhiên như sông, núi, đường sá,... Đôi khi cũng chỉ là đường phân ranh giới vô hình được các cộng đồng thoả thuận và chấp nhận.

Ý thức về địa vực là một trong những ý thức sâu sắc và lâu bền của con người trong lịch sử, là một hạt nhân tạo nên tâm thức chung của cộng đồng. Ví dụ, tình cảm "đồng hương" của những người đã từng cùng sinh ra và chung sống trong một địa vực nhất định thường rất sâu nặng, dù họ còn ở nơi đó hay sau này đi dờn đến một nơi ở mới nhưng vẫn rất dễ gần gũi với nhau trong quan hệ.

Xuất phát từ sự khác biệt trong sự đa dạng nghề nghiệp giữa các cộng đồng nông thôn và cộng đồng đô thị, nên ý nghĩa của yếu tố địa vực của hai dạng cộng đồng là khác nhau. Ở nông thôn, do cuộc sống gắn liền với thiên nhiên, ruộng đồng, sông, núi,... nên ý thức về địa vực là rất sâu sắc, trong khi đó, các hoạt động phi nông nghiệp ở các cộng đồng thành thị không tạo nên sự gắn kết chặt chẽ của các thành viên trong cộng đồng với địa vực cư trú.

1.1.2.2. Yếu tố kinh tế

Yếu tố kinh tế ở đây chủ yếu nói về các hoạt động kinh tế hay nghề nghiệp, nó không chỉ tạo ra cho cộng đồng một sự bảo đảm về vật chất để họ cùng nhau tồn tại mà còn có các ý nghĩa sau:

- Việc có cùng một nghề hay vài nghề chính trong cộng đồng sẽ liên quan đến sự tương đồng về yếu tố địa vị kinh tế, sở hữu, cách thức làm ăn, cùng một thị trường nguyên vật liệu và sản phẩm tiêu thụ chung. Cho đến việc cùng thờ chung một ông tổ làng nghề đã đưa đến cho cộng đồng một lớp vỏ liên kết về tinh thần. Các làng nghề tiểu thủ công nghiệp trong xã hội nông thôn, các phường hội trong các đô thị cổ là những kiểu liên kết cộng đồng dựa trên cơ sở kinh tế.

- Khi có chung nghề nghiệp thì lợi ích kinh tế được gắn chặt trong hệ thống sản xuất, vốn, sức lao động, tư liệu sản xuất và đặc biệt là kinh nghiệm sản xuất, vì thế, đã góp phần gắn kết chặt chẽ các thành viên trong cộng đồng. Yếu tố nghề nghiệp ở nông thôn đã biểu hiện sự gắn kết cộng đồng rõ rệt hơn ở thành thị. Ở thành thị sự gắn kết theo nghề nghiệp là không chặt vì nghề nghiệp đa dạng, sự chuyển nghề cũng dễ dàng, do đó sự liên kết hầu như chỉ xảy ra ở các nhóm có cùng công việc.

1.1.2.3. Yếu tố văn hoá của cộng đồng

Bao gồm ba yếu tố chính: tộc người, tôn giáo - tín ngưỡng và hệ giá trị chuẩn mực.

- **Tộc người:** gồm tộc người chủ thể trong một quốc gia và các tộc người thiểu số. Nhóm tộc người chủ thể không chỉ đóng vai trò liên kết trong tộc người đó mà còn phải thể hiện vai trò liên kết các tộc người thiểu số khác với nhau và với tộc người của họ. Ví dụ ở Việt Nam, người Kinh chiếm đa số, ngoài việc tạo mối liên kết trong nhóm người Kinh thì việc tạo mối liên kết giữa người Kinh và người thuộc các dân tộc thiểu số khác và mối liên kết giữa các dân tộc thiểu số với nhau luôn được chú trọng và tạo ra mối liên kết cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

Trong bình diện quốc gia, hệ tư tưởng, các giá trị chuẩn mực và các nghi lễ là văn hoá của tộc người chủ thể. Các dân tộc thiểu số khác một mặt họ có ý thức theo nghi lễ chung, nhưng mặt khác họ vẫn giữ các nghi lễ của riêng họ, đó là bản sắc văn hoá riêng.

Đặc trưng văn hoá thực sự là những yếu tố liên kết cộng đồng được biểu hiện qua ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ mà các thành viên trong cộng đồng tuân thủ và tạo nên một ý thức văn hoá tộc người. Trong môi trường xã hội ít có sự biến đổi, các yếu tố trên lại càng có vị trí quan trọng và góp phần vào quá trình củng cố đoàn kết xã hội trong cộng đồng.

Tuy nhiên, khi xét đến sự phát triển thì một số nét trong bản sắc văn hóa có thể không mang ý nghĩa tích cực cho sự phát triển và khi đó chúng dần dần bị mai một. Những yếu tố vẫn giữ được bản sắc của dân tộc nhưng không cản trở sự phát triển thì sẽ được duy trì, kế thừa.

- **Tôn giáo, tín ngưỡng:** đây là yếu tố củng cố sự liên kết cộng đồng trên cơ sở niềm tin. Thực tế lịch sử cho thấy, đây là một yếu tố có tính chất bền vững

cho sự tồn tại của các cộng đồng dân cư, bởi vì khi cùng có chung một niềm tin và tín ngưỡng thì con người dễ chia sẻ được những ước nguyện về mặt tinh thần với nhau.

Các tổ chức tôn giáo cũng là các tổ chức tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, các hoạt động xây dựng đạo lý hướng thiện, tu thân của nhiều tôn giáo và đã góp phần vào nhiều hoạt động xã hội của cộng đồng bằng các thái độ tự nguyện, dấn thân và không vụ lợi. Các hoạt động xã hội của các tổ chức tôn giáo được thiết lập trên cơ sở tín ngưỡng, góp phần củng cố sự liên kết và đoàn kết trong cộng đồng.

- **Hệ giá trị chuẩn mực:** mỗi cộng đồng xác định cho mình một hệ giá trị chuẩn mực riêng với tính chất là các định chế xã hội quy định các nhận thức và hành vi của các thành viên trong cộng đồng (luật bất thành văn). Cụ thể, quy định các thành viên trong cộng đồng phải làm gì? Làm như thế nào? Các quy chế khen thưởng, xử phạt ra sao?.

Khi các thành viên tuân theo các giá trị chuẩn mực của cộng đồng thì sẽ bảo đảm sự thống nhất và đoàn kết trong cộng đồng.

Hệ giá trị chuẩn mực của cộng đồng được xây dựng dựa trên cơ sở nhận thức, quan niệm và tập quán của từng cộng đồng, vì vậy, có những quan niệm cộng đồng này coi là hay và tuân theo nhưng ở cộng đồng khác lại không được chấp nhận...

1.1.3. Một số đặc tính của cộng đồng

Cộng đồng thể hiện một số đặc tính là: sự đoàn kết xã hội, sự tương quan xã hội và cơ cấu xã hội.

1.1.3.1. Đoàn kết xã hội

Đoàn kết xã hội luôn được các nhà nghiên cứu cộng đồng coi là đặc tính hàng đầu của mỗi cộng đồng. Đây là ý chí và tình cảm của những người cùng sống trong một địa vực có những mối liên hệ về mặt huyết thống hay quan hệ láng giềng. Quá trình tổ chức xã hội bởi các thiết chế xã hội lại càng thống nhất ý chí, tình cảm của cộng đồng qua một số giá trị, chuẩn mực và biểu tượng riêng. Đây cũng là mục tiêu mà các cộng đồng đều mong muốn tập hợp và duy trì.

Các lệch chuẩn xã hội xuất hiện trong cộng đồng là do mất ý thức đoàn kết xã hội, đi kèm theo đó là sự mất ý thức và nhân cách cá nhân. Ngược lại, khi các

cá nhân đồng nhất với cộng đồng, hoà mình với cộng đồng đã làm tăng tính đoàn kết xã hội đồng thời cũng làm tăng ý thức và nhân cách của cá nhân.

Cộng đồng tồn tại được là do từng thành viên trong các nhóm thành viên của cộng đồng có tiếng nói thống nhất trong các hành động tập thể, khi không còn tâm thức chung thì cộng đồng đó lụi tàn. Ví dụ, trong các làng, xã hiện đang tồn tại các nhóm thành viên (tổ chức chính trị xã hội) như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, vv..., một khi các thành viên của nhóm có cùng tiếng nói và ý chí thì sức mạnh của nhóm sẽ tăng lên, các nhóm thành viên đều hướng theo sự lãnh đạo chung của Đảng, chính quyền ở địa phương thì sức mạnh đoàn kết trong cộng đồng được củng cố và trở thành làng/xã vững mạnh.

1.1.3.2. Sự liên kết xã hội

Đây là sự tương quan giữa người với người, có tính kết hợp hay những phản ứng tương hỗ, theo đó con người được gần nhau và phối hợp chặt chẽ với nhau hơn. Sự tương quan và kết hợp giữa các thành viên trong cộng đồng được biểu hiện qua các hoạt động thực tiễn hàng ngày và củng cố thêm sự đoàn kết trong cộng đồng.

Các cộng đồng ở nông thôn, do sự phân tán về nghề nghiệp không cao nên các thành viên trong cộng đồng thường xuyên có mối quan hệ với nhau trong công việc hơn ở các cộng đồng đô thị, nơi có sự phân tán nghề nghiệp khá cao. Chính vì thế, sự đoàn kết trong cộng đồng ở nông thôn thường cao hơn cộng đồng ở đô thị.

Kiểu liên kết cao nhất trong cộng đồng chính là các quan hệ mang tính hội nhập, ở đó có mức độ hợp tác tích cực giữa các cá nhân trong các đoàn thể hay hội mà các cá nhân đó tham gia. Như vậy, ở góc độ cá nhân, khi một người tham gia nhiều các hội, đoàn thể thì người đó có mối quan hệ rộng.

1.1.3.3. Các cơ cấu xã hội

Một cộng đồng khi không có giá trị chung, không có sự định hướng để quy tụ nhau hay không có những quy tắc ứng xử của các thành viên trong cộng đồng thì không có cơ sở xã hội để tạo thành cộng đồng. Những định hướng, những quy tắc này được nằm trong tổ chức đoàn thể của cộng đồng, chẳng hạn các hương ước, nội quy, quy chế là do làng xã đặt ra. Quá trình thể chế hoá các giá

trị chuẩn mực trong các tổ chức xã hội tương đương là bước quan trọng để các liên kết xã hội trong cộng đồng được bền vững và có giá trị đối với tất cả mọi người, tạo nên sức mạnh của cộng đồng.

1.2. Khái niệm, mục đích, nội dung của phát triển

1.2.1. Khái niệm Phát triển

Theo triết học duy vật biện chứng, phát triển là một phạm trù triết học chỉ khái quát quá trình vận động tiến lên từ thấp lên cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật. Nguồn gốc của sự phát triển nằm ngay trong bản thân sự vật.

Phát triển là quá trình biến đổi về chất và lượng. Về số lượng thì đó là sự tăng trưởng, về phẩm chất thì nhất định phải có sự biến đổi về mặt chất lượng theo hướng tiến bộ.

Như vậy, phát triển liên quan đến hai khía cạnh:

- Sự tăng lên về số lượng và chủng loại. Ví dụ: diện tích rừng trồng tại tỉnh X đã được mở rộng từ 10.000 ha năm 2004 lên 15.000ha năm 2013 nhằm mục đích tăng tỉ lệ che phủ của rừng và hạn chế hiện tượng xói mòn đất ở những vùng đất dốc của tỉnh.

- Sự thay đổi về chất lượng. Ví dụ: việc áp dụng một cách hiệu quả các biện pháp bảo vệ đất, chống xói mòn đã góp phần làm cho bình quân hàm lượng mùn ở các loại đất đỏ vàng tại các huyện miền núi của tỉnh X tăng từ 1,74% lên 1,91%.

Sự phát triển có thể được định nghĩa như sau:

- Phát triển là một quá trình chuyển biến năng động nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của các thành viên tham gia, sự tăng trưởng này diễn ra ngay trong hoàn cảnh sống của họ.

- Phát triển là một quá trình giúp con người xóa bỏ những cản trở và khai thác tiềm năng của chính mình một cách toàn diện, nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của các thành viên trong cộng đồng.

- Phát triển xã hội: là sự tăng trưởng, đặc biệt là tăng trưởng kinh tế cùng với sự biến đổi xã hội theo chiều hướng tiến bộ xã hội, nghĩa là đúng hơn, tốt hơn và đẹp hơn.

1.2.2. Mục đích của Phát triển

Mục đích và mục tiêu của phát triển là nâng cao chất lượng đời sống của người dân và nhằm cung cấp cho con người những cơ hội để phát triển toàn diện các tiềm năng. Phát triển không thể chỉ định nghĩa như tăng số thu nhập đầu người của một quốc gia, tăng các chỉ số sản phẩm sản xuất của địa phương, của vùng, hoặc tăng tiết kiệm của cá nhân hay nhóm. Phát triển không chỉ hàm ý sự tăng lên về tài nguyên và thêm kỹ năng, mà còn là tạo ra những thay đổi, cải tiến tích cực.

Phát triển cần giúp những người dân thiệt thòi trước đây có thể cải thiện các điều kiện sống của họ và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản như việc làm, nhà ở, môi trường an toàn.

Phát triển có nghĩa là người dân thiệt thòi trong cộng đồng hiện nay có khả năng trả tiền học phí cho con cái, chi trả các dịch vụ y tế và mở mang kiến thức về xã hội hiện đang sống.

Phát triển còn bao hàm việc đường sá, cầu cống được xây dựng, lưu thông được cải thiện và mạng lưới thông tin hữu hiệu được thiết lập.

Phát triển cũng có nghĩa là người dân trong cộng đồng có thể đạt được nhiều mặt cải thiện nêu trên thông qua những cố gắng của họ, họ sẽ tham gia vào những quyết định có ảnh hưởng đến đời sống. Điều này được xem như yếu tố chủ yếu để quyết định xem phát triển cộng đồng đúng nghĩa có xảy ra hay không.

Cuối cùng Phát triển tùy vào sáng kiến khởi sự của người dân trong cộng đồng, và Phát triển chỉ có thể xem như đúng nghĩa, đích thực nếu nghèo đói và thất nghiệp giảm đi, nhân quyền và công bằng xã hội được củng cố.

1.2.3. Nội dung của phát triển

Phát triển lấy con người làm trọng tâm:

- Trước tiên là quan tâm đến nhân phẩm và tiềm năng của người dân.
- Là một tiến trình nhằm cải thiện an sinh của người dân, nhấn mạnh đến sự tham gia của dân vào tiến trình phát triển để đạt mục đích trên.
- Là một mô hình phát triển xuất phát từ kinh nghiệm của người dân, văn hoá của địa phương và lợi ích của phát triển phải tới dân, đặc biệt là người nghèo.

Nội dung của phát triển con người gồm 4 thành tố:

- Tăng năng suất: Người dân phải được hỗ trợ tăng năng suất và tham gia

tích cực vào tiến trình lao động tăng thu nhập, việc làm có lương hoặc thù lao. Tăng trưởng về kinh tế chỉ là một mặt của phát triển con người.

- Bình đẳng: Mọi người dân phải có cơ hội như nhau trong phát triển. Những hạn chế về cơ hội tiếp cận với tài nguyên, kinh tế, quyền lực cần được tháo gỡ, để người dân có cơ hội tham gia và thụ hưởng các lợi ích của phát triển.

- Tính bền vững: người dân được quyền tiếp cận với những cơ hội kinh tế và quyền lực nhưng phải đảm bảo sự phát triển lâu dài, vì lợi ích của thế hệ mai sau. Tất cả mọi tài nguyên vật chất, tài chính, nhân lực, môi trường phải được bồi đắp để tăng khả năng tái sản sinh.

- Tăng năng lực/ quyền lực: Phát triển phải xuất phát từ chính người dân, vì dân. Người dân phải được tham gia vào việc lấy quyền quyết định và quá trình phát triển phải có ảnh hưởng đến đời sống của họ.

1.2.4. Các chỉ số phát triển

Các nhà nghiên cứu và các nhà lãnh đạo cho rằng không thể đồng nhất phát triển với tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế không có nghĩa là phát triển xã hội. Tăng trưởng kinh tế là một chỉ số của sự phát triển chứ không phải là toàn bộ các chỉ số của sự phát triển. Phát triển xã hội hiện nay được hiểu theo nghĩa toàn diện gồm có rất nhiều chỉ số. Trong báo cáo phát triển hàng năm của Ngân hàng Thế giới (WB) có hơn 200 chỉ số về sự phát triển xã hội để so sánh giữa các nước về sự phát triển, giữa các khu vực, trong đó nếu gom lại thì có các nhóm chỉ số cơ bản:

- Nhóm chỉ số tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là chỉ số về bình quân thu nhập đầu người so sánh giữa các cộng đồng và các khu vực.

- Nhóm chỉ số phát triển xã hội: người ta quan tâm rất nhiều đến chỉ số phát triển xã hội, đặc biệt là chỉ số phát triển dịch vụ xã hội, trong đó có 2 dịch vụ cơ bản nhất là dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế.

- Chỉ số phát triển con người HDI – Human Development Index là chỉ số tổng hợp kinh tế xã hội của sự phát triển, bao gồm:

- + Thu nhập bình quân đầu người
- + Tuổi thọ trung bình
- + Trình độ học vấn trung bình

Ngoài hai chỉ số phát triển kinh tế và xã hội nói trên, người ta quan tâm

đến một nhóm chỉ số quan trọng nữa:

- Chỉ số phát triển cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm)
- Chỉ số phát triển bền vững: Đây là một quan niệm hiện đại. Lâu nay chúng ta mới chỉ quan tâm đến những chỉ số phát triển kinh tế, xã hội, con người, văn hóa,... nhưng ít đề cập tới quan hệ giữa con người và xã hội với tự nhiên.

Đó là những quan niệm mở rộng, có một loạt các chỉ số có liên quan như: chỉ số bảo vệ môi trường, phát triển con người. Phát triển kinh tế - xã hội mà không bảo vệ môi trường thì có nguy cơ sẽ dẫn tới mặt trái của nó, tức là sự suy thoái.

1.3. Khái niệm, mục tiêu, ý nghĩa của Phát triển cộng đồng

1.3.1. Khái niệm

Có nhiều cách hiểu và cách diễn đạt khác nhau về khái niệm phát triển cộng đồng.

- Anh là nước đầu tiên có các hoạt động phát triển cộng đồng (năm 1940) đã định nghĩa phát triển cộng đồng như sau: “Phát triển cộng đồng là một chiến lược phát triển nhằm vận động sức dân trong các cộng đồng nông thôn cũng như đô thị để phối hợp cùng những nỗ lực của nhà nước để cải thiện cơ sở hạ tầng và tăng khả năng tự lực của cộng đồng”.

- Theo Murray and G. Ross, 1955:

“Phát triển cộng đồng là một diễn tiến qua đó cộng đồng nhận rõ nhu cầu hoặc mục tiêu phát triển của cộng đồng, biết sắp xếp các nhu cầu ưu tiên và mục tiêu này, phát huy sự tự tin và ý muốn thực hiện chúng, biết tìm đến tài nguyên bên trong và ngoài cộng đồng để đáp ứng chúng, thông qua đó sẽ phát huy những thái độ và kỹ năng hợp tác trong cộng đồng”

- Năm 1950, Liên Hiệp Quốc đã công nhận khái niệm phát triển cộng đồng và khuyến khích các quốc gia sử dụng phương pháp phát triển cộng đồng như một công cụ để thực hiện các chương trình phát triển xã hội.

Năm 1956, Liên Hiệp Quốc đã đưa ra định nghĩa chính thức về phát triển cộng đồng như sau:

“Phát triển cộng đồng là những tiến trình qua đó nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn

hóa của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập và đóng góp vào đời sống quốc gia”

- Theo Th.S Nguyễn Thị Oanh, 1995:

“Phát triển cộng đồng là một tiến trình làm chuyển biến cộng đồng nghèo, thiếu tự tin thành cộng đồng tự lực thông qua việc giáo dục gây nhận thức về tình hình, vấn đề hiện tại của họ, phát huy các khả năng và tài nguyên sẵn có, tổ chức các hoạt động tự giúp, bồi dưỡng và củng cố tổ chức và tiến tới tự lực phát triển”.

- Theo Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang, 2000:

Phát triển cộng đồng là một tiến trình giải quyết vấn đề qua đó cộng đồng được tăng cường sức mạnh bởi các kiến thức cuộc sống, kỹ năng phát hiện nhu cầu và vấn đề, ưu tiên hóa chúng, huy động nguồn lực để giải quyết chúng. Phát triển cộng đồng không phải là một cứu cánh mà là một kỹ thuật, nó nhằm tăng sức mạnh cho các cộng đồng tự quyết về sự phát triển và định hình tương lai của mình.

Nhìn chung, những nội dung then chốt của phát triển cộng đồng hiện nay là xây dựng năng lực và tạo sức mạnh cho người dân, người dân không thể hành động nếu họ thiếu năng lực (kiến thức, kỹ năng). Họ cũng không thể hành động đơn phương, riêng lẻ mà phải kết hợp với các cá nhân, tổ chức, chính quyền cùng một chí hướng và quyền lợi để tạo thành sức mạnh thúc đẩy sự thay đổi trong cộng đồng theo hướng tiến bộ hơn, chất lượng hơn.

1.3.2. Nhận diện cộng đồng kém phát triển và phát triển

• **Cộng đồng kém phát triển:** trong phát triển cộng đồng, một cộng đồng được coi là kém phát triển khi các nhu cầu cơ bản không được đáp ứng đầy đủ như: thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nước sạch, thiếu điện, nhà ở tồi tàn, thiếu cầu đường, lưu thông khó khăn, thiếu thuốc chữa bệnh,...

Các nhu cầu sinh hoạt tinh thần, giải trí yếu kém, mù chữ cao, thiếu trường lớp và giáo viên, thiếu thông tin, lạc hậu về khoa học kỹ thuật. Tâm lý thiếu tự tin, trông chờ, ỷ lại,...

• Đặc điểm nhận diện Cộng đồng kém phát triển:

- Nhu cầu cơ bản không/chưa được đáp ứng đầy đủ như: thiếu ăn, thiếu mặc, nhà ở tồi tàn hoặc không có nhà ở,...

- Cơ sở hạ tầng thiếu thốn, dịch vụ xã hội nghèo nàn, thiếu các hệ thống cơ sở tối thiểu như thiếu điện, cầu, đường, lưu thông khó khăn, thiếu nước sạch,

thiếu trường lớp, trạm y tế, thiếu thuốc chữa bệnh,...

- Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu: tình hình/phương tiện sản xuất lạc hậu, kỹ thuật/mô hình sản xuất không phù hợp, hệ thống tiêu thụ/phân phối hàng hoá hạn chế, không hiệu quả, thu nhập thấp, thất nghiệp,...

- Về tinh thần: Thiếu nhu cầu sinh hoạt tinh thần, giải trí yếu kém, tỉ lệ mù chữ cao, thiếu giáo viên, khả năng tiếp cận thông tin, giải trí còn hạn chế, v.v... Tâm lý thiếu tự tin, trông chờ, ỷ lại.

- Người dân thiếu hoặc khó có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài nguyên, kỹ thuật mới, tín dụng, đào tạo/huấn luyện,...

- Quyền ra quyết định còn hạn chế: người dân không được quyền tham gia quyết định những việc liên quan trực tiếp đến đời sống của họ như: giá cả sản phẩm, các đề án phát triển từ bên ngoài đưa vào,...

• Đặc điểm của cộng đồng phát triển:

- Về hạ tầng cơ sở kỹ thuật: đường sá, cầu cống được xây dựng, lưu thông được cải tiến và mạng lưới thông tin hữu hiệu được thiết lập.

- Đời sống người dân được cải thiện: Thông qua những nỗ lực, cố gắng, người dân thiết thời trong cộng đồng có khả năng trả tiền học phí cho con cái, chi phí y tế, đồng thời mở mang kiến thức về xã hội hiện đang sống.

- Sự tham gia: Người dân được quyền tham gia vào những quyết định có ảnh hưởng đến đời sống của họ. Điều này được xem như yếu tố chủ yếu trong xác định phát triển cộng đồng.

- Sáng kiến khởi sự của người dân: Những sáng kiến nhằm tự cải thiện cuộc sống của người dân trong cộng đồng được công nhận và phát huy.

Điều quan trọng trong phát triển cộng đồng đó là: Một cộng đồng phát triển đúng nghĩa nếu nghèo đói và thất nghiệp giảm đi, nhân quyền và công bằng xã hội được củng cố. Vì vậy, để phát triển một cộng đồng người thiết thời thì phải tạo ra được sự thay đổi trong: 1- Phương thức làm ăn, kinh tế; 2- Nâng cao cơ sở hạ tầng; 3- Đặc biệt chú trọng tạo điều kiện thuận lợi trong việc lấy quyết định chung về phân phối tài nguyên trong cộng đồng. Nói cách khác, tạo thêm cơ hội để người dân nghèo tiếp cận tài nguyên và tham gia quản lý dự án phát triển có liên quan đến đời sống của họ.

1.3.3. Mục tiêu, phương hướng phát triển cộng đồng

1.3.3.1. Mục tiêu phát triển cộng đồng

Trọng tâm của phát triển cộng đồng là phát triển con người, vì con người trong cộng đồng. Đây là thước đo được hiểu theo nghĩa rộng chứ không chỉ là tăng trưởng kinh tế hay những tiến bộ về vật chất. Những tiến bộ về vật chất không kèm theo sự phát triển khả năng con người và cải tiến định chế xã hội mà chỉ là thay đổi tạm bợ. Tăng trưởng kinh tế chỉ là một trong những khía cạnh của phát triển.

Mục tiêu bao trùm của phát triển cộng đồng là tạo ra những chuyển biến xã hội trong cộng đồng để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, mang lại sự bền vững về môi trường. Phát triển cộng đồng còn góp phần mở rộng và phát triển các nhận thức và hành động có tính chất hợp tác trong cộng đồng, phát triển năng lực tự quản cộng đồng. Mục tiêu trên được thể hiện dưới hai khía cạnh sau:

- *Mục tiêu phát triển con người*: mục tiêu này liên quan đến quá trình nâng cao năng lực người dân để khắc phục trở ngại, khó khăn nhằm đạt được những mục tiêu mong muốn.

Cụ thể hoá của mục tiêu phát triển con người như sau:

- Quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng được bình đẳng, chân thành và cởi mở.
- Các cấp lãnh đạo và người dân có quan hệ tốt. Người dân được tham gia vào các hoạt động phát triển.
- Người dân được huy động và tổ chức để họ tự giải quyết các vấn đề của cộng đồng mình.
- Năng lực của các thành viên trong cộng đồng được nâng cao để có thể tự lực giải quyết các khó khăn trong cuộc sống.
- Tinh thần tập thể, tính cộng đồng được xây dựng và hoàn thiện.

- *Mục tiêu vật chất*: mục tiêu này liên quan đến tăng trưởng vật chất, kinh tế, xã hội nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Cụ thể hoá của mục tiêu này như sau:

- Tăng sản phẩm xã hội và đảm bảo sản phẩm ấy được phân phối một cách công bằng.
- Phúc lợi xã hội và các dịch vụ được tăng cường nhằm cải thiện chất lượng

cuộc sống của mọi thành viên trong cộng đồng.

- Cường độ lao động giảm nhờ việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật.
- Tạo được nhiều cơ hội để mọi thành viên trong cộng đồng có thể lựa chọn nghề nghiệp nhằm phát huy tiềm năng sáng tạo của họ.
- Tăng nguồn lực cho tương lai (cơ sở vật chất, kỹ thuật,...).

1.3.3.2. Phương hướng phát triển cộng đồng

Qua quá trình hình thành và phát triển, đúc kết các kinh nghiệm thực tế, Phương hướng phát triển cộng đồng được nhấn mạnh ở các điểm sau:

- Sự tham gia của người dân là yếu tố cơ bản.
- Cần phải xây dựng các thiết chế xã hội là công cụ, môi trường cho sự tham gia.
- Yếu tố tổ chức hết sức quan trọng. Các tổ chức chính quyền địa phương cần phải được điều chỉnh và tăng năng lực cho họ để thực hiện chức năng phát triển và tạo hành lang pháp lý thúc đẩy sự tham gia của người dân.
- Cần hỗ trợ sự hình thành và củng cố tổ chức của chính người dân.
- Không đặt nặng chương trình, dự án từ bên trên hoặc bên ngoài đưa vào mà chú trọng các công trình vừa tầm do người dân đề xướng và thực hiện với sự hỗ trợ từ bên ngoài.
- Tạo được sự chuyển biến xã hội mới là quan trọng. Đó là sự thay đổi nhận thức, hành vi của người dân nhằm mục đích phát triển. Đồng thời tạo được sự chuyển biến trong tổ chức, cơ cấu và các mối tương quan lực lượng trong xã hội.
- Phát triển cộng đồng chỉ có hiệu quả khi nằm trong một chiến lược phát triển quốc gia đúng đắn.
- Đơn vị làng, xã quá nhỏ để có tác dụng và huy động tiềm năng tự phát triển. Phát triển cấp làng xã phải đặt trong kế hoạch phát triển cấp vùng.
- Huấn luyện để trang bị cho dân và những người có trách nhiệm kỹ năng tổ chức, lãnh đạo là một bộ phận không thể thiếu.

1.3.3.3. Các giá trị của phát triển cộng đồng:

- An sinh của người dân: mọi người đều có quyền được phát triển, có công ăn, việc làm, đảm bảo cuộc sống đầy đủ, được tôn trọng và được bảo vệ.
- Công bằng xã hội: mọi người đều có quyền, có cơ hội như nhau để thoả mãn nhu cầu cơ bản và giữ gìn giá trị và nhân phẩm của mình. Công bằng xã hội đòi hỏi

sự phân bổ lại tài nguyên và quyền lấy quyết định trong xã hội.

- Tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội: Chúng ta tin rằng con người với tư cách là một thành tốt của cộng đồng và xã hội không chỉ quan tâm đến cá nhân mình mà còn có trách nhiệm với đồng loại, và cùng nhau giải quyết những nhu cầu, vấn đề chung.

1.3.4. Ý nghĩa của Phát triển cộng đồng

- *Giúp người dân nhận thức được các vấn đề của cộng đồng cũng chính là những vấn đề của họ.*

Vấn đề cộng đồng là những khó khăn, những trở ngại, những rào cản trong tiến trình thực hiện nhu cầu chính đáng, hợp pháp ở các lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa, quản lý, xã hội,... ngăn cản quá trình phát triển của cộng đồng.

Xuất phát từ tính tổng thể của cộng đồng, vấn đề cộng đồng là khó khăn, trở ngại, rào cản,... của một chính thể thống nhất chứ không phải là khó khăn của một hoặc một vài thành viên trong cộng đồng. Đó có thể là vấn đề quản lý điều hành, vấn đề liên quan đến sự tồn vong của cả cộng đồng hoặc có thể là vấn đề uy tín, tiếng tăm của cộng đồng này so với cộng đồng khác,...

Tuy nhiên nếu chỉ nhìn nhận vấn đề cộng đồng như trên sẽ không đầy đủ vì không thể nói đến cộng đồng mà không nói đến các thành viên cộng đồng. Vấn đề cộng đồng có thể là vấn đề chung mà đại bộ phận người dân trong cộng đồng cùng gặp phải. Nhưng cũng có vấn đề cộng đồng, đầu tiên xuất phát chỉ là vấn đề của một vài cá nhân nhưng có nguy cơ lan rộng ra toàn cộng đồng. Qua công tác truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức làm cho mọi người dân trong cộng đồng nhận biết được những vấn đề đó có nguy cơ trở thành phổ biến, lan rộng trong cộng đồng, và cuối cùng mọi người trong cộng đồng đều thừa nhận coi nó là vấn đề chung của cộng đồng.

Như vậy có thể thấy vấn đề của cộng đồng xuất phát từ chính những vấn đề của các thành viên trong cộng đồng. Giải quyết được các vấn đề của cộng đồng cũng chính là góp phần giải quyết vấn đề của các cá nhân, các thành viên trong cộng đồng.

- *Người dân được tham gia vào các hoạt động phát triển một cách tích cực, giúp họ nhận thức được các giá trị, niềm tin vào khả năng của họ.*

Mục tiêu của phát triển cộng đồng là mục tiêu con người, vì sự phát triển

và tiến bộ về nhận thức và khả năng của con người. Để đạt được mục tiêu phát triển đó thì hoạt động phát triển cộng đồng luôn nhấn mạnh tới yếu tố sự tham gia của người dân trong suốt tiến trình phát triển. Thông qua quá trình cùng tham gia đó, người dân được học hỏi, được bồi dưỡng để tăng cường hiểu biết, tăng cường kỹ năng trong giải quyết các vấn đề, giúp họ tự tin hơn, nhận thấy được những khả năng tiềm ẩn của mình để vận dụng vào quá trình phát triển của cộng đồng.

- *Huy động được tiềm năng của mọi cơ quan tổ chức, người dân, tài nguyên trong cộng đồng để cải thiện đời sống mọi mặt của họ.*

Thực tế, để tồn tại và mưu sinh, mỗi người đều có khả năng, năng lực và tài năng bẩm sinh, để có một cuộc sống tốt phụ thuộc vào việc khả năng của mọi người được sử dụng như thế nào. Nếu năng lực mỗi người được đánh giá đúng và sử dụng có hiệu quả thì họ sẽ mạnh mẽ và cộng đồng sẽ vững mạnh hơn bởi sức mạnh tổng hợp của toàn thể mọi người sinh sống tại đó.

Một trong những nguyên nhân của một số cộng đồng chưa phát triển là vì các tổ chức bên ngoài và người dân tại đó chỉ tập trung vào những nhu cầu và những gì mà cộng đồng còn thiếu thay vì tập trung vào khai thác năng lực tiềm ẩn của mỗi người dân và nội lực của cộng đồng.

Vì vậy, nguyên liệu thô để xây dựng cộng đồng phát triển là khả năng, năng lực tiềm ẩn của cộng đồng, của chính người dân sống tại cộng đồng. Phát triển cộng đồng luôn nhấn mạnh yếu tố nội lực, phát huy tối đa tiềm năng sẵn có trong cộng đồng để giúp cộng đồng đó tự lực đi lên.

- *Tăng cường mối liên kết, đoàn kết trong cộng đồng vì mục đích của phát triển cộng đồng.*

Phát triển cộng đồng không chỉ tập trung vào một nhóm nhỏ hay một cá nhân đơn lẻ mà là vì sự phát triển chung của cả một cộng đồng. Do vậy, trong suốt toàn bộ tiến trình phát triển cộng đồng, sự hợp tác giữa các tổ chức đoàn thể, các dòng họ, gia đình, các nhóm nhỏ, các cá nhân trong cộng đồng luôn được phát huy. Thông qua sự hợp tác cùng tham gia làm việc này, các thành viên trong cộng đồng có nhiều cơ hội tiếp xúc, nhiều cơ hội để hiểu nhau hơn, cảm thông với nhau hơn để từ đó cùng nhau đoàn kết vì mục tiêu phát triển chung của cả cộng đồng.

- Là cơ sở để thu hút nguồn hỗ trợ từ bên ngoài và góp phần cải thiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội cho phù hợp với điều kiện thực tế của cộng đồng.

Nội lực trong cộng đồng là yếu tố quan trọng để giúp cho cộng đồng tự lực phát triển. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, để phát triển cộng đồng một cách bền vững, rất cần những nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, ngày nay trong phát triển cộng đồng, ở nước ta luôn phát huy tốt cả hai yếu tố nội lực và ngoại lực để góp phần nhanh chóng giúp cho các cộng đồng nghèo, cộng đồng khó khăn thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn.

1.4. Quan điểm, nguyên tắc hoạt động trong phát triển cộng đồng

1.4.1. Quan điểm, định hướng trong phát triển cộng đồng

- Lấy dân làm gốc

Phát triển cộng đồng phải xuất phát từ nhu cầu của chính người dân. Muốn cộng đồng phát triển phải chính người dân tự ý thức và tổ chức các hoạt động trong cộng đồng. Nếu người dân không phát hiện và nhận thức được các nhu cầu của mình, ý thức chưa thông suốt thì không nên nóng vội tổ chức các hoạt động giúp đỡ.

Lấy dân làm trọng tâm phải xuất phát từ kinh nghiệm của người dân, từ văn hóa của địa phương và lợi ích của người dân, đặc biệt là người nghèo.

- Phát triển bền vững

Phát triển phải đồng bộ trên mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội,... cùng phải tác động hỗ trợ để cùng nâng lên một cách đồng bộ các chỉ số phát triển xã hội.

Bên cạnh đó phải đảm bảo an sinh xã hội cho các nhóm người bị thiệt thòi trong cộng đồng. Vì thế luôn đòi hỏi các chương trình phải có tính toán theo các thứ tự ưu tiên để tìm ra các giải pháp tối ưu của sự phát triển. Phát triển cộng đồng chỉ có hiệu quả khi nó nằm trong một chiến lược phát triển quốc gia đúng đắn.

Tạo được sự chuyển biến xã hội là quan trọng bao gồm: thay đổi về nhận thức, hành vi của người dân, cơ cấu tổ chức, các mối tương quan lực lượng trong cộng đồng.

- Tăng cường năng lực và quyền lực cho người dân.

Người dân không thể hành động khi thiếu năng lực. Họ cũng không thể

hành động khi thiếu các động lực của tập thể, tổ chức và quyền lực. Phát triển cộng đồng phải cung cấp các cơ hội, kiến thức, kỹ năng cho người dân để họ liên kết lại thành một chí hướng vì quyền lợi của các thành viên trong cộng đồng, vì quyền lợi chung mang tính tự giác, tự lực cao. Triển khai các hoạt động theo phương pháp cùng tham gia giúp người dân có nhiều năng lực để giải quyết tốt hơn các vấn đề của họ.

- *Nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn*

Việc nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn là nền tảng cho việc triển khai các chương trình, dự án và phải được coi trọng trong hoạch định các mục tiêu của phát triển cộng đồng.

1.4.2. Nguyên tắc hoạt động Phát triển cộng đồng

1.4.2.1. Bắt đầu từ nhu cầu, tài nguyên và khả năng của người dân

Hoạt động phát triển phải xuất phát từ yếu tố nội tại, từ những gì người dân có, từ mong muốn, nhu cầu, sáng kiến kinh nghiệm và sức lực của họ. Từ đó giúp họ dễ dàng tham gia và có khả năng thể hiện một cách thuận lợi.

Người dân chỉ tham gia vào phát triển cộng đồng một cách trung thành nếu họ nhận thức thực sự về vấn đề của cộng đồng, về hoàn cảnh sống hiện tại của họ, họ không chấp nhận được, không thỏa mãn với điều kiện đó và nhận thấy cần thiết phải có sự thay đổi, cần phải có môi trường sống tốt hơn, bình đẳng hơn. Nói cách khác, sự nhận thức phải chuyển thành nhu cầu, lúc đó người dân mới có động lực thực sự để tham gia vào tiến trình phát triển cộng đồng. Khi làm việc với cộng đồng cần nắm bắt, khai thác, phát hiện và chỉ ra được những nhu cầu đó của người dân để tiến trình phát triển cộng đồng được bắt đầu diễn ra thuận lợi, đúng mục đích và ý nghĩa.

Phát triển cộng đồng phải xuất phát từ khả năng, ý chí và nội lực bên trong của cộng đồng. Hỗ trợ bên ngoài là cần thiết nhưng chỉ là chất xúc tác. Trong quá trình hành động cần chú ý đôi khi nhu cầu của người dân rất khác với nhu cầu của nhà tài trợ hoặc của chính quyền địa phương. Ví dụ: cộng đồng đang cần nước sạch nhưng dự án chỉ xây dựng các trụ sở hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng.

Bên cạnh đó cần vận dụng những nội lực sẵn có trong cộng đồng để triển khai các hoạt động.

Nội lực của cộng đồng không phải chỉ là nguồn lực tài chính, trong phát

triển cộng đồng, nội lực mà cộng đồng có thể tiếp cận được bao gồm:

- Các nguồn tài sản thiên nhiên;
- Các nguồn tài sản vật lý;
- Các nguồn tài sản về con người;
- Các nguồn tài sản xã hội;
- Các nguồn tài sản về tài chính.

1.4.2.2. Tin tưởng vào dân, vào khả năng thay đổi và phát triển của cộng đồng.

Trong quá trình phát triển cộng đồng, một nguyên tắc quan trọng là phải luôn tin tưởng vào khả năng và năng lực của người dân. Luôn tin tưởng rằng người dân dù nghèo hoặc khó khăn nhưng họ đều có óc sáng tạo và tính gắn bó, mong muốn thay đổi cuộc sống cộng đồng tốt hơn. Như vậy mới tránh được tư tưởng làm thay, làm hộ người dân.

Luôn tin tưởng rằng người dân hoàn toàn có khả năng quản lý cuộc sống và các vấn đề của mình ngoại trừ họ bị đè nặng bởi các mối lo âu để sinh sống. Người làm công tác phát triển cộng đồng cần luôn tin tưởng rằng khi người dân đã có động lực xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu của mình và khi đã được huy động, họ sẽ tìm thấy sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất cần thiết để hành động.

Khả năng của người dân không chỉ là khả năng của một, hai cá nhân cá thể mà là của cả một tập thể, một cộng đồng; không chỉ là khả năng về kinh tế, vật chất mà còn là khả năng suy tính cho phù hợp với hoàn cảnh, khả năng đóng góp kinh nghiệm, tài lực, trí lực vào tiến trình phát triển cộng đồng.

Không nên làm thay, làm hộ mà cùng sống, cùng làm với người dân và khuyến khích họ một cách kịp thời.

1.4.2.3. Khuyến khích người dân cùng tham gia và dành quyền tự quyết cho người dân

Nhu cầu muốn thay đổi khi đã được đồng đạo người dân nhận thức, giác ngộ một cách rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân sẽ trở thành động lực để người dân đoàn kết lại, tổ chức lại, cùng chung sức và cùng hành động.

Người dân phải được tham gia cùng làm, kết hợp với các tổ chức nguồn lực bên ngoài để giải quyết vấn đề của chính họ. Trong các cuộc họp, người tác viên cộng đồng chỉ là người điều phối, hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện để người dân tham gia các hoạt động, còn người dân mới là người đưa ra quyết

định cuối cùng cho các vấn đề của họ.

Khi người dân được cùng thảo luận, bàn bạc, quyết định lựa chọn các nhu cầu ưu tiên, các giải pháp thì họ sẽ làm đến cùng vì do chính họ lựa chọn và quyết định. Họ làm vì họ thấy đó là của họ và họ có trách nhiệm với những hành động của mình. Điều này nhằm xây dựng, củng cố năng lực cộng đồng, đồng thời giúp cộng đồng làm chủ những hoạt động của mình ngay từ đầu tiến trình giải quyết vấn đề.

1.4.2.4. Bắt đầu từ những hoạt động nhỏ

Đối tượng được quan tâm trong phát triển cộng đồng là những người nghèo, người yếu thế, còn hạn chế về kiến thức và kỹ năng. Do đó muốn họ tự tin và hoàn thành tốt công việc cần bắt đầu từ những hoạt động nhỏ, đơn giản.

Với hoạt động nhỏ, người dân được tập dần cách điều hành và quản lý các hoạt động để đạt được thành công. Qua đó năng lực của họ được bồi dưỡng, giúp họ tự tin hơn và sẽ có khả năng đảm nhận những công việc lớn hơn, khó hơn mà vẫn có khả năng hoàn thành.

1.4.2.5. Tạo nhiều cơ hội để người dân tương trợ lẫn nhau và chú ý ưu tiên các nhóm người yếu thế trong cộng đồng

Thông qua các hoạt động tương trợ lẫn nhau và qua các hoạt động chung, các thành viên trong cộng đồng vừa đạt được cảm xúc tự hoàn thành nhiệm vụ, vừa góp phần cải thiện an sinh cho nhóm, giúp nhau cùng phát triển.

Ưu tiên nhóm người yếu thế trong cộng đồng, tạo điều kiện để họ được tham gia, được tôn trọng và được hỗ trợ trong mọi hoạt động của cộng đồng.

1.4.2.6. Mở rộng các hình thức liên kết với các tổ chức khác để có thêm hỗ trợ và hợp tác trong và ngoài cộng đồng

Phương pháp này được gọi là “tạo mạng lưới” (networking), đó là những mối liên kết giữa những nhóm trong cộng đồng như nhóm giáo dục xóa mù chữ, nhóm truyền thông môi trường, nhóm chăn nuôi, trồng trọt, nhóm thể thao, văn nghệ.

Liên kết với các nhóm khác ngoài cộng đồng như nhóm tiết kiệm- tín dụng của xóm X liên kết với xóm Y để tạo thành các cụm hoặc trung tâm. Việc liên kết sẽ tạo thêm hiệu quả, sức mạnh vì các nhóm có thể trao đổi, sử dụng nguồn lực của nhau. Đồng thời tăng thêm tiếng nói cho các cộng đồng, nếu có vấn đề cần đề xuất.

1.4.2.7. Tuân thủ theo tiến trình và các phương pháp tiếp cận đặc thù

Bất kỳ một dự án phát triển cộng đồng nào cũng cần có một tiến trình tuân tự các bước. Nếu không thực hiện theo lộ trình đã định thì mọi việc sẽ trở nên lộn xộn, mất phương hướng và sẽ khó đi đến việc giải quyết đúng mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh việc tuân thủ theo tiến trình, để giúp người dân cộng đồng tham gia và hợp tác thì rất cần đến những phương pháp đặc thù để có thể huy động được người dân và hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra. Quy trình “Hành động – Suy ngẫm rút kinh nghiệm – Hành động mới” cần áp dụng để tiến đến những chương trình hành động chung lớn hơn, trình độ quản lý cao hơn.

Việc vận dụng các nguyên tắc cần linh hoạt, mềm dẻo tùy vào đặc điểm, tình hình và điều kiện ở mỗi cộng đồng khác nhau, các cơ hội khác nhau.



Chương 2

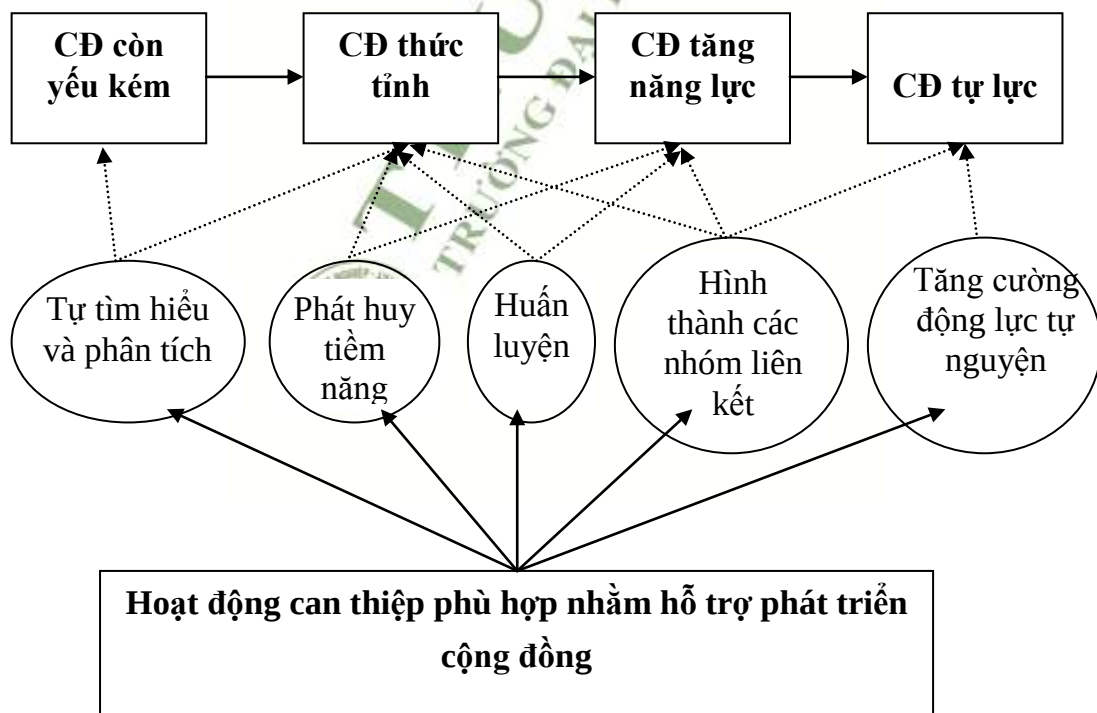
TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

2.1. Khái quát tiến trình phát triển cộng đồng

Phát triển cộng đồng là một quá trình luôn luôn tiếp diễn, mục tiêu cuối cùng của phát triển cộng đồng là giúp cho cộng đồng đi từ tình trạng yếu kém, không hành động được tiến tới sự tự lực trong hành động.

Phát triển cộng đồng đặt nền tảng trên sự giả định rằng phát triển bắt đầu ở cấp thấp nhất và sáng kiến, tính sáng tạo và năng lực của người dân có thể được sử dụng để cải thiện chính cuộc sống của họ thông qua những tiến trình dân chủ và những nỗ lực tự nguyện. Nó bao hàm việc nâng cao ý thức người dân ở cấp thấp nhất khi họ được đánh thức để nhận ra năng lực của mình. Muốn vậy phải đi từ sự thức tỉnh cộng đồng tới chỗ tăng cường năng lực và rồi cộng đồng sẽ tự lực được.

Tiến trình chung của một chương trình hay dự án Phát triển cộng đồng được thể hiện qua các bước sau:



Sơ đồ 2.1. Tiến trình Phát triển cộng đồng

(Nguồn: Nguyễn Thị Oanh, 2007)

2.1.1. Cộng đồng yếu kém

Cộng đồng yếu kém trong khuôn khổ các hoạt động phát triển cộng đồng được hiểu là những cộng đồng đang có vấn đề hay cộng đồng đang có những nhu cầu nào đó cần thỏa mãn, nhưng vấn đề đó chưa được nhận thức đầy đủ hoặc chỉ một vài người nào đó nhận thức được mà chưa phải cả cộng đồng nhận ra.

Một cộng đồng cần phát triển phải đưa ra được các tiêu chí của sự kém phát triển như: tỷ lệ nghèo đói, tình trạng ô nhiễm môi trường, tỉ lệ trẻ em thất học, tình trạng hạ tầng cơ sở xuống cấp, phương thức sản xuất lạc hậu,... để có giải pháp hiệu quả phát triển cộng đồng.

Muốn tìm hiểu và phân tích cộng đồng phải áp dụng một số phương pháp điều tra nghiên cứu theo nhiều cách thức tiếp cận khác nhau như: Điều tra xã hội học, tổ chức các cuộc họp trong dân, phỏng vấn các cấp lãnh đạo và người dân, tổ chức các cuộc hội thảo trong cộng đồng,... để tìm ra các vấn đề bức xúc của cộng đồng.

Muốn giải quyết vấn đề hiệu quả cần có quá trình thức tỉnh cộng đồng.

2.1.2. Cộng đồng thức tỉnh

Đây là giai đoạn đầu của phát triển, là tiền trình để cộng đồng nhận ra vấn đề của mình, hay người dân nhận ra vấn đề, biến nó thành nhu cầu thực sự cho sự thay đổi. Muốn thức tỉnh cộng đồng để giúp họ nhận thức được các vấn đề của họ đòi hỏi có sự hợp tác tích cực giữa người làm cộng tác phát triển và người dân.

Việc làm đầu tiên là phải giúp cộng đồng hiểu về chính mình thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, điều tra các nhu cầu và vấn đề khó khăn cũng như tiềm năng và thuận lợi, xác lập những vấn đề ưu tiên, xây dựng các dự án để giải quyết các vấn đề của cộng đồng, lượng giá tính hiệu quả của chúng.

Các hoạt động thức tỉnh cộng đồng gồm:

- Tuyên truyền vận động để người dân nhận thức được phương thức phát triển cộng đồng.
- Tổ chức tham quan học tập các mô hình phát triển cộng đồng có hiệu quả trong thực tiễn.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm về các hoạt động trong phát triển cộng đồng giữa các cá nhân và tổ chức có cùng mục đích, nhu cầu bức

xúc giống nhau, điều kiện, hoàn cảnh xã hội giống nhau.

- Tập huấn theo phương pháp cùng tham gia là một hình thức giúp người dân ý thức được các vấn đề của họ và cùng nhau đưa ra các giải pháp hợp lý nhất giúp cộng đồng thức tỉnh nhanh hơn.

Thường những người dân trong cộng đồng không hiểu ngay chính họ và cuộc sống của họ nên việc thức tỉnh cộng đồng thông qua những hoạt động trao đổi, thảo luận, điều tra những vấn đề khó khăn và các các nhu cầu của họ để từ đó xác định những nhu cầu ưu tiên, xây dựng các dự án để giải quyết,... là những việc làm cần thiết.

Khi đã xác định được các vấn đề của cộng đồng cần giúp họ phân tích nguyên nhân, tìm ra các điểm mạnh và các khó khăn, tồn tại của cộng đồng. Vấn đề của cộng đồng đã được xác định phải do chính cộng đồng đề xuất các giải pháp khắc phục với sự tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật của các nhà chuyên môn, vai trò của tác viên cộng đồng chỉ là người xúc tác nhằm thu hút sự tham gia tối đa của các lực lượng dân chúng vào việc giải quyết các vấn đề của họ.

Hoạt động này kéo dài hay ngắn tùy thuộc vào khả năng, ý thức của mỗi cộng đồng, kết hợp với sự nỗ lực của chính quyền và các đoàn thể xã hội trong cộng đồng.

2.1.3. Cộng đồng tăng năng lực

Khi cộng đồng đã thức tỉnh cần tăng cường năng lực cho họ về việc nhận biết các nguồn lực vốn có, những khả năng tiềm tàng của họ, nâng cao năng lực trong việc khai thác sử dụng nguồn lực.

Cộng đồng tăng năng lực là việc thành viên cộng đồng đang trong tiến trình được tổ chức lại, được trao quyền, tăng cường khả năng, năng lực, được tham gia vào các hoạt động cũng như tham gia quyết định nên làm gì, làm thế nào để giải quyết vấn đề cộng đồng.

Thêm vào đó, tăng năng lực cho cộng đồng cũng là việc giúp cho cộng đồng nhận biết các nguồn lực vốn có, những tiềm năng của họ, nâng cao năng lực trong việc sử dụng và khai thác các nguồn này. Đồng thời hỗ trợ thêm từ bên ngoài như vốn, kiến thức, năng lực tổ chức,... để các hoạt động thực hiện có hiệu quả.

Thông qua quá trình huấn luyện để các lực lượng nòng cốt trong cộng đồng

được tăng cường kiến thức, kỹ năng, cách làm. Thu hút lực lượng này vào tham gia trực tiếp trong các dự án phát triển cộng đồng.

Tăng cường khả năng tổ chức, lãnh đạo, quản lý của các cán bộ nòng cốt trong cộng đồng. Khuyến khích sự tham gia của họ vào quá trình phát triển cộng đồng.

Cộng đồng cần được hỗ trợ bên ngoài (kiến thức chuyên môn, tín dụng, đầu tư, cơ quan viện trợ,...) và thông qua quá trình huấn luyện cộng đồng để khắc phục những hạn chế và tăng cường kiến thức và kỹ năng để hành động.

Tổ chức nhiều hình thức hoạt động phong phú, dễ làm, dễ tiếp thu để mọi tầng lớp dân cư đều được tăng năng lực.

2.1.4. Cộng đồng tự lực

Cộng đồng tự lực là cộng đồng có đủ các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực để tự thay đổi và phát triển. Đây vừa là tiến trình vừa là mục đích quan trọng nhất của phát triển cộng đồng.

Ở các giai đoạn trên, các hoạt động của cộng đồng có sự xúc tác của cán bộ phát triển cộng đồng. Khi người dân của cộng đồng đủ khả năng giải quyết vấn đề của mình thì sự có mặt của tác viên cộng đồng là không cần thiết nữa và tác viên cộng đồng có thể rút lui để cộng đồng tự quản lý và thực hiện các hoạt động của cộng đồng.

Mục đích của phát triển cộng đồng là thông qua thay đổi và tăng trưởng, cộng đồng sẽ trở nên tự lực. Mục đích cuối cùng không phải là mọi khó khăn, khủng hoảng không còn nữa mà thực chất khi gặp khó khăn, cộng đồng có thể tự huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài để giải quyết vấn đề.

Ví dụ: khi có hiện tượng xói lở đất xảy ra trên một diện tích lớn ở địa phương, cộng đồng biết huy động nguồn lực trong cộng đồng (nhân lực và kinh nghiệm của người dân địa phương) cũng như kêu gọi các nguồn lực từ bên ngoài (kiến thức chuyên môn của các nhà khoa học, nguồn tài chính của nhà nước và các tổ chức tài trợ,...) để kịp thời khắc phục.

Điều này chỉ có thể có nếu biết xử lý đúng các tình huống trong quá trình phát triển, qua đó, cộng đồng sẽ tăng trưởng và tự lực hơn như con người phải trải qua khủng hoảng mới trưởng thành được. Do đó đòi hỏi cộng đồng phải có đủ các năng lực quản lý, điều hành, hiểu biết lẫn nhau một cách sâu sắc, hỗ trợ lẫn nhau vì những giá trị chung của cộng đồng.

Những tình huống trắc trở trong cộng đồng cần được bàn bạc, xử lý công khai, dân chủ và bình đẳng.

Các lực lượng xã hội nòng cốt phải được huy động vào quá trình phát triển cộng đồng và thường xuyên có những thảo luận kỹ càng trong dân.

Các dự án phát triển cộng đồng sẽ là cơ hội để phát triển các động lực tự lực trong cộng đồng ngày một vững mạnh hơn.

Tạo dựng được mạng lưới các nhóm, các tổ chức xã hội, các cá nhân tình nguyện tham gia vào chương trình phát triển cộng đồng và thường xuyên củng cố, duy trì các hoạt động hỗ trợ, tăng năng lực cho cộng đồng; thường xuyên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về giải quyết các vấn đề trong cộng đồng nhằm thúc đẩy cộng đồng phát triển bền vững hơn.

Tóm lại:

Tiến trình Phát triển cộng đồng là một quá trình tác động và phối hợp các hoạt động trong cộng đồng một cách đồng bộ, toàn diện theo một trình tự logic và có sự vận dụng linh hoạt các bước tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể của mỗi cộng đồng.

2.2. Các bước trong tiến trình phát triển cộng đồng

Phát triển cộng đồng không phải là một hoặc một vài hoạt động đơn lẻ mà là một tiến trình lâu dài, bao gồm một loạt các hoạt động trợ giúp cộng đồng. Mục đích cuối cùng là giải quyết được các vấn đề tại cộng đồng, hướng tới một cộng đồng phát triển và tự lực, thu hút sự tham gia chủ động của người dân vào quá trình phát triển cộng đồng mình, tăng sức mạnh cho cộng đồng để tự quyết định về sự phát triển và sự định hình tương lai của họ.

Tiến trình phát triển cộng đồng được cụ thể hóa qua các công việc sau:

1. Lựa chọn cộng đồng;
2. Hội nhập cộng đồng;
3. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng;
4. Lựa chọn người có khả năng lãnh đạo, xây dựng, bồi dưỡng/tập huấn các nhóm nòng cốt;
5. Thành lập ban đại diện/ ban phát triển cộng đồng;
6. Lập kế hoạch, chương trình phát triển cộng đồng;

7. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm; củng cố tổ chức;
8. Liên kết các nhóm hành động;
9. Rút kinh nghiệm - lợng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm;
10. Kết thúc và chuyển giao.

Các bước hành động trên không phải hoàn toàn tách biệt nhau, cũng không phải cứ làm xong công việc này rồi mới đến công việc khác mà tùy trường hợp, hai hay ba hành động có thể tiến hành cùng lúc. Trình tự của các công việc trên cũng có thể được thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh. Có thể ngay sau khi lựa chọn cộng đồng, việc tập huấn được thực hiện ngay để sau đó nhóm này có thể tự tìm hiểu và phân tích về tình hình cộng đồng của họ, đồng thời cùng cán bộ phát triển cộng đồng lên kế hoạch hành động và tổ chức các nhóm hành động...

2.2.1. Lựa chọn cộng đồng

Việc lựa chọn cộng đồng được bắt đầu từ phạm vi rộng đến phạm vi hẹp dần và đến khi phù hợp với tiêu chuẩn và khả năng đáp ứng của cộng đồng, của các cơ quan phát triển. Thông thường công việc này được bắt đầu từ việc lựa chọn khu vực (khu vực đồng bằng hay miền núi, khu vực nông thôn hay thành thị...), đến việc lựa chọn tỉnh, thành và quận, huyện.

Ở bước này, người làm công tác phát triển cộng đồng có thể tuyên truyền trên các nguồn thông tin đại chúng, từ số liệu thống kê công khai của các địa phương hoặc qua sự giới thiệu hay tham khảo ý kiến của đồng nghiệp hoặc các cơ quan xã hội có kinh nghiệm liên quan đến các địa phương này để tiếp cận và xác định địa bàn.

Từ một cộng đồng rộng cấp quận huyện, đi đến việc lựa chọn cộng đồng ở cấp xã phường... công việc phức tạp hơn vì cần có nhiều thông tin hơn mà thông tin chính thức (qua báo cáo thống kê) ở các cấp này thường là ít, thiếu, hạn chế hoặc chỉ cung cấp những thông tin chung chung. Do đó đòi hỏi nhóm công tác phải trực tiếp phỏng vấn các lãnh đạo và dân địa phương, kết hợp với quan sát đời sống, sinh hoạt của người dân ở các khu vực thôn bản để có những thông tin chi tiết hơn.

- **Một số tiêu chí tham khảo để chọn địa bàn:**

+ Cộng đồng:

- Quy mô cộng đồng không quá lớn, thường là một thôn hoặc một khu phố

là lý tưởng.

- Đa số là người nghèo và nhu cầu bức xúc của họ phù hợp với lĩnh vực hoạt động, khả năng đáp ứng của cơ quan tài trợ và chiến lược phát triển của địa phương.

- Cộng đồng không có sự bất ổn về an ninh, chính trị cản trở dự án.

- Có tài nguyên và tiềm năng phát triển. Ví dụ: có đất đai, nguồn nước, có kinh nghiệm sản xuất, nuôi trồng, có lực lượng lao động trẻ,...

+ Chính quyền:

- Các lãnh đạo địa phương tương đối cởi mở hoặc hiểu và chấp nhận phương pháp phát triển cộng đồng.

- Có năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển

- Nhiệt tình tham gia, có trách nhiệm và quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân.

- Nội bộ đoàn kết.

Các bước công việc trên áp dụng cho trường hợp nhóm cán bộ phát triển cộng đồng là người bên ngoài, lần đầu đến làm việc tại một cộng đồng. Việc lựa chọn cộng đồng sẽ đơn giản hơn khi họ là cán bộ hay là người đang sống tại địa phương như cán bộ hay các tình nguyện viên của cộng đồng,...

Nên thống nhất với chính quyền địa phương các cấp về một số tiêu chuẩn của cộng đồng để chọn địa bàn phù hợp.

2.2.2. Hội nhập cộng đồng

Hội nhập cộng đồng là một nội dung quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định, tạo tiền đề cho sự thành công của hoạt động phát triển cộng đồng.

Khi địa bàn đã được chọn, việc đầu tiên của bước hội nhập cộng đồng là nhóm công tác phát triển cộng đồng trở lại thăm các cán bộ lãnh đạo địa phương để công khai mục đích, nhiệm vụ của mình trong cộng đồng. Thông thường chính quyền địa phương sẽ giới thiệu một số cán bộ trực tiếp cộng tác với đoàn



Hình 2.1. Bước đầu làm quen với cộng đồng

công tác hoặc đóng vai trò hướng dẫn, giới thiệu đoàn công tác với cộng đồng.

Trong một vài ngày đầu, cần thường xuyên xuống cộng đồng, làm quen, tìm hiểu, trao đổi với người dân, với lãnh đạo hay những người có uy tín trong cộng đồng. Qua thu thập những thông tin ban đầu này, nhóm công tác sẽ dễ dàng phát hiện ra những tiềm năng, nhất là tiềm năng về con người để chuẩn bị cho bước hình thành nhóm nòng cốt.

Thông qua quá trình làm quen, hội nhập với cộng đồng, người làm công tác phát triển cộng đồng mới thực sự đi sâu vào hoạt động của cộng đồng, tìm hiểu về cộng đồng thông qua thông qua trò chuyện, lắng nghe, tìm hiểu nhu cầu, vấn đề của cộng đồng, tìm hiểu những khó khăn của người dân. Từ đó có cái nhìn toàn cảnh, ghi nhận những hiện tượng trong cộng đồng. Phát hiện những người có uy tín trong cộng đồng, chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nòng cốt.

Khi đến địa bàn đã chọn, nhóm cán bộ phát triển cộng đồng chính thức bắt đầu đi vào cộng đồng với tác phong ba cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm với người dân.



Hình 2.2. Hội nhập cộng đồng với tác phong ba cùng

Đi vào cộng đồng, cách hay nhất để có thể có được mối quan hệ tốt với người dân và hiểu sâu hơn về cộng đồng là tham dự những công việc và cùng sinh hoạt với cộng đồng như tham gia các hoạt động đi lưới cá, làm ruộng, chăn nuôi, tham gia đan, thêu, làm việc nhà,... khi ở trong gia đình người dân.

Nhìn chung, có nhiều cách để sống gần gũi với người dân và hòa nhập với lối sống của họ đồng thời người làm công tác phát triển cộng đồng cần luôn giữ phẩm chất, đạo đức của mình. Điều này có nghĩa là sống chung với họ và chia sẻ những kinh nghiệm sống như họ. Kết quả cần đạt là tạo được mối quan hệ tin cậy, hiểu biết giữa nhóm công tác và cộng đồng. Nguyên tắc chung là tôn trọng, thuyết phục, biết phân tích vấn đề một cách thấu đáo, biết huy động nội lực, khơi dậy tiềm năng cộng đồng, khích lệ lòng nhiệt tình tham gia của người dân vào các hoạt động phát triển.

Thời gian hội nhập cộng đồng khoảng từ 4-6 ngày là lý tưởng để đoàn công tác có thể nghe, thấy, hiểu tâm tư, nhu cầu, khó khăn, tiềm năng của người dân cũng như để hiểu chính những khó khăn, hạn chế của bản thân trong công tác vận động quần chúng. Cán bộ phát triển cộng đồng có đủ thông tin để đánh giá tình hình xã hội của cộng đồng và những yếu tố khả thi của một chương trình/dự án tương lai. Qua thu thập những thông tin ban đầu, có thể phát hiện ra những tiềm năng, nhất là tiềm năng về con người để chuẩn bị cho việc hình thành nhóm nòng cốt.

2.2.3. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng

Người làm công tác phát triển cộng đồng cần tìm hiểu và phân tích cộng đồng một cách tường tận. Qua đó giúp nhóm công tác hiểu biết những đặc điểm nổi bật của cộng đồng và định hướng những hoạt động làm thế nào để mang lại những thay đổi cho cộng đồng.

Việc tìm hiểu và phân tích cộng đồng cũng sẽ làm cơ sở cho việc đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch và thực hiện một chương trình/dự án phát triển cộng đồng...

Giai đoạn tìm hiểu cộng đồng cũng tạo sự thức tỉnh và hiểu biết của người dân theo khả năng của họ, giúp họ có cơ hội nhìn lại hoàn cảnh của mình. Giai đoạn này bắt đầu cho một sự tham gia vì không ai hiểu rõ hơn người dân về cộng đồng của họ. Người dân cũng dần nhận diện được trách nhiệm để giải quyết vấn đề của cộng đồng.

Việc tìm hiểu và phân tích về cộng đồng cần được tổ chức theo phương thức có sự tham gia của Ban phát triển và tất cả thành viên của nhóm nòng cốt (kỹ thuật này đã được tập huấn sơ bộ trong lớp học), và nhóm cán bộ tiếp tục làm nhiệm vụ tư vấn thêm về chuyên môn kỹ thuật nghiên cứu và phân tích.

2.2.3.1. Nội dung thông tin cần tìm hiểu

Các thông tin cần tìm hiểu gồm

- **Tổng quan về cộng đồng:**
 - Đặc điểm địa lý của vùng: tìm hiểu về diện tích, vị trí địa lý, các tài nguyên thiên nhiên của địa phương như sông ngòi, ao hồ, khoáng sản, đất đai,...
 - Các đặc điểm về dân số: tổng số dân, số hộ dân, giới tính, độ tuổi, dân tộc, tỉ lệ giữa các nhóm tuổi trẻ em, người già, người trong độ tuổi lao động,...
 - Tình hình kinh tế: tìm hiểu mức sống, thu nhập bình quân của người dân;

cơ cấu ngành nghề tại địa phương (nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ); tiềm năng phát triển,...

- Văn hoá, y tế, giáo dục: bao gồm các phong tục tập quán, tín ngưỡng truyền thống, lịch sử của cộng đồng; lối sống, cách cư xử. Trình độ dân trí, tỉ lệ mù chữ, bỏ học, cơ sở trường học, bệnh viện, đời sống giáo viên, sức khỏe, môi trường,... Tình hình chính trị, an ninh trật tự, các vấn đề xã hội tại địa phương. Các hệ thống dịch vụ xã hội sẵn có trong cộng đồng như y tế cộng đồng, điều kiện vui chơi, giải trí, hệ thống giáo dục,...

- **Nhu cầu và các vấn đề đang tồn tại trong cộng đồng:**

Đó là những nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, việc làm, thu nhập,... hoặc những vấn đề nổi cộm trong cộng đồng như trẻ em thiếu chăm sóc, bị lạm dụng; gia đình tan vỡ; thanh niên thiếu định hướng cho tương lai; thanh thiếu niên thiếu kỹ năng sống; cộng đồng bất đồng về tín ngưỡng; an ninh khu phố, tệ nạn xã hội,...

Những thông tin này được ghi nhận và thu thập qua trao đổi với người dân tại cộng đồng.

- **Các tiềm năng và những hạn chế trong cộng đồng:**

Tiềm năng cộng đồng: là khả năng, năng lực, tài nguyên có nhưng còn tiềm ẩn, bị bỏ quên hay bị gạt ra ngoài nên không được sử dụng đúng mức để giúp cộng đồng phát triển.

Đó là đất đai, mặt bằng, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn, cơ xưởng, trình độ văn hóa, tay nghề, khả năng tổ chức, kinh nghiệm, sức khỏe, tuổi trẻ hay các tổ chức phi hình thức có mục đích tích cực. Đó cũng là sức mạnh tinh thần như nền văn hóa, ước vọng, tấm lòng, sự nhiệt tình, tinh thần hợp tác, mối quan hệ hàng xóm, ý chí vươn lên... của một cộng đồng.

Tiềm năng con người trong cộng đồng: người có uy tín, có chuyên môn, già làng, trưởng bản, các nhóm phi chính thức... với những ý kiến tốt, sáng tạo, được người khác tín nhiệm, người biết lắng nghe và được nghe.

Những hạn chế của cộng đồng: Tiềm năng của cộng đồng đôi khi không được phát hiện hoặc tài nguyên bị phung phí do những trở ngại, đặc biệt là về tổ chức quản lý, bao gồm: trình độ hạn chế của các nhà quản lý; việc tổ chức, sắp xếp chưa đúng người vào cương vị quản lý, người dân chưa được hỗ trợ để hình thành các tổ chức tự nguyện.

- **Các mối quan hệ trong cộng đồng:**

Đây là vấn đề then chốt trong cộng đồng, chính tính chất của các mối quan hệ trong cộng đồng sẽ làm cho cộng đồng mạnh hay yếu, do sự đoàn kết tinh thần hợp tác tạo sức mạnh cho hành động chung. Tuy vậy, vấn đề này không thể phát hiện được qua các cuộc điều tra mang tính chính quy hoặc chính thức như các bảng hỏi mà chỉ có thể tìm hiểu thông qua quan sát, nhận định khi đi sâu vào tìm hiểu cộng đồng.

Tìm hiểu mối quan hệ trong cộng đồng sẽ phát hiện hai cơ chế tồn tại song song:

- Cơ chế chính thức: như tổ chức chính quyền, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức hợp pháp hay có tên gọi chính thức như các câu lạc bộ,...
- Cơ chế phi chính thức (phi hình thức) như các nhóm bạn, nhóm chơi thể thao, giải trí, các đội công tác xã hội tình nguyện, các nhóm sản xuất,... Đôi khi cơ chế phi chính thức này tác động rất mạnh mẽ tới người dân trong cộng đồng.

Điều quan trọng của người làm công tác phát triển cộng đồng trong bước này là cùng với nhóm khảo sát tổng hợp và phân tích thông tin. Yêu cầu cần đạt ở bước này là cộng đồng nhận ra những vấn đề, nhu cầu, tiềm năng của họ, và sắp xếp ưu tiên các vấn đề cần giải quyết.

2.2.3.1. Phương pháp tìm hiểu cộng đồng

Tìm hiểu cộng đồng là một quá trình phức tạp, đòi hỏi cần có nhiều thời gian, nhất là các chương trình/dự án lớn, thường phải được triển khai nghiên cứu kỹ lưỡng thông qua các phương pháp định lượng và định tính. Trong quá trình tìm hiểu cộng đồng; có thể áp dụng nhiều phương pháp khác nhau một cách linh hoạt, bao gồm:

- Kế thừa các tài liệu, tư liệu có liên quan
 - Thông qua sách báo, tư liệu có liên quan đến cộng đồng.
 - Các tài liệu thống kê về dân số, địa lý, cơ sở sản xuất.
 - Các báo cáo hàng năm, hàng quý của địa phương.
 - Các báo cáo khoa học, báo cáo viết về cộng đồng hay các vùng lân cận có liên quan khác.
- Gặp gỡ và trò chuyện với người dân:

Đoàn công tác phát triển cộng đồng có thể hòa mình vào các nơi mà người

dân hay tập trung để lấy thông tin: nhà văn hoá, quán nước, quán ăn, các khu chợ, bến xe,...

Bằng phương pháp này, nhóm công tác sẽ thâm nhập sâu vào cộng đồng và tìm hiểu cộng đồng từ bên trong, nhìn các vấn đề của cộng đồng với con mắt chính của người dân trong cộng đồng.

- Phỏng vấn lãnh đạo địa phương và những người am hiểu vấn đề của cộng đồng.

Một chương trình phát triển cộng đồng có thể do địa phương hay một cấp cao hơn khởi xướng, cũng có thể do một tổ chức xã hội bên ngoài triển khai. Chương trình có thể bắt đầu khi những người có trách nhiệm của địa phương đồng ý.

Đoàn công tác sau khi nắm sơ lược tình hình về cộng đồng thông qua các tự liệu có thể gặp lãnh đạo địa phương để lấy thêm thông tin bổ sung, kiểm tra lại thông tin (nhu cầu cộng đồng, những vấn đề nổi cộm). Trong quá trình phỏng vấn, cần có sự chuẩn bị nội dung cuộc trao đổi để tránh mất thời gian và đi sâu vào các vấn đề đang quan tâm.

Ngoài ra còn có thể gặp những người am hiểu về vấn đề của cộng đồng như cán bộ hưu trí, giáo viên, người già, người cao tuổi trong cộng đồng để hiểu rõ tình hình của cộng đồng.

- Tổ chức thảo luận trong dân:

Tổ chức các buổi họp thảo luận giữa người dân và nhóm cán bộ phát triển cộng đồng là một trong những cách giúp đoàn công tác có được thông tin quý giá về cộng đồng, bởi vì không ai hiểu rõ cộng đồng hơn người dân ở trong chính cộng đồng đó.

Mặt khác việc thảo luận giữa các thành viên của cộng đồng với đoàn cán bộ phát triển cộng đồng là một cách giúp cho người dân nhìn nhận vấn đề của họ. Phân tích được các nguyên nhân từ đó có hướng giải quyết, hành động để giải quyết vấn đề của cộng đồng.

Đây là một cách khơi dậy trong dân sự quan tâm, hứng thú để hành động, đóng góp cho địa phương, tăng cường năng lực trong dân.

- Sử dụng các công cụ trong phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA).

PRA là một phương pháp luận giúp cho người dân nông thôn có thể chia sẻ, củng cố và phân tích kiến thức hiểu biết của họ về cuộc sống, điều kiện sống; cũng như lập kế hoạch, thực hiện và giám sát và đánh giá.



Hình 2.2. Sử dụng công cụ Đắp sa bàn thôn trong tìm hiểu tài nguyên cộng đồng

Trong tiến trình phát triển cộng đồng, các công cụ PRA được sử dụng để phân tích hiện trạng, tiềm năng, vấn đề và nguyên nhân, tìm ra giải pháp có thể và xác định các hoạt động liên quan cho những lĩnh vực chủ đề khác nhau tại cộng đồng.

Tuỳ vào từng chương trình, hoạt động phát triển cộng đồng, có thể lựa chọn các công cụ khác nhau trong PRA để tiến hành phân tích, tìm hiểu cộng đồng như sau:

- + Các công cụ phân tích theo không gian: Vẽ sơ đồ thôn bản; đắp sa bàn thôn bản; điều tra theo tuyến và vẽ sơ đồ lát cắt;...
- + Các công cụ phân tích theo thời gian: Lược sử thôn bản; xây dựng biểu đồ hướng thời gian; Phân tích lịch mùa vụ;....
- + Các công cụ biểu thị mối quan hệ: Phân loại cho điểm cây trồng, vật nuôi; Phân tích SWOT; Phân tích sơ đồ VENN;
- + Thảo luận nhóm: làm việc với nhóm sở thích, nhóm lãnh đạo, thảo luận nhóm nam/nữ để tìm hiểu nhu cầu, sở thích của hai giới,...
- + Hợp dân: đây là công cụ có tính quyết định trong việc phân tích, tìm hiểu và ra quyết định trong cộng đồng. Hợp dân thể hiện sự tham gia, đóng góp đầy đủ nhất của người dân trong quá trình thực hiện các đợt đánh giá tìm hiểu cộng đồng nhằm: Kiểm tra lại và bổ sung thông tin; Thống nhất các giải pháp cho thôn bản; Thống nhất các chương trình hành động và cam kết thực hiện,...

2.2.4. Lựa chọn người có khả năng lãnh đạo, xây dựng, bồi dưỡng/ tập huấn các nhóm nòng cốt

Trong quá trình nghiên cứu và hội nhập cộng đồng, nhóm công tác phát triển cộng đồng đã có thể phát hiện ra những người tích cực, có khả năng lãnh đạo, dần có hướng bồi dưỡng họ thành những người nòng cốt cho các nhóm tự nguyện hoặc cho quá trình quản lý các dự án phát triển cộng đồng. Nhóm này gồm người thật sự đại diện cho dân, có ý thức tiến bộ trong cộng đồng (có thể bao gồm những cán bộ chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương, những người dân hay lãnh đạo nhóm phi chính thức trong cộng đồng, lãnh đạo tôn giáo nhiệt tình, có uy tín).

- **Tiêu chuẩn để lựa chọn người nòng cốt cho phát triển cộng đồng:**
 - Có uy tín và có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng.
 - Có suy nghĩ tích cực, có ý thức đối với môi trường xung quanh
 - Linh hoạt, đáp ứng được với những thay đổi mới
 - Có khả năng truyền thông, giao tiếp tốt, có khả năng phát biểu, thuyết phục người khác.
 - Mạnh dạn nói thay tiếng nói cho người dân trong cộng đồng.
 - Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.
 - Thuộc gia đình có thu nhập thấp hoặc vừa trong cộng đồng.
 - Có điều kiện thời gian để tham gia các hoạt động đại diện cộng đồng.

Việc phát hiện hoặc nhận diện người nòng cốt, người lãnh đạo cộng đồng không nên quá cầu toàn, họ có thể chỉ là người mang tính tiên phong trong một số hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng. Ví dụ, người thường vận động mọi người giữ gìn vệ sinh trong thôn xóm, thường đứng ra hòa giải những mâu thuẫn, bất đồng trong cộng đồng, cung cấp thông tin về việc làm hoặc giới thiệu việc làm cho một số người thất nghiệp trong cộng đồng,...

Khi đã lựa chọn được người nòng cốt trong cộng đồng, tác viên cộng đồng cần trao đổi, thảo luận với họ về những quan tâm của cộng đồng, bằng cách này giúp tăng cường sự nhận thức về vai trò, trách nhiệm cũng như sự tham gia của họ vào việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

- **Bồi dưỡng nhóm nòng cốt**

Sau khi nhóm nòng cốt được hình thành (lý tưởng là khoảng 10 người/cộng đồng), việc lên kế hoạch và tổ chức tập huấn được bàn bạc để thực hiện.

Các nội dung bồi dưỡng, tập huấn bao gồm:

- Hỗ trợ kỹ năng lập kế hoạch dự án.
- Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng, tổ chức các hoạt động dự án, quản lý dự án.
- Kỹ năng làm việc nhóm, truyền thông, tổ chức các hoạt động giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm,...
- Đào tạo họ thành các tiểu giáo viên, có khả năng hướng dẫn người dân trong các hoạt động thực tế tại cộng đồng.

Hướng dẫn viên của khóa tập huấn là nhóm công tác phát triển cộng đồng và có thể có thêm một số chuyên gia có nhiều kinh nghiệm tập huấn được mời hỗ trợ. Mỗi đợt tập huấn có thể được tổ chức liên tục từ 4 buổi đến một tuần lễ. Kinh phí tổ chức tập huấn tốt nhất nên do địa phương, nếu địa phương quá khó khăn về tài chính thì hai bên cùng phối hợp tổ chức.

Cuối khóa tập huấn, việc lập kế hoạch cho nhóm nòng cốt tự tìm hiểu và phân tích tình hình cộng đồng cần được thực hiện. Nếu thuận lợi có thể bầu tạm thời một Ban cộng đồng hay Tổ phát triển cộng đồng gồm 3 – 5 người (tốt nhất là nên có sự tham gia của một vài người dân có uy tín, chẳng hạn trưởng thôn, trưởng bản). Số người còn lại trong nhóm nòng cốt sẽ là những người cùng Ban Phát triển tiến hành triển khai các chương trình hành động phát triển cộng đồng sau đó.

Việc bồi dưỡng nhóm nòng cốt có thể được tiếp tục trong suốt các hoạt động sau này của dự án.

2.2.5. Thành lập Ban đại diện/ Ban phát triển cộng đồng

Căn cứ những kết quả đạt được trên, đoàn cán bộ cùng nhóm nòng cốt sẽ nhận thấy cần có những chương trình hành động cụ thể để giải quyết vấn đề của cộng đồng. Đây là lúc nhóm cán bộ phát triển giúp hình thành một cơ chế ban điều hành quản lý, thí dụ Ban Phát triển làng, Ban điều hành dự án, với các quy định, điều lệ hoạt động chính thức.

Ban phát triển cộng đồng là một cơ chế điều hành quản lý có sự tham gia của đại diện người dân. Thông qua cơ chế này người dân có cơ hội tốt để giúp

tăng nhận thức và tăng năng lực. Ban phát triển và nhóm nòng cốt sẽ cùng cộng đồng thực hiện những chương trình hành động cụ thể để giải quyết vấn đề của cộng đồng. Ban tự xây dựng các quy định, điều lệ hoạt động chính thức.

- Trách nhiệm của Ban Phát triển cộng đồng

- Đại diện cho toàn thể cộng đồng.
- Chịu trách nhiệm về các thông tin phản hồi và các kiến nghị từ cộng đồng.
- Tại các buổi họp phải xem xét vấn đề một cách toàn diện cho toàn bộ khu vực dự án, không chỉ cục bộ nơi mình sống.
- Xây dựng các quy định, điều lệ hoạt động chính thức.
- Cùng nhóm nòng cốt và cộng đồng xây dựng và thực hiện những chương trình hành động cụ thể để giải quyết vấn đề của cộng đồng.

Việc lựa chọn Ban Phát triển cộng đồng cần tham khảo ý kiến của chính quyền, đoàn thể, thành viên dự án. Cơ cấu thường gồm từ 5-7 người, bên cạnh Ban phát triển cộng đồng là những nhóm nòng cốt hoạt động hỗ trợ, phối hợp. Việc lựa chọn thành viên của các nhóm đại diện cộng đồng luôn phải công khai, kêu gọi sự tham gia của toàn cộng đồng ngay từ lúc khởi đầu. Tiến trình này bao gồm cả việc tổ chức các cuộc họp cộng đồng, bảo đảm rằng tất cả các thành viên cộng đồng đều được mời họp.

- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban phát triển cộng đồng:

- Là những người nòng cốt trong cộng đồng.
- Hiểu biết đầy đủ về các quan tâm của cộng đồng.
- Quan tâm đến những hoạt động của dự án hỗ trợ cộng đồng.
- Có thời gian để đảm nhận vai trò.
- Sẵn sàng làm việc theo nhóm.
- Biết cách nêu đề xuất một cách hợp lý.
- Có tỉ lệ nữ thích hợp.

Thành phần của Ban phát triển có thể bao gồm: đại diện người dân, chính quyền/đoàn thể địa phương, tổ chức chính trị xã hội liên quan.

Thông báo chính thức cho toàn thể cộng đồng biết thành phần Ban phát triển sau khi đã được thành lập và được công nhận bởi chính quyền địa phương.

2.2.6. Lập kế hoạch, chương trình phát triển cộng đồng

Nên bắt đầu bằng những hoạt động nhỏ liên quan tới một lĩnh vực và phù hợp với điều kiện về tài nguyên và nhân sự của cộng đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân (Ví dụ như vốn vay xóa đói giảm nghèo, kinh nghiệm sản xuất,..).

Khi chương trình ban đầu đã đi vào nề nếp, cán bộ phát triển cộng đồng bàn bạc với Ban phát triển để lên kế hoạch lồng ghép thêm các chương trình liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như:

giáo dục, vui chơi, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường,...

Cần lập kế hoạch hành động cộng đồng cho từng hoạt động cụ thể như cải thiện vệ sinh môi trường, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng, các chương trình vay vốn tín dụng, xóa mù chữ, tập huấn kỹ thuật,...

Thành lập các nhóm hành động khác nhau theo lĩnh vực chuyên môn như nhóm vệ sinh môi trường, nhóm người già neo đơn, nhóm chăn nuôi, nhóm Phụ nữ buôn bán nhỏ v.v... để phát huy tối đa sự tham gia của người dân vào các chương trình hành động của cộng đồng. Nhóm nòng cốt là nhân lực chủ yếu của các nhóm hành động này.

Để lập kế hoạch cần quan tâm đến các khía cạnh sau:

- Làm cái gì? Cái gì cần làm trước, cái gì sau? Điều quan trọng là phải lồng ghép việc duy trì các hoạt động một cách bền vững.

- Ai sẽ thực hiện từng công việc? Cộng đồng, tổ chức tài trợ, chính quyền



Hình 2.3: Tham gia lập kế hoạch hoạt động cộng đồng



Hình 3.4: Nhóm hành động giữ vệ sinh môi trường

địa phương hay phối hợp các đơn vị?

- Nhiệm vụ sẽ thực hiện như thế nào? Các công cụ, phương tiện cần thiết?
Điều kiện gì: thời gian, kinh phí, con người,...

- Khi nào thực hiện? Khi nào kết thúc?

Sau khi đã trao đổi, bàn bạc thống nhất về kế hoạch cụ thể các chương trình hành động phát triển cộng đồng, Ban phát triển cần đưa ra được một bảng kế hoạch hoạt động chi tiết để phổ biến tới toàn bộ người dân trong cộng đồng, giúp cho cộng đồng nhận thức rõ những mục tiêu và nhiệm vụ của mỗi cá nhân, tổ chức trong toàn bộ tiến trình phát triển cộng đồng. Thực hiện tốt được điều này cũng chính là phát huy tối đa quyền tham gia của người dân vào quá trình thay đổi cộng đồng.

Bảng 2.1. Khung mẫu bảng kế hoạch hoạt động phát triển cộng đồng

STT	Hoạt động	Thời gian	Người thực hiện	Kinh phí/ nguồn lực	Kết quả mong đợi
1					
2					
3					
.....					

2.2.7. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm; củng cố tổ chức

- *Phát huy tiềm năng nhóm*

Các tổ chức/nhóm trong cộng đồng là nhóm người dân cùng làm việc với nhau, thường hiện diện dưới dạng các tổ, nhóm, hội, câu lạc bộ,....

Các tổ chức/nhóm trong cộng đồng là một bộ phận tập hợp những năng khiếu, tài năng, và kỹ năng của mỗi thành viên cộng đồng.

Thành lập các nhóm hành động khác nhau theo lĩnh vực chuyên môn để phát huy tối đa sự tham gia của người dân vào các chương trình hành động của cộng đồng. Khơi dậy sự tham gia tự nguyện của các nhóm trong cộng đồng. Đưa ra các chương trình hành động theo các lĩnh vực hoạt động của cộng đồng nhằm thu hút các nhóm mục tiêu khác nhau vào chương trình phát triển.

Với mục đích xây dựng cộng đồng, người dân kết hợp với nhau để đạt được mục tiêu chung, họ thường thể hiện sức mạnh trên 3 mặt: 1- Quyết định trên vấn đề chung; 2- Chia sẻ trong việc hình hành kế hoạch cộng đồng để giải quyết vấn đề và 3- Tiến hành hành động để thực hiện kế hoạch và giải quyết vấn đề.

Nhóm nòng cốt ban đầu là nhân lực chủ yếu của các nhóm bên trong cộng đồng. Một số hình thức nhóm cộng đồng bao gồm:

- Nhóm hàng xóm, dân cư
- Nhóm văn hóa, giáo dục, y tế, Tôn giáo, tín ngưỡng,...
- Nhóm thanh niên
- Nhóm học sinh-sinh viên
- Hội Cựu chiến binh, Người cao tuổi, ...
- Câu lạc bộ văn nghệ, thể thao,...
- Nhóm chăn nuôi, buôn bán, kinh doanh,...

Các nhóm hành động sẽ được thu hút vào các hoạt động tình nguyện, chuyên môn để hỗ trợ cộng đồng giải quyết các khó khăn.

Hoạt động của các nhóm hành động trong cộng đồng dù độc lập về mặt sở thích, nguyện vọng, ngành nghề nhưng cần đặt dưới sự phối hợp của Ban phát triển. Hình thức hoạt động của nhóm rất đa dạng và năng động. Họ được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thường xuyên, được trao đổi kinh nghiệm và liên kết phối hợp thông qua các hoạt động giao lưu, trao đổi chuyên môn, phát triển các dịch vụ xã hội hữu hiệu trong cộng đồng.

Việc phát huy và phối hợp giữa các nhóm trong cộng đồng là yếu tố quan trọng để thực hiện và triển khai các hoạt động phát triển, tuy nhiên trong quá trình vận động sự tham gia của các nhóm cần bình tĩnh, kiên nhẫn, tôn trọng cộng đồng, không nóng vội để phát huy sự tự ý thức của các tổ chức nhóm.

- *Nhiệm vụ của người làm công tác phát triển cộng đồng trong việc hỗ trợ củng cố các tổ chức cộng đồng*

Trong quá trình triển khai các chương trình phát triển, người làm công tác phát triển cộng đồng cần thường xuyên củng cố tổ chức của các nhóm, phát huy những sáng kiến, kinh nghiệm của địa phương. Nhiệm vụ của người làm công tác phát triển cộng đồng trong hỗ trợ củng cố các nhóm bao gồm:

- Phát huy sáng kiến, kinh nghiệm địa phương.
- Tăng năng lực nhóm thông qua huấn luyện.
- Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tính sáng tạo, tinh thần dân chủ trong nhóm.
- Phát hiện các mâu thuẫn trong các nhóm để can thiệp giải quyết các mâu thuẫn kịp thời.
- Khuyến khích nhóm đề ra hoạt động để cùng làm với nhau, đạt mục đích chung.
- Chú trọng tiến trình ra quyết định của nhóm.

Cán bộ cộng đồng sẽ thường xuyên củng cố tổ chức của các nhóm và phát huy những sáng kiến, kinh nghiệm của địa phương thông qua việc hỗ trợ ban phát triển cộng đồng và các nhóm nòng cốt về kiến thức, kỹ năng trong quản lý, triển khai kế hoạch hoạt động và cách thức huy động nguồn lực trong cộng đồng trong toàn bộ tiến trình thực hiện các hoạt động theo kế hoạch tại cộng đồng.

Việc củng cố các tổ chức nhóm trong cộng đồng được thực hiện thông qua huấn luyện đào tạo, tham quan, rút kinh nghiệm thường kỳ; Thông qua bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tính sáng tạo, và dân chủ trong tổ chức nhóm. Tránh ý nghĩ rằng họ sẽ không thể làm tốt nếu không có cán bộ phát triển cộng đồng. Hãy để người dân rút ra bài học làm thế nào để nhận diện và giải quyết vấn đề.

Gợi mở các hình thức hoạt động để người dân tự tổ chức, cùng làm chung với nhau trong giải quyết các mục tiêu của cộng đồng. Tác động vào các tổ chức thông qua các buổi hội họp, tham quan, trao đổi kinh nghiệm từ đó giúp các nhóm tạo lập mối quan hệ gần gũi hơn. Mở rộng các hình thức tuyên truyền vận động trong cộng đồng để thu hút sự tham gia hỗ trợ của mọi lực lượng trong xã hội. Liên kết chặt chẽ với các nhà chức trách trong và ngoài cộng đồng để họ tạo các cơ hội thuận lợi cho sự tham gia của người dân vào tiến trình phát triển cộng đồng.

Để khơi dậy tiềm năng nhóm đạt hiệu quả cần có những hướng dẫn cụ thể để giúp các nhóm lập kế hoạch hành động một cách sát thực và hiệu quả.

Hàng quý, hàng năm cần có nhiều hoạt động củng cố mạng lưới thông qua quá trình trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm trong và ngoài cộng đồng.

2.2.8. Liên kết các nhóm hành động

Các nhóm hành động trong cộng đồng cần mở rộng quan hệ hợp tác với các nhóm ở cộng đồng lân cận hoặc khu vực dân cư khác nhau có cùng mục tiêu và cách thức tiến hành trong giải quyết vấn đề cộng đồng. Đây là hoạt động tạo mạng lưới nhằm tăng thêm sức mạnh cho người dân, cho cộng đồng.

Việc hợp tác sẽ tiến đến những thể chế lớn hơn đáp ứng nhu cầu phát triển trên diện rộng từ đó giúp tăng sức mạnh cho người dân, cho cộng đồng.

Tham quan học hỏi các kinh nghiệm, mô hình bên ngoài cộng đồng là cơ hội để các nhóm học tập, chia sẻ kinh nghiệm và liên kết với nhau một cách thiết thực hơn.

Thông qua các hình thức liên kết giúp huy động tối ưu nguồn lực từ bên trong và bên ngoài cộng đồng.

Rút ngắn được tiến trình giải quyết vấn đề nếu có sự cộng tác của các đơn vị, tổ chức đối tác.

Ngoài hình thức liên kết hành động bên trong cộng đồng, việc liên kết với các nhóm khác cùng lĩnh vực hoạt động ở ngoài cộng đồng là cần thiết vì hình thức này ngoài việc giúp cho các nhóm có thêm cơ hội học tập kinh nghiệm lẫn nhau (tăng năng lực) các nhóm còn mở rộng sự hợp tác, hỗ trợ nhau, giúp cho hoạt động phát triển ngày càng rộng dần và tiến đến việc có thể có những thiết chế lớn hơn đáp ứng cho nhu cầu phát triển trên diện rộng (tăng sức mạnh).

• Những trở ngại trong việc phối hợp, hợp tác giữa các nhóm

* *Nhà tài trợ:*

- Chưa hiểu rõ cơ cấu tổ chức và cách làm việc của địa phương.
- Bất đồng quan điểm về giá trị.
- Quá nguyên tắc, áp đặt, chủ quan.
- Muốn giám sát chặt chẽ hoạt động dự án.

* *Chủ dự án* (là đơn vị đối tác của nhà tài trợ, nhận tài trợ để triển khai dự án phát triển cộng đồng):

- Cách làm việc không rõ ràng, dứt khoát.
- Thiếu mô tả trách nhiệm các bên, thiếu chế độ chính sách cụ thể.
- Lo sợ mất chủ quyền, an ninh.
- Thay đổi hoặc vi phạm nhiều điều khoản đã ký kết.

- Nặng về tình cảm hơn nguyên tắc, bảo thủ.
- * *Ban ngành, đoàn thể tại địa phương:*
 - Mô tả nhiệm vụ, trách nhiệm không rõ ràng giữa các bên.
 - Lợi ích không được thoả mãn.
 - Mâu thuẫn về phương pháp, đôi khi do chưa hiểu rõ các hoạt động.
 - Tinh thần trách nhiệm chưa cao.
 - Thiếu sự chỉ đạo của chính quyền địa phương.
 - Bệnh thành tích.
- * *Nhóm thực hiện dự án:*
 - Kế hoạch không rõ ràng, thay đổi tùy tiện.
 - Thiếu quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người tham gia.
 - Lo sợ bị mất ảnh hưởng với cộng đồng, đối tượng thụ hưởng.
 - Thiếu kỹ năng làm việc tập thể.
- * *Các nhóm trong cộng đồng:*
 - Thiếu kỹ năng làm việc tập thể, năng lực quản lý quy mô lớn, khoa học.
 - Thiếu cơ chế điều hành chung có hiệu quả.
 - Chưa nhận ra được sự cần thiết trong hợp tác dẫn đến chưa tin tưởng sự hợp tác, tư tưởng e ngại.
 - Tính cục bộ địa phương.
 - Sợ mất quyền lợi, quyền lực.
 - Bằng lòng, cầu an.
 - Cách làm nóng vội.
- ***Những việc cần thiết để tạo sự phối hợp, liên kết***
 - Mỗi người phải hiểu vấn đề một cách toàn diện. Có thể thông qua các buổi họp giao ban, chia sẻ kinh nghiệm giúp mọi người hiểu nhau hơn.
 - Mỗi người cần có ý thức đóng góp để giải quyết vấn đề. Đặt quyền lợi cộng đồng trên hết.
 - Khi làm việc trong tinh thần hợp tác nhóm, mỗi người cần nhận ra vấn đề của người khác, quan tâm đến quyền lợi của các bên để đóng góp tối đa.
 - Tôn trọng văn hoá, tính cách của đối tác
 - Cần tin tưởng rằng các nhóm biết quan tâm, giúp đỡ nhau làm tốt thường sẽ hoạt động hữu hiệu hơn những nhóm không quan tâm tới nhau.

2.2.9. Rút kinh nghiệm - Lượng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm

Rút kinh nghiệm công tác tổ chức, lãnh đạo nhóm và việc thực hiện các hoạt động dự án là việc làm thường xuyên thông qua các buổi họp định kỳ hàng tuần, tháng hoặc quý.

Lượng giá là hoạt động xem xét có hệ thống và khoa học, thường lượng giá giữa kỳ hoặc cuối kỳ của một dự án.

Lượng giá là công việc rất cần thiết mà nhiều chương trình phát triển ít quan tâm hoặc nếu có quan tâm cũng chưa phát huy hết tác dụng của công việc này. Cán bộ phát triển cộng đồng cần hỗ trợ cho Ban Phát Triển cộng đồng/ Ban điều hành, các nhóm hành động trong cộng đồng thường xuyên lượng giá các chương trình hành động một cách khoa học và nghiêm túc, cũng như giúp cho cộng đồng (Ban Phát triển, nhóm hành động, người thụ hưởng cũng như không thụ hưởng) nhìn lại tiến trình hoạt động, cách thay đổi, các mục tiêu đạt được, các ảnh hưởng, mặt mạnh yếu của tổ chức nhóm.

Phương pháp lượng giá có sự tham gia của cộng đồng là một phương pháp rất hữu hiệu nhằm giúp các nhóm nhận ra các mục tiêu nêu trên. Ngoài ra hình thức lượng giá có sự tham gia còn tạo cơ hội để những người dân tập cách lượng giá và có thêm cơ hội để cùng làm việc chung và cũng là dịp giúp nhóm nhận ra sự phát triển hay yếu kém mình về nhiều mặt trong tổ chức, phân công trong nhóm, truyền thông, bầu không khí, sự tương tác, mối quan hệ trong nhóm,... Sự lượng giá các mặt này giúp cho nhóm lớn mạnh, có kinh nghiệm hơn trong giải quyết những tình huống, trở lực xảy ra trong cũng như ngoài nhóm, tăng cường động lực tự nguyện trong nhóm, và nhóm cũng chính là nhân tố thúc đẩy động lực tự nguyện trong cộng đồng.

Việc lượng giá cuối kỳ cần lưu ý đối chiếu với bảng kế hoạch thực hiện đã được xây dựng để đánh giá những kết quả, những mục tiêu đã đạt được so với kết quả mong muốn ban đầu. Đồng thời, việc lượng giá cuối kỳ cũng cần có sự công khai minh bạch về các hoạt động, về tài chính đã sử dụng để người dân thấy được ý nghĩa của sự tham gia, thấy được sự thành công của hoạt động phát triển cộng đồng là sự phối hợp, huy động nguồn lực từ nhiều phía trong đó có vai trò không nhỏ của chính các thành viên trong cộng đồng.

Ví dụ:

Bảng 2.2: Tổng hợp kết quả, kinh phí hoạt động Phát triển cộng đồng tại xóm 3 xã Tân Lộc, Lộc Hà, Hà Tĩnh

STT	Hoạt động	Thời gian	Người thực hiện	Kinh phí (đơn vị 1000 đ)				Tổng
				Tổ chức AAV Hỗ trợ	Người dân đóng góp			
					Tiền	Nguyên vật liệu	Ngày công quy ra tiền	
1	Xây dựng cống thoát nước đồng Đôi Nơ	1/12- 8/12/2008	Ban công tác Người dân Nhóm sinh viên	2.716	1.174		1.310	5.200
2	Làm đập tràn đồng Đôi Nơ	9/12- 4/12/2008	Bác Nguyễn Trọng Tài Ban Công tác Người dân		92		30	122
3	Làm cống tràn đồng Hố	8/12- 21/12/2008	Bác Nguyễn Duy Tam Anh Nguyễn Trọng Hới Bác Nguyễn Bình Phú Bác Trần Sỹ Thao Bác Nguyễn Duy Ngà Bác Nguyễn Duy Tiến	230	170		100	500
4	Đổ đường đồng Đôi Nơ	12/12- 18/12/2008	Ban công tác Người dân Nhóm sinh viên	800		300	1.250	2.350

5	Cải tạo đường Tây Hồ	6/12 - 10/12/2008	Người dân xóm Tây Hồ Ban làm việc Nhóm sinh viên	2.890	1.890	240	960	5.980
6	Cải tạo đoạn đường cửa bà Quang Minh	6/12 - 8/12/2008	Người dân xóm 3 Ban làm việc Nhóm sinh viên	360	130	1.010	130	1.630
7	Cải tạo đoạn đường anh Đích Cảnh	6/12 - 8/12/2008	Người dân xóm 3 Ban làm việc Nhóm sinh viên	540	20	120	60	740
8	Cải tạo đoạn đường ông Hải Tài	6/12 - 8/12/2008	Người dân xóm 3 Ban làm việc Nhóm sinh viên	450	340	175	100	1.065
9	Cải tạo đoạn đường a Tuệ Quang	6/12 - 8/12/2008	Người dân xóm 3 Ban làm việc Nhóm sinh viên	180		450	60	690
10	Cải tạo đoạn đường anh Thanh Hảo	6/12 - 8/12/2008	Người dân xóm 3 Ban làm việc Nhóm sinh viên	680		150	100	930
11	Cải tạo đường ông Thịnh Châu	12/12/2008	Ông Thịnh Châu Ban làm việc Nhóm sinh viên			90		90

12	Cải tạo các trục đường khác	6/12 - 8/12/2008	Người dân xóm 3 Ban làm việc Nhóm sinh viên	500	396	720	652	2.268
13	- Tọa đàm về Dân số- kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản	11/12/2008	Hội phụ nữ xóm Cán bộ chuyên trách Dân số xã: Chu Thắng Trạm trưởng trạm Y tế xã Nhóm sinh viên	118	82			200
14	- Khai thông cống rãnh, Vệ sinh môi trường.	15/12/2008	Người dân trong xóm Hội Phụ nữ Đoàn Thanh niên Nhóm sinh viên				1.000	1.000
15	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về Vệ sinh môi trường, nước sạch và Sức khỏe sinh sản tuổi vị thành niên	21/12/2008	Ban cộng tác Đoàn Thanh niên xã Đoàn Thanh niên xóm 3 Nhóm sinh viên	118				118
16	- Tổ chức giao lưu văn nghệ kỷ niệm 22/12	22/12/2008	Ban cộng tác Đoàn Thanh niên Nhóm sinh viên	500				500
	Tổng			10.082	4.376	3.255	5.752	23.465

(Nguồn: Trích theo Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Tuấn Long, 2011)

2.2.10. Kết thúc và chuyển giao

Cùng với sự phát triển năng lực, sức mạnh, động lực tự nguyện và tinh thần tự lực của cộng đồng, nhóm công tác rút dần sự tham gia, hỗ trợ, tư vấn của mình cho cộng đồng để đi đến những cộng đồng mới. Trường hợp người làm công tác phát triển cộng đồng là người trong cộng đồng cũng rút dần sự tham gia nhưng đóng vai trò tư vấn khi cộng đồng cần.



Thông thường dự án/ chương trình phát triển cộng đồng có thời hạn từ 3-5 năm hoặc hơn, tùy theo nhà tài trợ hoặc loại hình hỗ trợ cộng đồng. Trước thời hạn kết thúc dự án, cán bộ phát triển cộng đồng sẽ chuẩn bị cho việc chuyển giao trách nhiệm cho cộng đồng để khi họ rút lui, cộng đồng có thể tự tổ chức hoạt động của họ và phát hiện nhu cầu, tự giải quyết. Cán bộ phát triển chỉ có vấn khi cần thiết.

- *Công tác chuyển giao*
 - Chuẩn bị công tác bàn giao thật kỹ và tiến hành bàn giao đầy đủ, rõ ràng, cụ thể. Có sự hiện diện của các bên đối tác, có cam kết của cộng đồng để tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động.
 - Biên bản bàn giao sẽ được lập thành các bản để mỗi bên đối tác và cộng đồng lưu giữ.
 - Tác viên sẽ thỉnh thoảng đến thăm cộng đồng, đặc biệt là vào các dịp đánh giá, lượng giá chương trình hoạt động.
 - Tác viên có thể giới thiệu cho những cộng đồng (mới) khác đến để học tập, chia sẻ kinh nghiệm. Việc này sẽ củng cố thêm niềm tin, sức mạnh cho cộng đồng trong việc duy trì, phát triển hoạt động của mình.

Tóm lại, phát triển cộng đồng là tiến trình để giúp cộng đồng/ người thiệt thòi tăng năng lực, quyền lực. Nghĩa là nâng cao nhận thức của họ về tình hình địa phương, khả năng giải quyết vấn đề và bồi dưỡng năng lực lãnh đạo trong cộng đồng. Mọi quan hệ giữa người làm công tác phát triển cộng đồng và cộng đồng /nhóm người thiệt thòi là mối quan hệ hợp tác, học hỏi, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau, và phát huy tối đa tiềm năng sẵn có của cộng đồng.

2.3. Đánh giá sự phát triển của cộng đồng

2.3.1. Khái niệm về đánh giá phát triển cộng đồng

Đánh giá phát triển cộng đồng thực chất là đánh giá chuyển biến xã hội trong cộng đồng và tác động của các chuyển biến này đến năng lực giải quyết vấn đề, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ môi trường, cũng như giải quyết các xung đột và đảm bảo công bằng xã hội.

Các chuyển biến xã hội bao gồm:

- Chuyển biến về tổ chức cộng đồng
- Thay đổi về nhận thức, hành vi, trách nhiệm của cộng đồng
- Cải tiến về thể chế, quy ước, quy định trong hoạt động cộng đồng
- Các cải thiện về giá trị, tập tục giúp nâng cao đời sống và bảo đảm công bằng xã hội.

2.3.2. Các phương pháp đánh giá phát triển cộng đồng

- *So sánh giữa thực tế đạt được với kế hoạch hoạt động của chương trình/dự án:*

Đây là phương pháp rất thông dụng, được áp dụng chủ yếu để đánh giá kết quả đạt được của một chương trình/ dự án phát triển cộng đồng.

Khi so sánh cần xem xét trong bối cảnh cụ thể, chú ý đến các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các giả thiết quan trọng đã được xác định khi lập kế hoạch hoạt động và phải định lượng hoặc định tính được.

- *So sánh lợi ích và chi phí:*

Là phương pháp rất cơ bản, thường được dùng để đánh giá tác động của dự án. Chi phí là những gì mà cá nhân hay xã hội bị mất đi hay phải chi tốn khi tiến hành dự án. Lợi ích của dự án là những gì mà cá nhân hay xã hội được lợi khi tiến hành dự án, lợi ích bao gồm lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

- *So sánh trước và sau khi có dự án:*

Là sự xem xét những lợi ích mà dự án đã tạo ra sau khi thực hiện so với trước khi triển khai dự án.

- *So sánh vùng có dự án và vùng không có dự án:*

Xem xét, so sánh những lợi ích mà dự án mang lại cho vùng được dự án hỗ trợ so với vùng lân cận không có dự án hỗ trợ.

2.3.3. Các tiêu chí thường sử dụng để đánh giá

- Các chỉ tiêu phản ánh mức sống (thu nhập bình quân thực tế, bình quân lương thực/người)
- Các chỉ tiêu phản ánh tuổi thọ và chăm sóc sức khỏe (tuổi thọ bình quân, tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh, tỷ lệ trẻ em trên 1 tuổi được tiêm phòng dịch, số người/bác sĩ, tỉ lệ chi tiêu cho ngân sách y tế và chăm sóc sức khỏe).
- Các chỉ tiêu phản ánh trình độ văn hoá, giáo dục: tỷ lệ người biết chữ, tỷ lệ phổ cập giáo dục các cấp, tỷ lệ chi tiêu trong ngân sách Nhà nước cho giáo dục; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đi học,...
- Các chỉ tiêu phản ánh tình trạng tăng dân số và việc làm: tốc độ tăng dân số bình quân, tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai, tỷ lệ thất nghiệp; tỉ trọng dân số thành thị,...
- Các chỉ tiêu về môi trường sống: tỷ lệ dân số được dùng nước sạch; tỷ lệ che phủ của rừng; diện tích bị ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn khu dân cư; khối lượng chất thải rắn chưa được xử lý; tổng chi phí từ ngân sách cho các hoạt động môi trường,...
- Các chỉ tiêu về nghèo đói và bất bình đẳng: tỷ lệ hộ đói, nghèo.



Chương 3

SỰ THAM GIA TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Một yếu tố chủ yếu trong chiến lược Phát triển cộng đồng là sự tham gia của người dân, đây là một trong những thành tố chính của phát triển trong thời gian gần đây vì nhiều lý do. Một là, sự tham gia của người dân là phương tiện hữu hiệu để huy động tài nguyên địa phương, tổ chức và tận dụng năng lực sự khôn ngoan, tính sáng tạo của người dân vào các hoạt động phát triển. Hai là, nó giúp xác định nhu cầu tiên khởi của cộng đồng và giúp tiến hành những hoạt động phát triển để đáp ứng những nhu cầu này. Quan trọng hơn cả là sự tham gia của người dân giúp cho dự án hay hoạt động được công nhận, khuyến khích người dân tham gia thực hiện, và đảm bảo khả năng bền vững. Kinh nghiệm gần đây trong những hoạt động phát triển cho thấy rằng có một mối liên hệ quan trọng giữa mức độ và cường độ tham gia của người dân với sự thành công của những hoạt động phát triển.

3.1. Định nghĩa, sự cần thiết của sự tham gia

3.1.1. Một số định nghĩa về sự tham gia

Sự tham gia được hiểu theo hai khía cạnh sau:

- Thứ nhất, sự tham gia mang tính triết học liên quan đến công bằng và dân chủ, nghĩa là ở đâu không có sự tham gia thì ở đó không có công bằng và dân chủ.

- Thứ hai, sự tham gia được giải thích dựa trên một tiền đề có tính chất thực dụng hơn, rằng các chương trình phát triển nông thôn nếu không có sự hưởng ứng của người dân sẽ không triển khai được, hoặc nếu có triển khai cũng không thể hoạt động có hiệu quả.

Từ “tham gia” có thể phản ánh nhiều nội dung hơn là đơn thuần hiện diện, tham dự trong các hoạt động phát triển (dưới dạng tự nguyện đóng góp lao động, vật chất... và được trả công). Ở khía cạnh khác, tham gia có nghĩa là trở thành thành viên của một tổ chức và tham dự các phiên họp. Quan điểm tham gia đó đã dẫn tới những cố gắng nhằm cơ cấu các tổ chức, nghĩa là địa vị hội viên này như là hiện diện của tham gia.

Theo Ngân hàng Thế giới, sự tham gia được định nghĩa như là một quá trình, thông qua đó các chủ thể (Stakeholders) cùng tác động và chia sẻ những

sáng kiến phát triển và cùng quyết định.

- Tham gia được xác định như một đóng góp tự nguyện của người dân vào một hoặc nhiều chương trình công cộng nhằm phát triển quốc gia, nhưng người dân không được mong đợi là sẽ góp phần vào hình thành chương trình hoặc phê phán nội dung các chương trình (Ủy ban kinh tế Châu Mỹ La tinh, 1973).

- Tham gia bao gồm sự can dự của người dân trong tiến trình ra quyết định, trong thực hiện chương trình, chia sẻ quyền lợi của các chương trình phát triển cũng như trong đánh giá những chương trình này (Cohen & Uphoff, 1977).

- Sự tham gia của người dân chủ yếu là tạo mối quan hệ với kinh tế và chính trị trong diện rộng xã hội; đó không chỉ là sự can dự trong những hoạt động dự án, mà hơn nữa là tiến trình trong đó người dân nông thôn có khả năng tự tổ chức, thông qua tổ chức của riêng họ, họ có khả năng nhận biết các nhu cầu của chính mình và tham gia trong thiết kế, thực hiện và đánh giá các phương án tại địa phương (FAO, 1982).

- Trong lĩnh vực lâm nghiệp, sự tham gia là sự thực hiện trồng và quản lý rừng của nam và nữ trong cộng đồng (những người bên trong cộng đồng) với sự hỗ trợ của những người bên ngoài cộng đồng (Hoskin, 1994).

Nhìn chung, sự tham gia có nghĩa là cùng thực hiện một hoạt động nào đó. Hàng ngày con người tham gia vào sự phát triển địa phương thông qua cuộc sống gia đình, các hoạt động sinh kế và trách nhiệm đối với cộng đồng. Không có một ví dụ đơn lẻ đúng đắn nào về sự tham gia. Tuy nhiên, việc kiểm soát hoạt động và mức độ của sự tham gia luôn là sự lựa chọn của các cá nhân.

Theo nghĩa chung nhất, sự tham gia là sự gắn kết một cách lâu dài, chủ động có vai trò ngày càng cao vào quá trình phát triển cộng đồng từ việc xác định vấn đề đến việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát đánh giá các hoạt động nâng cao đời sống cộng đồng và bảo đảm sự phân chia công bằng lợi ích của sự phát triển.

3.1.2. Sự cần thiết về sự tham gia của người dân trong các dự án phát triển

Tiếp cận "có cộng đồng tham gia" cho rằng mọi người dân địa phương cũng như nhà chuyên môn đều có kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn đáng kể cần được sử dụng và phải được chú ý.

Quan điểm truyền thống cho rằng chỉ những nhà chuyên môn mới có sự hiểu biết có giá trị về kỹ thuật, tiếp cận có cộng đồng tham gia sẽ không rơi vào

sai lầm ngược lại, rằng chỉ có cư dân địa phương mới có kiến thức và kỹ năng thích hợp.

Tiếp cận "có cộng đồng tham gia" nhấn mạnh phương pháp cũng như kết quả. Ngay cả những thất bại rõ rệt cũng có thể có một số lợi ích vì phương pháp dẫn đến thất bại thường tạo nên khả năng cho việc giải quyết các vấn đề xảy ra sau và hành động tốt hơn (Peluso, Turner và Fortman, 1994).

Việt Nam có câu rằng: "Đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó nghìn lần dân liệu cũng xong".

Từ ngôn ngữ trên suy ra rằng mọi việc của làng bản, nếu dân đồng lòng cùng tham gia thì sẽ thành công, nếu dân không tham gia thì những việc đó có đến đâu, được đầu tư hỗ trợ, giúp đỡ đến đâu cũng đều không thành công, hoặc có thành công thì cũng không bền vững.

Sự tham gia của người dân chính là: Mọi việc trong làng bản phải được *Dân biết, Dân bàn, Dân làm và Dân kiểm tra*.

- Dân cần được biết gì?

Mọi người dân trong làng bản phải cần biết rõ hai điểm:

Thứ nhất, những gì mà cả làng bản cùng thống nhất, ưu tiên phải giải quyết, phải làm.

Thứ hai, những gì mà Nhà nước, các tổ chức bên ngoài có thể hỗ trợ và giúp đỡ.

- *Dân bàn gì?*

Mọi người dân trong làng bản cần được cùng nhau bàn bạc về các việc sau:

+ Bàn kế hoạch thực hiện: *làm cái gì, ở đâu, khi nào*.

+ Bàn về nghĩa vụ đóng góp của mỗi người, mỗi nhà, mỗi tổ chức trong làng bản, xã.

+ Bàn về cách tổ chức, quản lý như thế nào.

+ Bàn về chia sẻ lợi ích ra sao.

+ Bàn về quy chế thực hiện, thưởng phạt của làng bản.

+ Bàn và thống nhất cam kết thực hiện.

- *Dân làm gì?*

Những người dân, hộ gia đình hay các tổ chức trong làng bản có thể làm

các việc như sau để thực hiện các hoạt động chung của làng bản:

- + Đóng góp công lao động.
- + Đóng góp vật tư, vật liệu mà địa phương hoặc gia đình có như: đất, đá, cát, sỏi, cây cối, cây giống, con giống, phân chuồng,...
- + Có thể đóng góp bằng tiền (nếu có).
- + Đóng góp kiến thức và kinh nghiệm thông qua việc tham gia vào nhóm quản lý hay chỉ đạo thực hiện.

- *Dân có thể kiểm tra gì?*

Mọi người dân đều có thể được tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động chung của làng bản mà họ đã bàn, đã đóng góp và đã làm như:

- + Kiểm tra việc quản lý, sử dụng các vốn đầu tư và chi tiêu.
- + Kiểm tra chất lượng các công trình, các hoạt động đã và đang thực hiện.
- + Kiểm tra việc đóng góp và phân chia lợi ích.

Như vậy sự tham gia của cộng đồng không chỉ là để nói mà thực sự là một sự cần thiết để dự án và người dân là các đối tác bình đẳng, để tránh coi người dân chỉ là đối tượng của dự án, mà người dân và cộng đồng phải được coi là người chủ thực sự của dự án. Mục tiêu là:

- Để thực hiện trong thực tế: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát, dân quản lý và sử dụng thành quả, dân hưởng lợi ích từ dự án.

- Để hạn chế các thất bại trong các hoạt động dự án. Việc lấy ý kiến tham gia đóng góp của người dân trước khi ra quyết định sẽ giúp cho các dự án triển khai có hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của người dân, hạn chế được những sai sót trong quá trình thực hiện.

- Giúp tăng cường các mối liên kết và sự trao đổi thông tin giữa các bên liên quan trong dự án. Các thông tin phản hồi của người dân để có tác động tới các chính sách, chương trình hơn nếu thông tin đó được truyền trực tiếp đến những nhà quản lý dự án, các cấp lãnh đạo mà không phải trải qua nhiều tầng tổ chức.

- Giúp tăng khả năng có được sự phù hợp giữa các hoạt động với các nhu cầu của người dân, với các điều kiện hạn chế của từng địa phương.

- Tận dụng và khai thác các nguồn lực của địa phương vì mục tiêu phát triển chung.

- Tạo cơ hội tiếp cận thông tin và giáo dục cho người dân.

3.2. Các bên tham gia trong phát triển cộng đồng

Có hai nhóm người tham gia vào các hoạt động chung, các dự án tại cộng đồng, đó là những người bên trong cộng đồng (người trong cuộc), và những người bên ngoài cộng đồng (người ngoài cuộc).

- Người bên trong cộng đồng: là những người cùng được xác định và nằm trong cộng đồng, vừa hoặc có mối quan hệ phụ thuộc vào cộng đồng.
- Người bên ngoài cộng đồng: là những người có thể tham gia vào một cộng đồng trong một thời gian nhưng không được cộng đồng xác định là thành viên của cộng đồng.

Bảng 3.1. Đặc điểm của người bên trong và người bên ngoài cộng đồng

Người bên trong cộng đồng	Người bên ngoài cộng đồng
Điểm mạnh: - Hiểu rõ hoàn cảnh, tình hình thực tế của cộng đồng - Tích lũy nhiều kinh nghiệm thực tế - Có lịch sử, truyền thống, quan hệ lâu đời	Điểm mạnh: - Thường có kiến thức, có kinh nghiệm - Thường có phương pháp, phương tiện làm việc có hiệu quả hơn
Điểm yếu: - Có thể hạn chế về phương pháp, phương tiện làm việc, kiến thức hiện đại. - Có thể có khó khăn về nguồn lực - Hạn chế về thông tin, mối quan hệ	Điểm yếu: - Thường gặp khó khăn do khác biệt về ngôn ngữ, điều kiện sống, làm việc. - Không hiểu rõ, đầy đủ về cộng đồng. - Khó có điều kiện quan hệ rộng rãi với địa phương. - Có sự khác nhau về văn hoá, phong tục, tập quán.

3.2.1. Người bên trong cộng đồng

Những người bên trong làng bản và xã hoặc trong phạm vi hoạt động/trên khai của chương trình/dự án. Bao gồm các cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, tổ chức chính quyền của xã, lãnh đạo làng bản, các tổ chức đoàn thể của xã

và làng bản.

Khả năng, hình thức và mức độ tham gia của họ khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm của từng nhóm như: Nhóm hộ gia đình có điều kiện kinh tế và kinh nghiệm sản xuất khác nhau (nhóm hộ gia đình khá, trung bình, nghèo), nhóm phụ nữ hay nhóm nam giới, nhóm người có độ tuổi khác nhau (trẻ em, người trong độ tuổi lao động, người già), nhóm thành phần dân tộc khác nhau,... Tuy nhiên, sự tham gia của những người trong làng bản, trong xã luôn giữ vai trò chính và quyết định đến sự thành công của các hoạt động hay các dự án tại địa phương.

3.2.2. Người bên ngoài cộng đồng

- Những người ngoài cộng đồng như: Tổ chức chính quyền cấp trên; các cơ quan đơn vị chuyên môn như các phòng, ban, ngành của huyện, tỉnh về các lĩnh vực liên quan (nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, cơ sở hạ tầng, văn hoá, giáo dục, y tế), các chương trình dự án phát triển,...

Người ngoài cộng đồng là những người có thể tham gia vào một cộng đồng trong một thời gian, nhưng không được cùng xác định với cộng đồng hoặc được cộng đồng xác định là thành viên của họ. Họ là những người có liên quan đến quá trình phát triển nông thôn, nhưng bản thân không sống ở nông thôn và không nghèo, hiểu biết có phần hạn chế về tình trạng nghèo khổ ở nông thôn. Nhiều người là quan chức, cán bộ nghiên cứu thực địa của các cơ quan Chính phủ, các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, nhân viên các tổ chức cứu trợ, nhà kinh doanh, bác sĩ, kỹ sư, nhà báo, luật gia, nhà chính trị, thầy giáo, cán bộ các trường đại học, nhân viên của các tổ chức tình nguyện và các nhà chuyên môn khác.

Sự tham gia của những người bên ngoài luôn đóng vai trò hỗ trợ, thúc đẩy và tạo điều kiện thông qua các hình thức sau:

- Hỗ trợ vốn khi làng bản không có khả năng đóng góp thông qua hình thức hỗ trợ vật tư, vật liệu mà địa phương không có; một phần tiền công lao động nếu thấy rất cần thiết; vốn tín dụng,...

- Hỗ trợ tư vấn thông qua cử cán bộ chuyên môn cùng với dân xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, quản lý các hoạt động, giám sát và đánh giá.

- Hỗ trợ chuyển giao kiến thức và kỹ thuật thông qua tập huấn, xây dựng mô hình, tham quan.

- Đầu tư kỹ thuật thông qua cử cán bộ chuyên môn để thiết kế, đầu tư ban

đầu về cơ sở vật chất, vật tư thiết yếu như nhà xưởng, công trình, đường xá, cây giống, con giống, thuốc trừ sâu,...

Như vậy, sự tham gia của người dân là nhân tố chủ yếu dẫn đến sự thành công của các dự án tại làng bản. Tuy nhiên, sự tham gia của những người bên ngoài làng bản là cơ sở và động lực thúc đẩy cho sự thành công đó.

3.2.3. Quan hệ giữa người bên trong và người bên ngoài cộng đồng

Trong thực tiễn hoạt động phát triển cộng đồng, người ta nhận thấy có ba tình huống ứng với ba phương thức (Davis-Case, 1990) như sau:

- **Phương thức 1: Mệnh lệnh và áp đặt**

* **Đặc điểm:** Những người bên ngoài đề ra các quyết định

- Quyết định có những vấn đề gì, cách giải quyết ra sao?
- Thiết kế chương trình/ dự án, áp đặt các mục tiêu và các hoạt động dự án.
- Cung cấp các đầu vào cần thiết, các cán bộ quản lý, kiểm tra đánh giá các kết quả đạt được.

* **Kết quả là:**

- Sự quan tâm của cộng đồng sẽ giảm dần theo thời gian
- Rất ít cộng đồng tiếp tục hoạt động sau khi những người bên ngoài rút đi.
- Tính bền vững của các hoạt động dự án đã không đạt được.

Đối với hình thức này, khi người ngoài cuộc đóng vai trò quyết định hoàn toàn. Họ nhận ra vấn đề, xác định các giải pháp. Họ thiết kế dự án, đề ra mục tiêu, cung cấp các đầu vào cần thiết cho hoạt động, rồi quản lý, kiểm tra và đánh giá để xem dự án có đạt yêu cầu mong muốn hay không. Trong hoàn cảnh đó, kết quả đưa lại là đáng thất vọng do sự hưởng ứng của cộng đồng theo thời gian mà lắng xuống, rất ít cộng đồng tiếp tục các hoạt động sau khi người ngoài cuộc rút lui và rõ ràng tính bền vững là không thể đạt được.

- **Phương thức 2: Có sự tham gia của cộng đồng nhưng còn rất hạn chế**

* **Đặc điểm:**

- Những người bên ngoài vẫn đề ra phần lớn các quyết định nhưng họ đã bắt đầu hỏi những người trong cộng đồng nhiều câu hỏi hơn.
- Nhìn chung vai trò của người bên ngoài vẫn phần lớn giống như phương thức áp đặt và mệnh lệnh.

* *Kết quả là:*

- Những người bên ngoài đã bắt đầu nhận thức được rằng những người bên trong cộng đồng có khả năng hiểu biết.
- Những người bên trong cộng đồng có thể xác định được nguyên nhân vì sao các hoạt động dự án không thể tiến hành được hoặc tiến hành nhưng mức độ thành công không cao.

Trong trường hợp này người ngoài cuộc còn đề ra phần lớn các quyết định nhưng họ đã bắt đầu đưa người trong cuộc vào hoạt động. Nhìn chung vai trò của người ngoài cuộc vẫn là quyết định, nhưng người trong cuộc đã giúp người ngoài cuộc xác định những nhu cầu của cộng đồng, thấy được nguyện vọng và động lực của cộng đồng. Kết quả là người ngoài cuộc đã nhận thức người trong cuộc có hiểu biết đáng kể, còn người trong cuộc có thể xác định được tại sao các hoạt động tiến hành được hay không.

• ***Phương thức 3: Phân quyền và trao quyền***

* *Đặc điểm:* Người trong cộng đồng với sự hỗ trợ của những người bên ngoài tích cực đề ra quyết định.

- Người trong cộng đồng tự xác định các vấn đề của họ và đề ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề đó. Họ đặt ra các mục tiêu và hoạt động, kiểm tra và đánh giá tiến độ các hoạt động.

- Những người bên ngoài cộng đồng vận dụng cách tiếp cận có sự tham gia, khuyến khích người trong cuộc tự xác định các nhu cầu của họ, tự đề ra các mục tiêu, tự kiểm tra và đánh giá kết quả của các hoạt động đó.

* *Kết quả:*

- Cách tiếp cận này đã đem lại nhiều kết quả đáng khích lệ.
- Cùng với thời gian và kinh nghiệm, cách tiếp cận này sẽ phát triển thêm phương pháp và công cụ, mang lại nhiều khả năng cho cộng đồng phát triển một cách bền vững.

Như vậy, khi người trong cuộc có sự hỗ trợ của người ngoài cuộc chủ động đề ra các quyết định. Người trong cuộc xác định các vấn đề của họ và các giải pháp, đưa ra mục tiêu và hoạt động, giám sát và đánh giá. Người ngoài cuộc tích cực hỗ trợ, khuyến khích những hoạt động đó. Kết quả là đầy hứa hẹn.

Tình huống thứ nhất là cách làm việc *từ trên xuống*, có thể đặc trưng bằng câu hỏi "Chúng ta/người ngoài cuộc có thể làm gì để phát triển cộng đồng?".

Tình huống thứ ba biểu thị cách làm việc *từ dưới lên* với câu hỏi "Người ngoài cuộc có thể hỗ trợ người trong cuộc để họ tự phát triển cộng đồng mình như thế nào?".

Theo đó, trong phát triển cộng đồng, rõ ràng cộng đồng nông thôn/nông hộ là nguồn lực, các tác viên cộng đồng/chuyên gia là người hỗ trợ và thúc đẩy phát triển (Ohlsson, 1985). Nói cách khác người bên trong là chủ thể, người ngoài là người hỗ trợ, thúc đẩy.

Tiếp cận có cộng đồng tham gia đưa ra cách làm việc từ dưới lên có khả năng khuyến khích, giúp đỡ và củng cố mọi khả năng hiện có của cộng đồng để họ xác định chính xác yêu cầu của họ, thiết kế và thực hiện dự án. Tiếp cận này củng cố mối quan hệ chặt chẽ giữa người trong cuộc và người ngoài cuộc, giữa người hưởng lợi với cộng đồng và các tổ chức, dự án. Quan hệ này được xây dựng trên thông tin hai chiều, trên những truyền đạt rõ ràng và một cam kết về những gì có thể làm được cho cộng đồng. Quan hệ này dựa trên cơ sở khái niệm, công cụ và phương pháp mới.

- Khái niệm mới: Người ngoài cuộc khuyến khích người trong cuộc tìm ra câu trả lời của chính họ; Người ngoài cuộc được khuyến khích đáp ứng các nhu cầu đã được người trong cuộc xác định; Người trong cuộc và người ngoài cuộc hợp tác cùng nhau; Người trong cuộc là người thực hiện và quản lý dự án.

- Phương pháp mới: Người trong cuộc và người ngoài cuộc cùng nhau xác định thông tin; Phân tích và phản hồi được thực hiện để khuyến khích được sáng kiến của người trong cuộc và như vậy bảo đảm sự hiểu biết của họ. Một nhận thức sâu hơn về dự án là có thể vì người trong cuộc có tầm nhìn tổng quát.

- Công cụ mới: Khuyến khích thông tin hai chiều; Phạm vi: có nhiều công cụ bảo đảm cho cộng đồng có khả năng được công cụ thích hợp; Cách thu thập thông tin cổ truyền được nghiên cứu và làm thử trước khi đưa công cụ mới vào.

Sự thật, không thể xem người trong cộng đồng và người bên ngoài cộng đồng như là những nhóm đồng nhất. Người ngoài cộng đồng có thể là tập hợp các cơ quan, tổ chức và cá nhân có động cơ và kỳ vọng khác nhau đối với cộng đồng và đối với các hoạt động phát triển cộng đồng. Người trong cộng đồng cũng có thể bao gồm những cá nhân và nhóm có quyền lợi khác nhau và do đó có những thái độ khác nhau đối với các loại tài nguyên và các tác động khác nhau của các hoạt động phát triển trong chính cộng đồng mình.

Tóm lại, quan hệ giữa người trong cuộc và người ngoài cuộc là quan hệ hợp tác. Người trong cuộc và người ngoài cuộc đều đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng. Người ngoài cuộc chỉ hỗ trợ, thúc đẩy và khuyến khích chứ không ra chỉ thị.

3.3. Hình thức và mức độ của sự tham gia

3.3.1. Hình thức tham gia của người dân

Người dân tham gia vào các chương trình, dự án phát triển thể hiện thông qua một số khía cạnh sau:

- Có quyền được biết một cách tường tận, rõ ràng những gì có liên quan mật thiết và trực tiếp đến đời sống của họ. Ví dụ như được xem kế hoạch chi tiết cho các hoạt động trong cộng đồng, các chế độ, chính sách liên quan, vai trò và trách nhiệm của họ khi tham gia dự án.

- Được tham dự các buổi họp, tự do phát biểu, trình bày các ý kiến, quan điểm và thảo luận các vấn đề của cộng đồng. Ví dụ như: Ai được vay vốn, nếu vay thì cách hoàn vốn như thế nào là phù hợp nhất, góp ý về chất lượng công trình.

- Được cùng quyết định, chọn lựa các giải pháp hay xác định các vấn đề ưu tiên của cộng đồng. Ví dụ như: tham gia trong việc quyết định độ rộng của hẻm, di dời hay tái định cư, bầu chọn ban phát triển cộng đồng,...

- Có trách nhiệm cùng mọi người đóng góp công sức, tiền của để thực hiện các hoạt động mang tính ích lợi chung.

- Người dân tự lập kế hoạch dự án và quản lý điều hành, kiểm tra giám sát, đánh giá các chương trình dự án phát triển cộng đồng.

Sự quyết định và tự quản của người dân được đánh giá ở mức độ cao bởi lẽ nó thể hiện tăng năng lực, quyền lực của người dân. Mang tính bền vững vì người dân thể hiện vai trò làm chủ với trách nhiệm cao của mình.

Có nhiều hình thức để người dân tham gia như:

1- Cán bộ điều khiển

Người dân làm và thực hiện theo ý của cán bộ, không được hiểu rõ. Như người dân bị gọi đi làm công ích, đóng tiền cho một công trình nào đó mà không được biết, không được thảo luận.

2- Tham gia mang tính hình thức

Cán bộ cũng có gọi dân đến, cho dân phát biểu ý kiến nhưng chỉ mang

tính hình thức, mọi việc cán bộ quyết theo ý mình.

Tham gia ít

3- Người dân được thông báo và giao nhiệm vụ (biết)

Người dân được thông báo, hiểu rõ những việc mà cán bộ muốn họ tham gia, sau đó người dân đóng góp công hay tiền của theo khả năng của mình.

4- Người dân được hỏi ý kiến (bàn)

Kế hoạch công tác do cán bộ thiết kế và quản lý, Người dân được mời tham gia thảo luận, hỏi lấy ý kiến, cán bộ lắng nghe nghiêm túc, sau đó cán bộ điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết) cho phù hợp với dân rồi cùng thực hiện.

Tham gia thực sự

5- Cán bộ khởi xướng, người dân cùng tham gia lấy quyết định

Cán bộ là người khởi xướng, có ý tưởng. Người dân chủ động tham gia cùng cán bộ các khâu lập kế hoạch, quyết định chọn các phương án và tổ chức thực hiện.

6- Người dân khởi xướng và cùng cán bộ ra quyết định.

Người dân khởi xướng, lập kế hoạch, cán bộ cùng dân quyết định chọn các phương án và tổ chức thực hiện.

7- Người dân khởi xướng, quyết định chọn các phương án và có sự hỗ trợ của cán bộ.

Người dân khởi xướng, lập kế hoạch, quyết định chọn các phương án và tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát. Cán bộ đóng vai trò hỗ trợ khi người dân cần.

8- Người dân tự lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, cán bộ hỗ trợ khi cần thiết.

Thang tham gia này có thể minh họa phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” với các bước dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra cộng thêm bước xuất phát là dân nhận từ nhà nước, và bước cuối cùng là dân tự quyết nên chọn nhận những gì.

3.3.2. Các cấp độ của sự tham gia

Năm 1996, Hosley đưa ra 7 mức độ từ thấp đến cao của sự tham gia, đó là: tham gia có tính chất vận động; tham gia bị động; tham gia qua hình thức tư vấn; tham gia vì mục tiêu được hưởng các hỗ trợ vật tư từ bên ngoài; tham gia theo chức năng; tham gia hỗ trợ; tự huy động và tổ chức.

Biểu hiện cụ thể của các cấp độ tham gia như sau:

- *Tham gia thụ động*: Người dân được người ngoài cho biết cái gì đã hoặc sẽ xảy ra. Đây là những thông báo đơn phương từ các cơ quan hành chính. Người dân thụ động tham gia vào các hoạt động phát triển tại cộng đồng, bảo gì làm nấy, không tham dự vào quá trình ra quyết định. Phản hồi của người dân hầu như không được ghi nhận. Thông tin chỉ được chia sẻ trong phạm vi những nhà chuyên môn bên ngoài cộng đồng.

- *Tham gia thông qua việc cung cấp thông tin*: Thông qua việc trả lời các câu hỏi điều tra của các nhà nghiên cứu hoặc cán bộ dự án. Người dân không tham dự vào quá trình phân tích và sử dụng thông tin. Người dân không có cơ hội để ảnh hưởng đến quá trình thực hiện do kết quả nghiên cứu không được chia sẻ và họ cũng không được giám sát các hoạt động.

- *Tham gia như nhà tư vấn*: Người tham gia được hỏi và cho ý kiến về các vấn đề khó khăn và nhu cầu của họ. Các ý kiến này chỉ có tính chất tham khảo. Người ngoài tự quyết định các vấn đề cũng như giải pháp. Người dân không được tham gia vào quá trình để ra các quyết định này.

- *Tham gia bằng động cơ vật chất hay theo hợp đồng*: Người dân tham gia bằng cách đóng góp các tài nguyên sẵn có để đổi lấy lương thực, tiền mặt hoặc các động cơ vật chất khác. Người bên ngoài sẽ quyết định toàn bộ các vấn đề, người dân chỉ tham gia như những người được hợp đồng để cung cấp lao động, đất đai,...

- *Tham gia theo chức năng (hoạt động)*: Người dân tham gia vào việc thành lập nhóm để tiến hành những hoạt động của các chương trình hay dự án phát triển tại địa phương, nhưng họ không tham dự vào quá trình ra quyết định. Các nhóm này có xu hướng phụ thuộc vào sự thúc đẩy từ bên ngoài nhưng cũng có thể tự lập.

- *Tham gia trong quá trình ra quyết định*: Người dân được chủ động tham gia vào các quá trình phân tích và lập kế hoạch, họ tham gia trực tiếp vào quá trình ra quyết định tại địa phương.

- *Tham gia tự nguyện*: Người dân tự khởi xướng về việc xác định, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động phát triển (không có sự định hướng từ bên ngoài). Người ngoài chỉ đóng vai trò xúc tác và tăng cường khả năng của người dân trong các hoạt động này.

3.4. Vai trò của các tổ chức và cộng đồng địa phương trong Phát triển cộng đồng

3.4.1. Vai trò của cán bộ và các tổ chức địa phương trong phát triển cộng đồng

**** Vai trò của cán bộ địa phương:***

Cán bộ địa phương với tư cách là cán bộ phát triển cộng đồng có những vai trò và nhiệm vụ chính sau:

- Tạo thuận lợi: muốn tiếp cận và triển khai các hoạt động trong cộng đồng, chúng ta cần tạo ra được bầu không khí thuận lợi để thu hút sự tham gia của người dân. Người cán bộ lãnh đạo địa phương sẽ là những người đầu tiên khi đoàn công tác đến tiếp xúc và sẽ là người giới thiệu, tạo điều kiện để người bên ngoài tiếp cận được với cộng đồng. Người cán bộ địa phương sẽ giúp tạo lòng tin ban đầu của người dân đối với người bên ngoài cộng đồng. Đây là những người giúp tạo được bầu không khí thuận lợi để nhóm tác viên cộng đồng làm quen, kết nối với người dân địa phương.

- Nhà nghiên cứu: cán bộ địa phương phải biết tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của cộng đồng, vạch ra một kế hoạch và các hướng dẫn cần thiết để cùng với người dân tìm hiểu về cộng đồng mình. Để làm tốt các hoạt động phát triển cộng đồng thì các cán bộ địa phương cũng cần phải có những kiến thức và kỹ năng nhất định trong việc phân tích các dữ kiện về cộng đồng và kêu gọi người dân tham gia ngay từ đầu.

- Vạch kế hoạch: cán bộ thôn xã sẽ là những người giúp đỡ hỗ trợ và cùng với người dân vạch ra các kế hoạch phát triển phù hợp với khả năng và năng lực của cộng đồng, giúp hoạt động phát triển cộng đồng có hiệu quả hơn.

- Xúc tác: cán bộ địa phương cùng với những người bên ngoài cộng đồng phải tạo ra được những chuyển biến quan trọng như làm thay đổi thái độ và hành vi cá nhân của các thành viên trong cộng đồng; biến đổi các mối quan hệ, chuyển đổi trong các nhóm và tổ chức cộng đồng.

**** Vai trò của các tổ chức địa phương trong phát triển cộng đồng***

Vai trò của các tổ chức xã hội tại cộng đồng trong sự tham gia cộng đồng là một vấn đề nội bộ của quá trình tham gia cộng đồng. Các tổ chức xã hội tại cộng đồng thường có những vai trò nhất định bởi đó là các tổ chức do người dân tự nguyện lập nên nhằm đáp ứng các nhu cầu đã xác định cụ thể nào đó, nó thường bền vững do có cơ sở tại chỗ.

Trong mỗi cộng đồng nông thôn, các tổ chức, nhóm lập ra bởi rất nhiều nhu

cầu, từ các vấn đề kinh tế, tín dụng, các dịch vụ xã hội cơ bản như nước sạch, học hành, y tế và chăm sóc sức khỏe, cho đến các nhu cầu văn hóa tinh thần như thờ cúng, cổ kết cộng đồng,... Điểm chung của các tổ chức này là chỉ lập ra khi người dân thấy cần thiết, người lãnh đạo hay các thành viên đều là những người tự nguyện, hào hứng tham gia các hoạt động của địa phương. Trong các cộng đồng đô thị, vốn là người tứ xứ nên các tổ chức ở đây thường không có cơ sở thân tộc hay láng giềng thân thiết mà lấy mục đích công việc làm hạt nhân tập hợp, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức xã hội, những cá nhân là các nhà hoạt động xã hội, các doanh nghiệp, các nhà từ thiện.

3.4.2. Các vấn đề về giới và vai trò của giới trong phát triển cộng đồng

** Những khái niệm cơ bản về giới:*

- Giới: là sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới xét về mặt xã hội. Giới thể hiện quan niệm, thái độ, hành vi, mối quan hệ và tương quan về địa vị xã hội của phụ nữ và nam giới trong một bối cảnh xã hội cụ thể. Giới mang đặc trưng xã hội, đa dạng, do dạy dỗ mà có, luôn biến đổi nhưng thay đổi được.

- Giới tính: chỉ sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới từ góc độ sinh học (hoóc môn, nhiễm sắc thể, bộ phận sinh dục...). Sự khác biệt này liên quan chủ yếu tới quá trình tái sản xuất giống nòi, cụ thể là phụ nữ có thể mang thai, còn nam giới là một trong các yếu tố không thể thiếu trong quá trình thụ thai.

Khi nói đến những đặc điểm của nam giới và phụ nữ chúng ta thường thấy sự khác nhau như sau:

- Phụ nữ: dịu dàng, kiên nhẫn, mang thai và sinh con, hay làm những công việc như thư kí, đánh máy, thừa hành... còn việc nhà nông thì hay làm những công việc như gieo mạ, cấy lúa, làm cỏ, lấy củi,...

- Nam giới: mạnh mẽ, quyết đoán, hay rượu bia, hay làm các việc quản lý, lãnh đạo, ra quyết định, việc nhà nông như cày bừa, chặt gỗ...

Trong các đặc điểm của phụ nữ và nam giới nêu trên chỉ riêng đặc điểm mang thai và sinh con là đặc thù về mặt sinh lý học của phụ nữ không thể đổi chỗ cho nam giới được. Còn lại các đặc điểm khác của phụ nữ và nam giới đều có thể đổi chỗ cho nhau. Những đặc điểm này là quan niệm, suy nghĩ nói chung của xã hội về mỗi giới và luôn thay đổi phụ thuộc vào từng nơi, từng lúc.

Sự khác biệt về mặt sinh lý học của phụ nữ và nam giới gọi là sự khác biệt về giới tính và được thể hiện bằng các thuật ngữ về giới tính (đàn ông, đàn bà),

còn sự khác biệt giữa nam và nữ như nam giới mạnh mẽ, quyết đoán; còn phụ nữ kiên trì,...về thực chất là do quan niệm của xã hội về nam và nữ gọi là sự khác biệt giới và được thể hiện bằng những thuật ngữ về giới (giới nam và giới nữ).

Giới là một đặc điểm xã hội quan trọng cùng với dân tộc, chủng tộc, đẳng cấp, tầng lớp, tuổi và nghề nghiệp. Vấn đề giới được thể hiện trong rất nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Trong tầng lớp hay dân tộc, phụ nữ và nam giới có vai trò, trách nhiệm, nguồn lực, những hạn chế và những cơ hội khác nhau. Bởi vậy chúng ta cần thông tin đầy đủ, chi tiết và chính xác về giới, về hoạt động của phụ nữ và nam giới. Khía cạnh về giới là một phần quan trọng trong mối quan hệ giữa con người và môi trường.

** Vai trò của phụ nữ trong Phát triển cộng đồng:*

Thực tế cho thấy, so với nam giới, khả năng tham gia của phụ nữ nông thôn trong các dự án đang triển khai ở cộng đồng còn bị hạn chế. Hiện đang có một khoảng cách rất lớn giữa sự tham gia của phụ nữ và nam giới vào các quá trình ra quyết định. Các dự án ở cộng đồng hiện nay chủ yếu do nam giới quản lý và giám sát.

Có nhiều lý do để duy trì tình trạng này như gánh nặng công việc gia đình chủ yếu tập trung vào phụ nữ; phụ nữ nông thôn còn bị hạn chế về giáo dục, đào tạo và họ còn thiếu các kinh nghiệm nghề nghiệp; nhiều định kiến về phụ nữ và vai trò của họ trong xã hội vẫn còn tồn tại đặc biệt là các khu vực nông thôn.

Bình đẳng giới đòi hỏi phụ nữ phải được tham gia trong mọi khâu của một dự án phát triển. Thông thường phụ nữ tham gia vào các công việc ít quan trọng (không có tính quyết định), phụ nữ ít có tiếng nói trong các dự án cộng đồng.

Sự tham gia của phụ nữ là cơ bản cho một quá trình phát triển cân bằng và bền vững. Bất bình đẳng giới gây thiệt hại phúc lợi và làm chậm tiến trình phát triển.

Phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt để tham gia phát triển cộng đồng. Kinh nghiệm từ các chương trình phát triển cho thấy các chương trình vay vốn tín dụng của phụ nữ có tỉ lệ thành công cao hơn nam giới. Phụ nữ ít khi dùng tiền vay mượn được để sử dụng vào mục đích giải trí, mua sắm mà ngược lại họ sử dụng đúng mục tiêu và tỉ lệ hoàn vốn luôn luôn cao hơn nam giới.

Phụ nữ sẵn sàng đấu tranh cho sự công bằng và các lợi ích chung khác của cộng đồng nếu được hướng dẫn đúng mức và luôn hoan nghênh những ý kiến tiến bộ.

Phát triển cộng đồng có sự tham gia của giới trong hoạch định chính sách, lập kế hoạch, triển khai các hoạt động sẽ tận dụng được nguồn tiềm năng lớn về nhân lực, trí tuệ, kinh nghiệm,... đảm bảo cho sự thành công và bền vững của các dự án.

** Lồng ghép giới vào hoạt động Phát triển cộng đồng:*

Phụ nữ và nam giới vừa là đối tượng, vừa là tác nhân của các dự án phát triển. Cả hai đều có những ảnh hưởng nhất định đến sự thành công của dự án. Cần có sự quan tâm đến cả phụ nữ và nam giới trong các hoạt động của dự án phát triển cộng đồng để họ có thể tham gia một cách tốt nhất và phát huy được tối đa vai trò của mình, đồng thời phụ nữ cần có thêm cơ hội tăng năng lực nhằm thu hẹp khoảng cách thiệt thòi hiện nay phụ nữ đang gánh chịu.

Nói cách khác, khi thiết kế dự án Phát triển cộng đồng cần quan tâm tới các khía cạnh dưới đây:

- Mọi dự án phát triển cần được xem xét rất kỹ từ góc độ bình đẳng giới trong tham gia lấy quyết định cũng như trong thụ hưởng.
- Đối với phụ nữ như người thụ hưởng, cần xem dự án đem lại hiệu quả tích cực hay tiêu cực đến dự án.
- Cần quan tâm đến hai loại chương trình dành riêng cho nữ và chung cho cả nam và nữ. Những chương trình dành riêng cho phụ nữ phù hợp với một số hoàn cảnh, ví dụ như những chị em còn nhút nhát, rụt rè trong hoạt động chung với nam giới. Cơ hội hoạt động giữa phụ nữ với nhau giúp họ dần mạnh dạn hơn khi tham gia vào các hoạt động chung của cả cộng đồng. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng tổ chức các hoạt động riêng cho nữ giới vì điều này sẽ tạo ra sự tách rời họ khỏi hoạt động chung của xã hội và không có lợi cho việc tạo dựng sự bình đẳng nam nữ trong cộng đồng.
- Phụ nữ không phải là đối tượng thụ hưởng thụ động (chỉ biết làm theo một cách máy móc), ngược lại họ phải được tham gia vào quá trình hoạch định, thiết kế và quản dự án, họ có vai trò ra quyết định.
- Cơ cấu tổ chức của dự án đảm bảo cho sự tham gia của phụ nữ. Tiến trình tham gia là tiến trình tăng năng lực cho phụ nữ.
- Dự án có thể đáp ứng nhu cầu thiết thực cho phụ nữ và nam giới về cải thiện các điều kiện sống cơ bản như nhà ở, thực phẩm, tiện nghi sinh hoạt, điện nước, phương tiện đi lại và thu nhập.

- Nam và nữ khác nhau về nhu cầu chiến lược như học tập có việc làm, được thăng tiến nghề nghiệp, chia sẻ trách nhiệm giáo dục và chăm sóc con cái, tham gia hoạt động xã hội, bình đẳng trong việc ra quyết định,... Bất cứ can thiệp nào của dự án vào việc tăng năng lực cho phụ nữ hoặc tăng sự hỗ trợ của nam giới với phụ nữ trong các lĩnh vực đều giúp rút ngắn sự bất bình đẳng giới

Công việc chính của Phát triển cộng đồng trong lĩnh vực giới là tạo điều kiện, giáo dục gây nhận thức để khơi dậy nơi phụ nữ, nơi xã hội có cái nhìn mới hơn về vai trò phụ nữ.

Phụ nữ có thể tham gia nhiều hơn nếu họ được sự quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện của gia đình và xã hội. Do đó giáo dục nhận thức giới, bình đẳng giới là sự can thiệp quan trọng tạo môi trường thuận lợi cho sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động của dự án.

Dự án phát triển cộng đồng bao hàm cả yếu tố kinh tế và xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu bức thiết nhất của cả nam và nữ. Dự án phát triển cộng đồng thường bắt đầu từ quy mô nhỏ để có thể có những kinh nghiệm từ những thành công nhỏ. Vì người nghèo và phụ nữ thường thiếu tự tin, e dè trước những thành kiến lâu đời khi tham gia vào những hoạt động cộng đồng nên những thành công nhỏ về tăng thu nhập, cải thiện các tiện nghi, nhà ở, gia đình, tình làng nghĩa xóm,... sẽ giúp phụ nữ tự tin hơn, tham gia chủ động hơn để vượt lên nghèo khó.

- Tóm lại:

Phát triển vai trò và năng lực của phụ nữ không phải là giao nhiều việc hơn mà là xây dựng được một tinh thần tự tin, tự khẳng định mình, có ý thức cao hơn về quyền lợi và vai trò của mình, có ý thức làm chủ về bản thân và hoàn cảnh sống của mình, gia đình và cộng đồng.

Phát triển cộng đồng quan tâm sâu sắc tới giảm thiểu khoảng cách bất bình đẳng giới và tăng quyền lực cho phụ nữ, tăng vị thế xã hội, tạo cơ hội cho sự hợp tác của phụ nữ và nam giới để đáp ứng các nhu cầu cải thiện điều kiện sống trong gia đình và cộng đồng.

3.4.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số trong các hoạt động phát triển cộng đồng

Từ thực tế phát triển xã hội, vấn đề dân tộc luôn là đối tượng được quan tâm trong quá trình phát triển của đất nước. Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các vùng miền và các nhóm đồng bào dân tộc là khó tránh khỏi; sự khác biệt về tín ngưỡng và lối sống được hình thành từ lâu đời giữa các

dân tộc, một mặt là tiền đề cho sự giao lưu hợp tác nhưng mặt khác nó cũng tiềm ẩn những mầm mống của sự mặc cảm, nghi kỵ thậm chí dẫn đến mâu thuẫn và xung đột, gây mất ổn định về chính trị- xã hội và ngăn cản sự phát triển hài hoà, bền vững của một quốc gia.

Sự phân cách về địa lý, văn hoá tín ngưỡng giữa các dân tộc thiểu số và đa số tạo nên sự chênh lệch về nhận thức, sự phát triển kinh tế, xã hội thêm vào đó là sự lợi dụng của các thế lực thù địch gây chia rẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cả một quốc gia. Chính vì vậy cần thiết phải quan tâm và thu hút sự tham gia của đồng bào các dân tộc, đặc biệt là những nhóm đồng bào dân tộc thiểu số.

Để thu hút được sự tham gia của những nhóm người này, ở tầm quản lý vĩ mô, Nhà nước cần tăng cường đầu tư và chỉ đạo sát sao việc triển khai các chương trình phát triển kinh tế xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, hướng dẫn và hỗ trợ đồng bào tiếp tục chuyển mạnh từ kinh tế tự cung, tự cấp sang kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

Đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống đường quốc lộ, các tuyến đường biên giới và các tuyến đường đến các huyện xã vùng cao. Xây dựng và phát triển các khu đô thị, thị trấn thị tứ để hỗ trợ các vùng nông thôn miền núi phát triển.

Đồng bào các dân tộc thiểu số với những nét văn hoá, phong tục tập quán đặc sắc và những kinh nghiệm trong lao động sản xuất từ lâu đời sẽ là một nguồn vốn quý giá giúp chúng ta có thể đề xuất những chương trình phát triển phù hợp với từng cộng đồng nếu như những giá trị văn hoá đó được chia sẻ thông qua sự tham gia của họ vào các chương trình phát triển.

3.5. Vai trò của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong phát triển cộng đồng

- ***Vai trò định hướng của Nhà nước trong các hoạt động phát triển***

Trong xã hội hiện đại, tầm ảnh hưởng của Nhà nước trong xã hội đã được mở rộng một cách to lớn. Nhà nước ngày nay là người cung cấp chính yếu các dịch vụ phát triển xã hội. Nhà nước là người hợp tác, một lực lượng quan trọng trong phát triển cộng đồng. Vai trò của Nhà nước trong phát triển cộng đồng bao hàm cả hai tư cách : là cơ quan có thẩm quyền cho phép các hoạt động phát triển tại cộng đồng và là một trong các lực lượng có tiềm lực tham gia vào quá trình này. Không thể coi nhẹ vị trí của Nhà nước đóng góp có hiệu quả vào việc xúc

tiên tham gia cộng đồng, thể hiện trên một số phương diện sau :

- Tạo hành lang pháp lý/hệ thống chính sách cho các hoạt động hướng vào các chương trình phúc lợi công cộng chung, các chính sách miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp, các nhóm xã hội trong cộng đồng tham gia các dự án phát triển cộng đồng.
- Cung cấp/điều chỉnh các nguồn lực của chính phủ cho các chương trình phát triển cộng đồng, kêu gọi hoặc tạo điều kiện cho các dự án do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài vào cộng đồng.
- Là lực lượng điều chỉnh các mâu thuẫn trong cộng đồng, giữa các cộng đồng với nhau với tư cách là người đại diện cao nhất lợi ích chung của cộng đồng quốc gia.

• ***Vai trò của các tổ chức phi chính phủ:***

Bên cạnh nhà nước, các tổ chức phi chính phủ cung cấp các cơ hội có hiệu quả hơn cho việc thực hiện các ý tưởng tham gia cộng đồng, và hình thức tham gia thường là thiết thực hơn là Nhà nước do hoạt động của các tổ chức phi chính phủ thường nhỏ, người dân dễ thấy ngay tính hiệu quả của nó. Tính quan liêu của hệ thống Nhà nước cũng không phải lúc nào cũng thích hợp với vai trò là lực lượng tham gia trực tiếp vào phát triển cộng đồng. Các tổ chức phi chính phủ linh hoạt hơn vì họ không bị hạn chế trong hoạt động của mình ở lĩnh vực công tác chuyên biệt như các cơ quan chính phủ. Các mối quan hệ tốt với cơ quan công cộng sẽ là điều kiện và nguyên tắc để các tổ chức phi chính phủ có thể thực hiện được tốt chức năng của mình.

Là người trực tiếp xây dựng, triển khai và đánh giá các chương trình phát triển cộng đồng bởi nhu cầu của các hoạt động phát triển là rất đa dạng, do đó mỗi một tổ chức phi chính phủ với tôn chỉ và mục tiêu của mình thường bó gọn vào một số lĩnh vực, với một số hoạt động có tính truyền thống.

Tính gọn nhẹ của một tổ chức là một lợi thế trong việc nắm bắt nhu cầu, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động phát triển cộng đồng. Tính quan liêu ít được biết đến trong các hoạt động phát triển của các tổ chức phi chính phủ.

Do ngay từ đầu nhiều tổ chức phi chính phủ xây dựng tôn chỉ, mục tiêu của mình theo triết lý tham dự nên những mâu thuẫn của quá trình phát triển cộng đồng vốn là sự hợp lực của các lực lượng bên ngoài và bên trong ít xảy ra hoặc

có thì cũng dễ có thể điều hòa được.

Các tổ chức phi chính phủ đã đóng góp vai trò chính trong việc thúc đẩy tham gia cộng đồng, song không thể không nói tới một số vấn đề về khả năng hợp tác với hệ thống chính quyền, trong đó có chính quyền cơ sở, nhiều khi gây ra những phản ứng tại cộng đồng. Vấn đề thứ hai dễ gặp phải là các tổ chức phi chính phủ thường quá chú trọng đến một số lĩnh vực hoặc hoạt động nào đó, thường ít có những hoạt động mang tính hệ thống nên có khi trùng lặp tại một thời điểm hoặc một khu vực, hoặc ít có hiệu quả hệ thống.

Tính tại chỗ của các tổ chức tại chỗ ở các cộng đồng tham gia vào các chương trình phát triển cộng đồng vừa là điểm thuận lợi vừa là điểm bất lợi. Sự hợp tác chặt chẽ giữa ba bộ phận: chính quyền cơ sở, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội tại chỗ là cách tốt nhất để khắc phục những điểm mạnh và điểm yếu của từng bộ phận. Trong thực tiễn, sự thành công hay thất bại của các chương trình phát triển cộng đồng phụ thuộc vào việc có xác lập được cơ chế phối hợp giữa ba lực lượng này hay không.

3.6. Những lợi ích và cản trở trong việc huy động sự tham gia của người dân vào các hoạt động phát triển cộng đồng

3.6.1. Lợi ích từ sự tham gia của người dân trong phát triển cộng đồng

Sự tham gia là đầu vào cần thiết nhằm tạo cơ hội thành công cho những sáng kiến về phát triển. Không những thế, sự tham gia và tiến trình tham gia bản thân nó đã là một mục tiêu và không đơn giản chỉ là một phương tiện để đạt được các mục tiêu phát triển. Áp dụng phương pháp tham gia sẽ tạo ra nhiều lợi ích có ý nghĩa đối với phát triển cộng đồng, những lợi ích đó là:

- + Nâng cao ý nghĩa về sở hữu trong các sáng kiến về phát triển cộng đồng ở địa phương;
- + Nâng cao hiệu suất và năng suất (lợi ích lớn hơn trên một đơn vị nguồn lực);
- + Tăng cường việc xem xét các tác động;
- + Nâng cao tính công bằng và tính tự quyết định;
- + Tăng cường khả năng tiếp tục, duy trì sau khi dự án hỗ trợ kết thúc;
- + Tăng cường chia sẻ chi phí và tính hiệu quả của sáng kiến phát triển;
- + Nhấn mạnh các hình thức phi bạo lực của những hoạt động và thay đổi xã hội;

+ Coi trọng nhu cầu và quyền lợi của con người.

Những lợi ích từ sự tham gia của người dân có thể được khái quát ở những khía cạnh sau:

- *Tính hiệu quả*: khi người dân tham gia tức là nhận trách nhiệm trong nhiều hoạt động khác nhau thì đảm bảo rằng họ sẽ sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có. Ngoài ra, khi người dân và các cơ quan khác làm việc cùng nhau để nhằm đạt được mục tiêu chung thì sẽ mang lại lợi ích hơn cho dự án.

Tuy nhiên, việc người dân nhận lãnh trách nhiệm cũng có thể làm cho nhà nước và các cơ quan khác chuyển gánh nặng sang họ, và cung cấp cho họ ít tài nguyên hơn.

- *Tính hiệu lực*: Thiếu sự tham gia của người dân là một trong những nguyên nhân chính làm cho các dự án thất bại, kém hiệu quả. Sự tham gia của người dân có thể làm dự án hiệu quả hơn bằng cách trao cho họ quyền quyết định về mục tiêu và chiến lược, và bằng sự tham gia trong thực hiện sẽ đảm bảo việc sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả.

- *Tăng cường tự lực*: Với sự can dự của người dân địa phương, ngoài việc phá bỏ tư tưởng phụ thuộc còn giúp họ tăng cường nhận thức, tự tin, và kiểm soát tiến trình phát triển. Thật ra, sự can dự của họ vào việc ra quyết định, thực hiện và giám sát sẽ giúp phát triển nguồn nhân lực địa phương.

- *Tính tổng thể /bao quát*: Những can thiệp phát triển nhằm mục tiêu hỗ trợ thành phần yếu kém trong xã hội. Tuy nhiên, hầu hết dự án phát triển chỉ thành công một phần vì lợi ích thường dồn vào những người không nghèo, thành phần quý tộc và quyền lực. Sự tham gia của người dân có thể đảm bảo lợi ích đến đúng nhóm mục tiêu. Hơn nữa, sự điều hành hiệu quả có thể đảm bảo rằng nguồn lực sẽ đến những thành phần yếu kém trong xã hội.

- *Tính bền vững*: Kinh nghiệm cho thấy rằng những dự án được hỗ trợ từ bên ngoài (do cơ quan Nhà nước hoặc cơ quan tài trợ) thường bị thất bại khi cơ quan tài trợ ngưng giúp đỡ. Sự tham gia của người dân được xem là tiên quyết cho những hoạt động được tiếp tục. Sự can dự của người dân và việc sử dụng nguồn lực địa phương tạo ra một ý thức sở hữu, điều này rất quan trọng cho sự bền vững ngay cả sau khi ngừng cấp kinh phí.

3.6.2. Những yếu tố cản trở sự tham gia trong phát triển cộng đồng

Sự tham gia có thể dẫn đến việc khởi đầu chậm trễ và tiến trình chậm ở giai

đoạn đầu, điều này sẽ ảnh hưởng việc đạt được mục tiêu vật chất cũng như tài chính của các hoạt động.

Sự tham gia đòi hỏi yếu tố vật chất cũng như nhân sự để hỗ trợ tiến trình tham gia, chúng ta phải đi theo đường lối được quyết định bởi người dân địa phương và cộng đồng. Do vậy tham gia có thể là một phương pháp tốn kém.

Sự tham gia là một tiến trình, khi khởi đầu thì phải theo tiến trình, vì thế có thể không đi theo hướng đã mong đợi. Ngoài ra, sự tham gia là một tiến trình tăng năng lực để quyết định. Điều này có nghĩa là nhà tài trợ, Nhà nước và những tổ chức khác phải từ bỏ quyền lực và kiểm soát, và việc này không dễ dàng.

Khi người dân hoặc cộng đồng tham gia thì nhiều mong đợi được đưa ra ngày càng tăng. Tuy nhiên, đôi khi sự tham gia đã mang đến kết quả không như mong đợi.

- Một số yếu tố cản trở sự tham gia:
 - *Cản trở do cấu trúc* từ những yếu tố do hệ thống trung ương và phương thức “từ trên xuống” (top-down) trong những chương trình/dự án phát triển của Nhà nước đã ít định hướng cho sự tham gia của người dân.
 - *Cản trở do cơ cấu quản lý:*
 - + Việc quản lý theo định hướng kiểm soát thường theo những hướng dẫn, quy định và chấp nhận những kế hoạch định sẵn. Do vậy, người dân địa phương ít được quyết định và kiểm soát nguồn lực của họ. Điều này ảnh hưởng tới quyền làm chủ và trách nhiệm của người dân.
 - + Các tổ chức phối hợp chưa chặt chẽ, nhiều hoạt động trùng lặp.
 - + Phát triển cộng đồng là một phương thức mới, chưa được công nhận rộng rãi và chính thức, do vậy nhiều chính quyền địa phương e ngại trong việc hợp tác, nhất là những hình thức huy động cộng đồng.
 - + Thiếu cán bộ địa phương hiểu biết về phương thức tham gia.
 - *Cản trở do xã hội và văn hoá:*
 - + Ý thức/ tư tưởng phụ thuộc: Các cấp cơ sở và người dân quen với cách làm từ trên xuống, quen chấp hành mệnh lệnh, tự ti, thiếu tự tin về trình độ, năng lực của mình.
 - + Người dân đặc biệt là người dân nông thôn thường e dè, thiếu mạnh dạn, không dám ý kiến, ngại phát biểu trong các hoạt động tập thể.

+ Vấn đề bất bình đẳng giới: địa vị thấp kém của phụ nữ và một bộ phận người dân thiệt thòi đã làm cho họ an phận và bằng lòng với tình trạng của họ, không dám có ý kiến về bất kì việc gì dù ảnh hưởng không tốt tới bản thân hoặc cộng đồng.

+ Người dân thường ngại rủi ro, không dám nhận trách nhiệm.

+ Lối sống thực dụng, thờ ơ việc chung.

+ Nhiều tổ chức làm công tác phát triển cộng đồng nhưng không chú ý đến yếu tố văn hoá, xã hội, gây nên sự ỷ lại, trông chờ từ phía người dân.

- *Từ phía người dân:*

+ Quen với cách làm từ trên xuống, chấp hành mệnh lệnh, dựa dẫm, phụ thuộc.

+ Sợ trù dập, e dè trước tập thể, thiếu tự tin, ngại nhận trách nhiệm.

+ Thiếu kiến thức và kỹ năng làm việc chung.

+ Chưa ý thức quyền làm chủ của mình.

+ Địa bàn dân cư, đặc biệt khu vực nông thôn miền núi thường ở rải rác, sống cách xa nhau.

- *Từ phía tổ chức, tác viên cộng đồng:*

+ Tổ chức hội họp nhiều nhưng không hiệu quả do thiếu kế hoạch chuẩn bị.

+ Cán bộ, tác viên chưa hiểu rõ về cách làm phát triển có sự tham gia, còn làm thay người dân.

+ Quen cách làm áp đặt, từ trên xuống.

+ Tính gia trưởng mệnh lệnh, thiếu dân chủ ở một số bộ phận cán bộ.

+ Tư tưởng nóng vội, sợ mất nhiều thời gian.

+ Chưa hiểu hết nhu cầu, nguyện vọng của người dân.

+ Thiếu tin tưởng vào khả năng tham gia của người dân.

+ Thiếu tổ chức các hình thức tổ, nhóm nhỏ tạo cơ hội cho người dân tham gia.

+ Thiếu tôn trọng, không am tường giá trị, phong tục tập quán của cộng đồng.

3.6.3. Một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia

- Tuân thủ nguyên tắc hành động phát triển cộng đồng.

- Có kỹ năng về các phương pháp, công cụ tạo thuận lợi cho sự tham gia.

- Tôn trọng văn hoá và giá trị cộng đồng.

- Cán bộ phát triển cộng đồng/tác viên và cán bộ địa phương phải thật sự gần gũi, lắng nghe dân.

- Công khai hoá các hoạt động liên quan đến dân để họ biết một cách thực sự và đầy đủ.

- Nâng cao năng lực, bao gồm kiến thức và kỹ năng để người dân có thể tham gia vào các hoạt động

- Cần có những thiết chế và cơ chế để qua đó người dân có thể phản hồi ý kiến trực tiếp hoặc qua người đại diện của mình.

- Ngoài ra, việc gắn cấp cơ sở vào tiến trình ra quyết định và lập kế hoạch, kết hợp với tham vấn ý kiến của UBND và các đoàn thể đang hỗ trợ cho tiến trình dân chủ hoá và đang được thực hiện tại Việt Nam. (Nghị định 29/1998/ NĐ-CP, tháng 5, 1998, Ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã. Chương III, điều 6 và chương IV điều 9).



Chương 4

NHỮNG KỸ NĂNG CẦN THIẾT CỦA TÁC VIÊN CỘNG ĐỒNG

4.1. Tác viên cộng đồng

4.1.1. Khái niệm tác viên cộng đồng

Nhân viên xã hội làm việc với cộng đồng để thực hiện một chương trình/ dự án phát triển cộng đồng có nhiều tên gọi khác nhau như: tác viên đổi mới (the change agent); nhà tổ chức cộng đồng (community organizer); tác viên cộng đồng, tác viên phát triển (development worker); nhân viên phát triển nông thôn, nhân viên cộng đồng (community worker); hoặc tác viên phát triển cộng đồng (community development worker). Một cán bộ khuyến nông hoặc cán bộ lâm nghiệp của Nhà nước cũng chính là một tác viên phát triển nếu họ làm việc với người dân theo phương thức phát triển cộng đồng.

Tác viên cộng đồng là những người làm công tác phát triển cộng đồng, đem lại sự thay đổi tích cực cho cộng đồng. Họ là những người được đào tạo chuyên nghiệp, có kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong công tác phát triển cộng đồng và đặc biệt là có cái tâm nghề nghiệp để làm việc với người dân, hướng tới sự thay đổi tích cực cho cộng đồng, giúp cho cộng đồng đi đến tự lực trong thời gian ngắn nhất.

4.1.2. Vai trò của tác viên cộng đồng trong phát triển cộng đồng

Nhân viên làm việc trong chương trình phát triển cộng đồng đóng vai trò là người tổ chức, lập kế hoạch, người tổ chức và xúc tác cho quá trình hợp tác, người bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng của người dân về điều kiện sống và quyền an sinh và phát triển, đồng thời cũng là cầu nối giữa nhóm người nghèo, thiệt thòi với những nguồn lực sẵn có.

Tác viên cộng đồng còn tạo ra những chuyển biến quan trọng như làm thay đổi thái độ và hành vi của cá nhân, tạo ra những biến đổi trong các mối quan hệ trong các nhóm và tổ chức của cộng đồng.

Những vai trò cụ thể của tác viên cộng đồng được thể hiện như sau:

- Người xúc tác:

Với vai trò xúc tác, tác viên cộng đồng sẽ là người gợi mở, hướng dẫn, tư vấn cho cộng đồng để cộng đồng xem xét và đưa ra các giải pháp phù hợp với khả năng, nhu cầu của họ. Tác viên cộng đồng không làm hộ, làm thay.

Nhiệm vụ đầu tiên của tác viên là tập hợp người dân vào các nhóm để chia sẻ với họ những thông tin về cuộc sống. Là người tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi để người dân tăng dần khả năng bàn bạc, chọn lựa, lấy quyết định và cùng hành động để giải quyết những vấn đề của họ. Là người tạo bầu không khí thân tình cởi mở và đối thoại, khuyến khích sự tham gia của người dân vào tiến trình phát triển của cộng đồng.

Xu hướng hiện nay trong các hoạt động phát triển cộng đồng là làm cùng, làm với chứ không phải làm giúp, làm thay. Làm giúp, làm thay được coi là sự tước đoạt khả năng chủ động, tự lập, tự quyết của người dân.

Nguy cơ làm thay thường xảy ra nhất đối với tác viên cộng đồng vì các tác viên đến với cộng đồng với lòng nhiệt tình, ngoài ra còn do thái độ của người trên, người đi giúp người khác. Cách làm tạo thuận lợi được nhấn mạnh trong mọi lĩnh vực hoạt động vì chỉ có cách này mới phát huy được tiềm năng của tập thể.

- **Người biện hộ:**

Tác viên với tư cách là người đại diện cho tiếng nói của nhóm/cộng đồng đề đạt đến cơ quan công tác, các cấp thẩm quyền những vấn đề bức xúc của các nhóm/cộng đồng và kêu gọi người khác hưởng ứng nhằm tạo ra một chuyển biến về nhận thức, hoặc một sự hỗ trợ tích cực hơn cho các đối tượng thiệt thòi. Ví dụ: biện hộ cho việc chăm sóc bảo vệ trẻ em bị lạm dụng lao động

- **Người nghiên cứu:**

Tác viên là người cùng với những người nòng cốt trong cộng đồng thu thập, tìm hiểu, và phân tích các thế mạnh, thế yếu, vấn đề, tiềm năng sẵn có trong cộng đồng. Tác viên giúp cộng đồng chuyển những phân tích đó thành những chương trình hành động cụ thể. Ví dụ: Khảo sát chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật trong cộng đồng.

- **Người huấn luyện:**

Trước tiên là bồi dưỡng các nhóm trong cộng đồng hiểu biết về mục đích, chiến lược phát triển của dự án /chương trình hành động. Bồi dưỡng kỹ năng làm việc chung trong nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý. Đặc biệt chú ý đến bồi dưỡng những giá trị, thái độ hợp tác và tôn trọng sự tham gia, sự tự quyết của người dân. Với tinh thần cởi mở, học hỏi và phát huy những kinh nghiệm tốt của cộng đồng, tác viên sẽ là người huấn luyện song hành với cộng đồng chứ không phải là thầy giáo của cộng đồng. Việc huấn luyện thường theo phương

pháp giáo dục chủ động, giáo dục, đào tạo cho người lớn tuổi.

- Người lập kế hoạch:

Các chương trình hành động cần được bàn bạc, và sắp đặt một cách có hệ thống, có tính toán, có chỉ báo để đo lường được những mục đích mong muốn. Tác viên sẽ tham mưu, hỗ trợ để cộng đồng xây dựng chương trình phát triển cộng đồng, xây dựng các chương trình hành động bằng việc cùng họ bàn bạc và sắp xếp một cách có hệ thống, có tính toán, có chỉ báo để đo lường được những mục đích mong muốn. Trao đổi lẫn nhau sẽ học hỏi được các tiến trình hoạch định và thi hành những quyết định do chính cộng đồng đề ra.



Trong thực tế, tác viên sẽ cảm thấy khó mà tránh khỏi việc “cho ý kiến”, bạn hãy cẩn thận khi được hỏi ý kiến bởi vì cách trả lời và câu trả lời của bạn dễ đẩy bạn vào vai trò chủ động, làm thay, “làm cho” chứ không phải “làm với” cộng đồng. Theo từng bước phát triển của cộng đồng, tác viên sẽ giảm dần thế chủ động của mình trong các vai trò trên để rút lui dần ra khỏi cộng đồng.

4.1.3. Những năng lực, phẩm chất cần có của tác viên cộng đồng

Tác viên cộng đồng cần có những năng lực, phẩm chất sau:

- Năng lực: Tác viên cộng đồng phải qua huấn luyện, có đủ năng lực chuyên môn để thực hiện tốt vai trò của mình, để tự tin và tạo niềm tin nơi dân. Tác viên cần phải có một số kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng làm việc nhóm,...
- Hòa đồng: phong cách sống, làm việc phù hợp với người dân, biết lắng nghe và đồng cảm với người dân.
- Trung thực: Tác viên cộng đồng phải trung thực với dân và trong sáng với chính mình.
- Kiên trì, nhẫn nại: để không nóng vội, thiếu kiên nhẫn ngã lòng hay làm thay, áp đặt, thúc ép người dân...
- Khiêm tốn: không khoe khoang, dám nhận những hạn chế của mình và sẵn sàng lắng nghe, học tập những cái hay của dân.

- Khách quan, vô tư: trong nhận diện, phân tích, đánh giá tình hình, con người. Khách quan là điều quan trọng trong việc giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng và làm tốt vai trò xúc tác, liên kết các nhóm.

- Đạo đức: Tác viên cộng đồng phải có lối sống, đạo đức phù hợp với các giá trị, chuẩn mực của xã hội.

Bên cạnh đó, tác viên cần lạc quan về cuộc sống, tin tưởng nơi con người, có sự hiểu biết về chính mình, dễ dàng chấp nhận người khác và thích nghi tốt.

4.1.4. Một số điểm cần lưu ý đối với tác viên cộng đồng

- Làm việc với người nghèo/thiệt thòi, chứ không làm cho họ: hãy giúp họ thấu hiểu, phân tích, hoạch định, thực hiện, đừng làm thay. Họ có quyền phản bác ý kiến tác viên, có quyền sai; sự phát triển xuất phát từ sự tự hiểu biết về chính nhu cầu và quyền lợi của họ.

- Phát triển là một tiến trình thức tỉnh, ý thức về chính hoàn cảnh của mình/cộng đồng. Người dân có nhiều kinh nghiệm sống quý giá. Hãy lắng nghe họ.

- Hãy để dân chúng có cơ hội lớn lên/trưởng thành: trưởng thành là kết quả của một kinh nghiệm được lựa chọn, quyết định cái phải làm, phát triển phải bắt đầu từ tiềm năng/nội lực từ đó tiến lên và tăng trưởng. Thật vậy chương trình kinh tế xã hội nhỏ không chỉ mang lại thành tích tăng thu nhập mà cả niềm tin và sự tự trọng của cá nhân và cả cộng đồng.

- Tạo sự liên đới trách nhiệm trong dân chúng: phát triển sẽ xảy ra khi cùng hành động với người khác trong tinh thần đoàn kết, vì thế, chia sẻ, chăm sóc cho nhau và cùng tiến về xã hội mới, trong đó tính nhân bản của chúng ta được đảm bảo đầy đủ.

- Xây dựng và củng cố những tổ chức hợp tác trong cộng đồng: tổ chức có mạnh thì tiếng nói của người nghèo/thiệt thòi mới có cơ hội thương lượng, đối thoại với những thành phần xã hội có thế lực khác trong cộng đồng.

4.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến tiến trình vận động sự tham gia của người dân

4.1.3.1. Yếu tố bản thân

Chúng ta ai cũng biết khá rõ về những mặt mạnh và yếu của mình. Nhìn nhận mình là ai và là người như thế nào sẽ có một ảnh hưởng khá quyết định đối

với hành vi giao tiếp của cá nhân với người xung quanh. Là một tác viên cộng đồng, việc thiết lập những mối quan hệ chân tình – tin cậy với cộng đồng là rất quan trọng.

Qua tương tác, cộng đồng biết rất rõ tác viên có thật sự hiểu, quan tâm, tôn trọng, dân chủ và vì người nghèo không. Những điểm mạnh như thái độ lắng nghe, kiên nhẫn, bình tĩnh, khách lễ và cởi mở sẽ khơi gợi sự cố gắng bày tỏ ý kiến hay tranh luận. Tuy nhiên, có lúc do nhiệt tình, nôn nóng sợ thất bại của tác viên, người dân sẽ che giấu ý kiến, khả năng riêng của mình, hoặc chờ đợi, ý lại tác viên sẽ làm thay. Mặt khác tác viên cũng có những “cố tật”, yếu điểm không kiểm soát được có thể ảnh hưởng đến những cố gắng tham gia hoặc tự trọng của người dân, thí dụ, lấn lướt ý kiến người khác, hay phê phán, hay cho lời khuyên, hay hứa hẹn, chêm biếm, hoặc “tiểu lâm”,...

Luôn ý thức về hành vi và tình cảm của mình trong từng hoạt động giao tiếp với người dân sẽ giúp tác viên xử lý đúng đắn trong mọi tình huống xảy ra.

Hiểu biết cộng đồng là một tiền trình học hỏi hai chiều của tác viên và người dân để hợp tác và giúp đỡ cộng đồng tốt hơn.

4.1.3.2. *Yếu tố giáo dục*

Mỗi người đánh giá sự vật, sự việc theo quan điểm riêng của mình. Quan điểm cá nhân được quy định bởi thang giá trị riêng dưới ảnh hưởng văn hóa, giáo dục gia đình, tự giáo dục của bản thân, thí dụ: quan điểm về trình tiết, về bình đẳng giới, về người nghèo, về người nhiễm HIV... rất khác nhau trong xã hội; vì thế có rất nhiều hành vi, thái độ xã hội khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau trước một vấn đề xã hội của cộng đồng. Thái độ cá nhân phản ánh thang giá trị của cá nhân hoặc giá trị văn hóa của cộng đồng.

- Thay đổi thang giá trị rất lâu rất khó. Thang giá trị cá nhân đôi lúc khác với thang giá trị của nhóm/cộng đồng. Vì thế trong công tác giáo dục, vận động xã hội người tác viên cần chú ý đến văn hóa địa phương, kiên nhẫn và dân chủ để truyền bá những giá trị mới.

- Tác viên cần xây dựng và truyền bá về giá trị chung về công tác phát triển: “Phát triển thiên về vì lợi ích của người nghèo/thiệt thời” hoặc “Phát triển phải xuất phát từ nhu cầu và tiềm lực của người dân”,...

4.1.3.3. *Yếu tố văn hóa*

Văn hóa thể hiện qua những giá trị tinh thần truyền thống, chuẩn mực đạo đức và lối sống của cộng đồng.

Tinh thần yêu nước, lá lành đùm lá rách, tình làng nghĩa xóm, uống nước nhớ nguồn của văn hóa Việt Nam là nền tảng của phương pháp phát triển cộng đồng, là phương châm để hòa giải, giải quyết những khó khăn trong cộng đồng.

Một số những chuẩn mực đạo đức đã thay đổi dần như “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “tam tòng, tứ đức”... dưới ảnh hưởng của xã hội phát triển. Tuy nhiên, mặt tiêu cực của những tư tưởng phong kiến này cũng có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của trẻ gái và phụ nữ, đến sự phát huy tính sáng tạo của lớp trẻ, lớp người dân bình thường trong cộng đồng.

Lối sống cần kiệm, tình làng nghĩa xóm được khuyến khích, đề cao nhưng cũng dễ dẫn đến cục bộ, ích kỷ nếu không xây dựng được tinh thần liên kết, chia sẻ vì quyền lợi chung của tất cả người nghèo, của cả cộng đồng.

Những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của văn hóa địa phương nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung tiềm ẩn trong bản thân mỗi chúng ta, vì thế chúng ta không dễ gì kiểm soát hết được. Luôn ý thức, cởi mở, học hỏi, tìm kiếm phản hồi ở người khác là cách giúp tác viên củng cố mối quan hệ tin cậy và hợp tác với cộng đồng.

4.2. Một số kỹ năng cần thiết của tác viên cộng đồng

4.2.1. *Kỹ năng giao tiếp*

- *Khái niệm giao tiếp:*

Giao tiếp là việc trao đổi thông tin giữa con người và thường dẫn tới hành động tiếp theo”. “Giao tiếp là sự tiếp xúc giữa hai hay nhiều người thông qua phương tiện ngôn ngữ nhằm trao đổi thông tin, tình cảm, hiểu biết, tác động qua lại và điều chỉnh lẫn nhau”, “Giao tiếp là một quá trình trao đổi thông tin giữa các cá nhân thông qua một hệ thống bao gồm các ký hiệu, dấu hiệu và hành vi. Giao tiếp cũng có thể hiểu là các hình thức biểu lộ tình cảm, trò chuyện, diễn thuyết, trao đổi thư tín, thông tin”...

- *Nguyên tắc và phong cách giao tiếp:*

- Nguyên tắc trong giao tiếp là những hệ thống quan điểm chỉ đạo, định hướng thái độ và hành vi ứng xử, lựa chọn các phương pháp, phương tiện giao

tiếp của cá nhân.

Một số nguyên tắc giao tiếp cơ bản bao gồm:

- Nguyên tắc bình đẳng trong giao tiếp (tôn trọng nhân cách trong giao tiếp). Theo nguyên tắc này người giao tiếp phải tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp tức là tôn trọng phẩm giá, tâm tư nguyện vọng của nhau, không ép buộc nhau bằng quyền lực. Tôn trọng nhân cách cũng có nghĩa là coi đối tượng giao tiếp là một con người, có đầy đủ các quyền con người và được bình đẳng trong các mối quan hệ xã hội.

- Nguyên tắc thiện chí trong giao tiếp: Thiện ý trong giao tiếp là sự tin tưởng ở đối tượng giao tiếp, luôn nghĩ tốt về họ. Giành những tình cảm tốt đẹp và đem lại niềm vui cho đối tượng giao tiếp, luôn luôn động viên, khuyến khích họ làm việc tốt.

- Nguyên tắc tôn trọng các giá trị văn hoá trong giao tiếp: Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa đòi hỏi mỗi cá nhân phải có những hiểu biết nhất định về các giá trị văn hóa của đối tác giao tiếp thuộc các quốc gia, các dân tộc, giới... để có ứng xử phù hợp.

Về phong cách giao tiếp có thể có cách phân chia khác nhau, bao gồm:

- Phong cách “độc đoán”: Các thành viên tham gia giao tiếp không quan tâm đến đặc điểm riêng của đối tượng giao tiếp dẫn tới thiếu thiện chí, hay va chạm và gây căng thẳng. Người giao tiếp không gây được thiện cảm, khó thiết lập mối quan hệ hợp tác, khó chiếm được cảm tình của đối tác. Ưu điểm của phong cách giao tiếp độc đoán là có tác dụng trong việc đưa ra những quyết định nhất thời, giải quyết được vấn đề một cách nhanh chóng. Nhược điểm là làm mất đi sự tự do, dân chủ trong giao tiếp, kiềm chế sức sáng tạo của con người, giảm tính giáo dục và tính thuyết phục. .

- Phong cách “tự do”: Các thành viên tham gia giao tiếp linh hoạt quá mức, dễ thay đổi mục đích, chiều theo ý đối tác giao tiếp. Phong cách này dễ dàng thiết lập các quan hệ nhưng cũng dễ mất các mối quan hệ, không sâu sắc, thiếu lập trường, thế nào cũng được. Phong cách tự do là kiểu phong cách linh hoạt, cơ động, mềm dẻo, dễ thay đổi theo đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp. Ưu điểm của phong cách này là phát huy được tính tích cực của con người, có kích thích tư duy độc lập và sáng tạo. Nhược điểm là không làm chủ được cảm xúc của bản thân, thường hay phụ thuộc hoặc bắt chước, dễ phát sinh tự do quá trớn.

- Phong cách “dân chủ”: Các thành viên tham gia giao tiếp biểu hiện sự nhiệt tình, thiện ý, tôn trọng nhân cách của đối tượng giao tiếp. Các thành viên biết lắng nghe, biết quan tâm, dễ dàng thiết lập mối quan hệ tốt trên cơ sở hiểu biết tâm tư của các bên. Ưu điểm của phương pháp này là làm tăng khả năng sáng tạo của đối tượng giao tiếp, giúp mọi người thân thiện, gần gũi và hiểu nhau hơn, tạo mối quan hệ tốt khi làm việc. Nhược điểm của phương pháp này là dân chủ quá có thể dẫn đến việc rời xa các lợi ích của tập thể.

Chúng ta cố gắng rèn luyện để theo phong cách giao tiếp “dân chủ” nhưng tránh dân chủ quá trớn.

- *Các nguyên tắc khi giao tiếp bằng lời*

- Xưng hô: luôn tuân theo tuổi tác. Hễ người lớn tuổi hơn bạn, bạn phải gọi bằng anh, chị, chú bác, cô, dì... Nếu độ tuổi chênh lệch không ít, bạn có thể xưng tên. Tuyệt đối không nói chuyện nhát gừng, trống không, dù là với đối tượng nào vì điều đó thể hiện sự thiếu lịch sự, thô lỗ của người nói. Không xưng hô quá thân mật so với mối quan hệ.

- Cách nói: rõ ràng, dễ hiểu. Nội dung lời nói phải phù hợp với trình độ, độ tuổi người nghe.

- Tránh lối nói mỉa mai, “nói mát”: lối nói chỉ trích người khác một cách bóng gió, văn hoa, tưởng khen mà chê qua giọng điệu nguýt ngoáy luôn tạo ra ấn tượng cực xấu cho người nghe, và người nói cũng bị đánh giá không ít.

- Tránh lối nói gây cảm giác không tốt nơi người khác: thỉnh thoảng, cách nhận xét, đánh giá sự việc một cách thái quá của bạn khiến người đối diện cảm thấy tâm trạng tồi tệ hơn.

- Không đề cập đến các chủ đề mà người nghe không hiểu, không quan tâm hoặc các chủ đề nhạy cảm. Tốt nhất, để an toàn, bạn đừng nói về chủ đề tôn giáo, chính trị, pháp luật, giới tính.

- Cách dùng từ: không dùng tiếng lóng ít người biết, khẩu ngữ, từ địa phương, tránh hiểu nhầm cho người đối diện. Không dùng từ chuyên ngành, từ cổ, ngôn từ quá hoa mỹ.

- *Sử dụng ánh mắt khi giao tiếp:*

- Khi nói chuyện, hãy nhìn thẳng vào người đối diện, song đừng nhìn chăm chăm. Thỉnh thoảng hãy đưa mắt nhìn phạm vi xung quanh họ để giảm tải căng

thẳng cho cả hai.

- Không đảo mắt liên hồi, nhìn xéo sang một người trong khi nói chuyện với người khác.

- Không đá lông nheo với người khác giới, trừ khi đó chỉ là cử chỉ hài hước bạn tạo ra cho mọi người vui vẻ.

- Không hướng mắt nhìn xuống chân: người bị quan, thiếu tự tin, kẻ phạm tội thường có cử chỉ này, do đó nó gây ra những cảm giác không hay ở người đối diện.

- Dù nói chuyện với một người lớn tuổi hay nhỏ tuổi, bạn cũng đừng nên nhìn vào khuyết điểm trên thân thể của họ.

- Khi nhờ vả ai đó, trong khi chờ họ ra quyết định, không nên nhìn chăm chăm vào họ.

- Tránh để cho người đối diện thấy bạn khóc, bởi bạn sẽ khiến họ rất khó xử, dù họ có phải là người khiến cho bạn khóc hay không.

- *Cách ứng xử khi giao tiếp:*

- Nói chuyện bằng thái độ chân thành, tự nhiên. Tránh tỏ ra khó chịu, gượng ép hay giả làm bộ vui vẻ, quan tâm đến người khác – như thế sẽ gây ra ấn tượng xấu ở người đối diện.

- Không đột nhiên im lặng, nói lấp lửng, làm ra vẻ bí mật để bắt người khác phải chờ đợi.

- Không ngắt lời một người đang hào hứng kể chuyện cho bạn. Khi bạn làm cho họ mất hứng trò chuyện, có thể lần sau họ sẽ ngại chia sẻ với bạn.

- Nói chuyện gọn gàng, đủ ý, chỉ kể những chi tiết liên quan, không thao thao bất tuyệt bắt chấp người nghe có muốn nghe hay không.

- Khi nói chuyện, nên giữ một khoảng cách vừa phải. Nếu không gian có nhiều đồ vật riêng tư của người đối diện, hãy nhìn thẳng, tránh ngó nghiêng lung tung vì họ sẽ nghĩ là bạn đang soi mói đời tư của họ.

- Không nên tâm sự chuyện riêng tư với tất cả mọi người.

- Nếu không thể nói sự thật, đừng tìm cách nói dối.

4.2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi

- **Tại sao phải hỏi?**

- Chúng ta thường làm quen với nhau bằng cách đặt câu hỏi.

- Hỏi là một hình thức giao tiếp thông thường.

- Quá trình trao đổi bằng các câu hỏi nhằm mục đích chính là tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, hỏi để có thông tin, để học tập lẫn nhau. Quá trình trao đổi sẽ không thực hiện được nếu chẳng ai hỏi ai.



- **Một số điểm cần chú ý khi đặt câu hỏi**

- Người hỏi cần nhận thức được sự cần thiết của thông tin cần thu nhận được khi hỏi (thông tin đó có cần thiết không?).

- Người hỏi cần xác định rõ thông tin nào cần phải thu thập (thông tin đó có cần cho mục đích gì?)

- Người hỏi cần hiểu rõ các từ ngữ đặt ra trong khi hỏi để phù hợp với nội dung và vấn đề cần hỏi.

- Người hỏi cần lựa chọn các câu hỏi phù hợp với đối tượng cần hỏi (độ khó của câu hỏi, dạng câu hỏi).

- Người hỏi cần kiên trì để thu nhận được câu trả lời. Trong trường hợp cần thiết cần điều chỉnh câu hỏi đã đặt ra nhằm mục đích thu được nhiều thông tin nhất.

- **Các loại câu hỏi và cách sử dụng**

Bảng 4.1. Các loại câu hỏi và cách sử dụng

STT	Dạng câu hỏi	Ví dụ
1	Câu hỏi đóng: là loại câu hỏi có câu trả lời “có-không” (không có thông tin bổ sung).	- Bác có tham gia tập huấn không? - Xã ta có ai là phụ nữ làm cán bộ khuyến nông không?
2	Câu hỏi mở: là loại câu hỏi mà câu trả lời tùy thuộc tình hình thực tế, từ suy nghĩ và nhận thức của người cung cấp thông tin.	- Gia đình đã làm thế nào để hạn chế xói mòn đất? - Chị đã làm thế nào để tăng độ màu mỡ của đất?

STT	Dạng câu hỏi	Ví dụ
3	Câu hỏi dẫn hoặc câu hỏi thăm dò: là loại câu hỏi mà câu trả lời đã được dẫn ra. Người trả lời được gợi ý và phải lựa chọn câu trả lời (khi đã có một số thông tin).	- Trên diện tích đất rừng này người dân thường trồng keo lai hay keo tai tượng? - Chị thường sử dụng cỏ voi hay cỏ Stylo để trồng ở các băng theo đường đồng mức trên đất dốc?
4	Câu hỏi tình huống: là loại câu hỏi về một tình huống cụ thể (tình huống có thể giả định).	- Trong trường hợp không có nhiều kinh phí, anh sẽ chọn hoạt động nào để áp dụng nhằm hạn chế hiệu quả hiện tượng xói lở đất tại địa phương?
5	Câu hỏi có câu trả lời tốt nhất: là câu hỏi mà câu trả lời đưa ra thường có sự so sánh.	- Trong các mô hình canh tác đất dốc đã được lựa chọn, chị thấy thích nhất mô hình nào?
6	Câu hỏi trực tiếp: là loại câu hỏi đặt ra cho một người cụ thể. Câu hỏi này thường được sử dụng để kiểm tra hoặc tạo không khí thảo luận.	- Anh Đông, theo anh thì có nên trồng lạc và các cây ngắn ngày khác trên những vùng đất có độ dốc lớn hơn 25 ⁰ không?
7	Câu hỏi tổng thể: là loại câu hỏi đặt chung cho cả nhóm, ai cũng có thể trả lời.	- Theo các anh/chị, khi trồng các loại cây phân xanh, che phủ đất trên vườn đồi gặp phải những khó khăn gì?

Chú ý: Trong quá trình đặt câu hỏi, điều quan trọng là biết sử dụng linh hoạt các dạng câu hỏi đúng tình huống và rõ ràng. Đặt những câu hỏi phải dễ hiểu, tránh đặt ra những câu hỏi mập mờ gây khó khăn cho người trả lời.

• **Kỹ năng đặt câu hỏi một cách hiệu quả**

* Hạn chế đặt các câu hỏi có câu trả lời đơn giản, ít thông tin - dạng câu hỏi đóng.

Ví dụ:

- Bác có nhận được lợi ích khi tham gia nhóm đồng sở thích không?

- Chị có muốn được dự án hỗ trợ vốn không?

** Nên xem xét đặt ra các câu hỏi bắt đầu từ: Là gì?, Thế nào?, Bao giờ? Ở đâu?, Tại sao?.*

Ví dụ:

- Thành viên nhóm đồng sở thích đã giúp bác những việc gì từ khi bác tham gia vào nhóm?
- Làm thế nào để dự án giúp chị nâng cao thu nhập?

** Hạn chế sử dụng những câu hỏi có tính dẫn dắt.*

Loại câu hỏi này chỉ dẫn người được hỏi đến một kết luận đã được xác định từ trước hoặc thấy trước.

Câu trả lời của loại câu hỏi này có thể được trả lời là “có” hoặc không”.

Ví dụ: Nếu tác viên cộng đồng hỏi:

- Các bác đã làm như cháu hướng dẫn phải không ạ?

Câu trả lời có thể sẽ là: “đã làm” hoặc “chưa làm”

- Hoặc câu hỏi: Các anh chị có đồng ý với những gì chúng tôi đã hướng dẫn không?

Câu trả lời có thể là: “có” hoặc “không”

** Hạn chế đặt các câu hỏi được bắt đầu bằng “Tại sao?.”*

Loại câu hỏi này có thể làm cho người khác rơi vào cảm giác phòng thủ trong khi họ đang muốn cung cấp thông tin cho bạn.

Cảm giác này có thể sẽ phá vỡ sự thân thiện giữa các bên.

** Hạn chế vừa hỏi vừa tự trả lời câu hỏi mình vừa đặt ra.*

** Không nên hỏi một lúc quá nhiều câu hỏi. Hãy để thời gian để người được hỏi hiểu câu hỏi của bạn.*

Ví dụ:

Bác có phải là thành viên của nhóm đồng sở thích trồng rừng không ạ? Nếu đúng như vậy thì xin bác cho biết các bác đã tham gia lớp tập huấn nào chưa?



Chất lượng lớp học thế nào?

** Nếu có thể, tăng cường sử dụng loại câu hỏi có khởi đầu và kết thúc.*

Loại câu hỏi này kích thích suy nghĩ và phản hồi của người được hỏi. Loại câu hỏi này cũng đảm bảo rằng người được hỏi đang tập trung vào vấn đề bạn đang hỏi.

Ví dụ:

- Điều gì đã làm cho bác thấy thích thú khi tham gia vào nhóm đồng sở thích?
- Làm thế nào để có thể vừa chăn nuôi lợn có thu nhập cao nhưng không làm ảnh hưởng đến việc đảm bảo vệ sinh cho cả bản?

** Giữ âm lượng nói vừa phải. Không hỏi với âm lượng quá to hoặc quá nhỏ*

** Nên giữ thái độ thân thiện với người đối diện ngay cả khi bạn đang rất nóng lòng muốn giải quyết một vấn đề mà người được hỏi đang làm bạn không hài lòng.*

4.2.3. Kỹ năng lắng nghe

Chúng ta thường được đào tạo để phát biểu, ít khi được đào tạo để lắng nghe. Lắng nghe cũng cần phải được đào tạo.

Biết lắng nghe là một điều quan trọng. Cần phải lắng nghe thế nào để không ảnh hưởng đến ý kiến, thái độ và niềm tin của người đối thoại.

• Sự lắng nghe được hiểu như thế nào?

- Lắng nghe có nghĩa là bạn đang cố gắng hiểu vấn đề và cách mà người nói đang hiểu về vấn đề đó.
- Lắng nghe không chỉ có nghĩa là sự đồng cảm mà còn là sự thấu hiểu và chia sẻ với người nói
- Sự lắng nghe đòi hỏi việc nhập cuộc một cách tích cực vào vị trí của người nói và sự nỗ lực để hiểu trạng thái của họ.



• Các nguyên tắc của kỹ năng lắng nghe

- Người biết lắng nghe là người sẽ nghe không chỉ những gì người khác đang nói mà còn những gì còn lại chưa được nói đến hoặc chỉ mới nói một phần.
- Sự lắng nghe bao gồm quan sát, ngôn ngữ và cử chỉ và chú ý sự không nhất quán giữa các thông điệp bằng lời hoặc không bằng lời.

- ***Thế nào là biết lắng nghe?***

- Chú ý và tỏ thái độ đối với người phát biểu
- Ghi nhớ hoặc ghi chép ý chính
- Hỏi lại cho rõ những gì chưa rõ, chưa hiểu
- Suy nghĩ, phân tích những ý chính.
- Thảo luận thêm bằng cách đặt câu hỏi hoặc tranh luận.
- Chú ý đến những mâu thuẫn trái ngược.

- ***Tại sao cần có kỹ năng lắng nghe tốt?***

- Hạn chế sự hiểu lầm.
- Tránh sự thất vọng từ hai phía (người nói và người nghe).
- Để bạn sẽ hiểu rõ ràng hơn vấn đề người khác đang nói.
- Làm cho người khác trở nên cởi mở hơn với bạn.
- Để bạn có nhiều thông tin hơn.
- Để bạn được tôn trọng hơn.

- ***Các nguyên tắc cần tuân thủ để lắng nghe hiệu quả***

* Sự lắng nghe đòi hỏi bạn phải tập trung và sử dụng các giác quan khác (quan sát, chú ý,...) của bạn để có thể làm đơn giản các từ ngữ mà người khác đã nói.

* ***Ngừng nói:***

Ngừng nói khi người khác chưa kết thúc phần trình bày của họ, mặc dù bạn cần phải làm rõ một điều gì đó.

* ***Sẵn sàng lắng nghe:***

Chú ý vào người nói. Gạt bỏ các ý nghĩ không liên quan ra ngoài suy nghĩ của bạn.

* ***Hãy để cho người nói cảm thấy thoải mái:***

Hãy giúp người nói cảm thấy thoải mái khi nói. Ghi nhớ những nhu cầu và sự quan tâm của họ. Hãy gật đầu hoặc sử dụng các cử chỉ khác hoặc từ ngữ nào đó để khuyến khích người nói tiếp tục nói về một vấn đề nào đó

* ***Không sao nhãng việc lắng nghe:***

- Tập trung vào những gì mà người đối diện đang nói.
- Không vẽ, viết nguệch ngoạc lên giấy, xê dịch vở ghi chép, nhìn ra ngoài v.v.
- Tránh việc ngắt lời người nói khi không cần thiết.

* ***Thấu hiểu:***

Cố gắng hiểu quan điểm của người khác. Hãy nhìn vào các vấn đề từ góc nhìn của họ.

*** Kiên nhẫn:**

Không ngắt lời người khác. Chú ý ghi chép những ý chính

*** Loại bỏ định kiến cá nhân:**

- Cố gắng trở thành người không thiên vị.

- Không làm cho người khác tức giận và không để cho thói quen hoặc cử chỉ làm cho người đối diện đang nói bối rối từ những gì mà bạn đang thể hiện.

*** Chú ý lắng nghe các ý tưởng:** Cần cố gắng tiếp nhận toàn bộ sự việc chứ không thu nhận riêng rẽ từng ý tưởng.

*** Đưa ra câu hỏi:** Việc đưa ra câu hỏi sẽ đảm bảo làm rõ những gì đang được nói ra, tạo thuận lợi để người nghe hiểu tốt hơn, đồng thời để người đang nói biết rằng người nghe đang rất chú ý lắng nghe. Tuy nhiên, không nói quá nhiều.

• Những điều nên và không nên khi lắng nghe người khác

*** Nên:**

- Tỏ ra thích thú, quan tâm.

- Hiểu người đang nói.

- Tỏ thái độ đồng cảm.

- Đơn giản hóa vấn đề nếu có thể.

- Lắng nghe những nguyên nhân dẫn đến vấn đề.

- Giúp người nói liên hệ vấn đề mà người đó đang gặp phải với nguyên nhân của vấn đề.

- Khuyến khích người nói phát triển khả năng và động lực giải quyết vấn đề của chính họ.

- Giữ im lặng khi sự im lặng là cần thiết.

- Có liên hệ trực quan, thực tế.

*** 10 điều không nên khi lắng nghe:**

- Cãi lại hoặc tranh luận hoặc cắt ngang.

- Kết luận quá vội vàng.

- Đưa ra nhận xét quá vội vàng hoặc nhận xét khi chưa hết câu chuyện (sự giả đoán trước mà



không có căn cứ), vội vã phê bình người nói.

- Đưa ra lời khuyên khi người ta không yêu cầu.
- Để những người khác tác động quá mạnh đến tình cảm của mình, thành kiến cá nhân.
- Luôn nhìn vào đồng hồ.
- Nói quá to hoặc quá nhỏ, hoặc quá nhanh, hoặc ngôn ngữ không rõ ràng.
- Trừu tượng hóa vấn đề, sự chệnh mảng và không nghiêm túc chú ý.
- Sự thiếu khiêm tốn và bảo thủ, tự phụ và kiêu căng, xem thường người nói, không tin ở người nói.
- Sự giận dữ, nóng nảy.



4.2.4. Kỹ năng hướng dẫn thảo luận nhóm

- **Vai trò của người điều hành thảo luận:**

* *Trách nhiệm thu hút sự tham gia của tất cả mọi người, người điều hành phải:*

- Thu hút sự quan tâm, chú ý của những người tham gia về các chủ đề sẽ đề cập.
- Tạo được không khí thoải mái.
- Đảm bảo mọi thành viên tham gia đều có cơ hội được phát biểu.
- Khuyến khích những người tham gia lắng nghe người khác nói.

* *Trách nhiệm để đạt được mục tiêu buổi họp, người điều hành phải:*

- Chuẩn bị kỹ mục tiêu và nội dung thảo luận.
- Hướng dẫn thảo luận đi đúng chủ đề và đúng trọng tâm.
- Tóm tắt, tổng hợp ý kiến để giúp mọi người dễ hiểu và dễ nhớ.
- Khuyến khích mọi người tham gia đóng góp ý kiến một cách xây dựng và hữu ích.
- Ghi lại các ý chính và những quyết định đã thông qua tại buổi họp để viết biên bản.

- **Thế nào là một người có kỹ năng điều hành thảo luận nhóm tốt?**

Là người có kỹ năng:

- Xây dựng mối quan hệ tốt với người tham dự để có được sự tin cậy.
- Biết tỏ ra linh hoạt, nhạy cảm và không nóng vội.
- Không tự coi mình là một chuyên gia, không xét đoán ý kiến của người khác, không giáo huấn mọi người, không áp đặt ý kiến cá nhân.
- Không để thảo luận lan man mà không điều khiển được.
- Luôn luôn nắm được tâm trạng của nhóm và có biện pháp hành động thích hợp (ví dụ: khi nhóm tỏ vẻ chán nản hoặc quá căng thẳng nên cho nghỉ giải lao)
- Làm cho mọi người cảm thấy thoải mái và được tôn trọng.
- Khuyến khích hiệu quả sự tham gia của tất cả mọi người.
- Đảm bảo chất lượng của các quyết định.
- Đảm bảo kết quả thu được đáp ứng được mục tiêu đề ra ban đầu.

*** Những lỗi người điều hành thảo luận nhóm thường mắc phải:**

- Áp đặt ý kiến chủ quan của người điều hành.
- Thường xuyên gợi ý, hướng dẫn.
- Dễ dàng chấp nhận thông tin, không thảo luận phân tích kỹ, không đòi chứng kiểm nghiệm.
- Không kích thích được sự tham gia của những người tham dự:
- Cuộc thảo luận không có trọng tâm, đi lạc hay đi quá xa chủ đề cần thảo luận
- Không thu thập được đủ thông tin hay không thu được những thông tin cần thiết: để một số người phát biểu lấn át người khác, bỏ sót ý kiến, không quan sát bao quát cuộc họp và các thành viên tham dự, tranh luận kéo dài.

*** Cách khắc phục những lỗi điều hành thảo luận:**

- Không áp đặt ý kiến chủ quan của người điều hành, luôn tuân thủ nguyên tắc là người điều hành chỉ chịu trách nhiệm về phương pháp điều hành và tiến trình cuộc họp.
- Người điều hành không được gợi ý, hướng dẫn, luôn tỏ ra mình khiêm tốn, người điều hành chỉ đưa ra các câu hỏi để kích thích quá trình thảo luận.
- Tập trung thảo luận vào trọng tâm của vấn đề.

- *Những tình huống khó khăn trong thảo luận nhóm và cách ứng xử:*

Bảng 4.2. Những tình huống khó khăn trong thảo luận nhóm và cách ứng xử

Tình huống	Cách ứng xử
Tình trạng im lặng kéo dài	- Hãy hỏi các thành viên trong nhóm tại sao họ cứ im lặng mãi như vậy, có thể họ có lý do chính đáng. - Có thể những thông tin hoặc tài liệu cung cấp họ đã từng được làm quen từ trước. - Có thể họ không hiểu bạn nói gì, cũng có thể bạn cần thay đổi phương pháp giảng giải.
Mọi việc diễn ra quá nhanh	- Đôi khi cả nhóm trở nên nhiệt tình rất nhanh. Điều đó thực ra là rất tốt nếu bạn đã chuẩn bị sẵn sàng cho tình huống đó. - Có thể hỏi để yêu cầu mọi người giải thích thêm, yêu cầu người khác cho ý kiến hoặc chỉ đơn giản đưa ra những câu hỏi khó hơn cho cá nhân hoặc cho cả nhóm.
Mọi việc diễn ra quá chậm	- Đó có thể là do nhóm không thấy hứng thú khi thảo luận. - Việc cố tình đưa ra một thông tin sai có thể dẫn tới nhiều ý kiến khác nhau của nhóm, còn nếu không thì đó là lúc phải đánh thức họ dậy. - Cần cho họ một lý do để lắng nghe và rồi tham gia.
Một người nói quá nhiều	- Trước khi trực tiếp can thiệp, hãy sử dụng những thành viên khác trong nhóm giúp họ bình tĩnh lại. - Có thể cắt ngang lời người nói và tóm tắt những gì họ đã nói rồi sau đó chuyển tiếp ngay sang nội dung khác. - Có thể nói chuyện riêng với họ trong giờ nghỉ, cảm ơn những ý kiến đóng góp của họ nhưng đề nghị họ trình bày ngắn gọn hơn một chút để giành thời gian cho những người khác có thể tham gia.
Người luôn im lặng	- Nếu muốn họ tham gia, nên hỏi họ một vài câu hỏi trực tiếp. - Nên bắt đầu bằng những câu hỏi đơn giản, dễ trả lời.

Tình huống	Cách ứng xử
Một người tỏ ra biết tất cả	- Đó là người luôn tỏ ra biết hết tất cả mọi điều, luôn sửa sai, phản đối, hỏi vặn lại người điều hành thảo luận. - Đôi khi có thể cử người này ghi chép ý kiến thảo luận. - Sắp xếp người này ngồi ở vị trí mà ít được chú ý đến, đó gọi là cách “làm lơ một cách lịch sự”.
Buổi họp đi lạc đề	- Đôi khi một cuộc thảo luận bắt đầu thì đúng hướng nhưng sau đó lại đi sai hướng. - Người điều hành phải lái nó lại đúng chủ đề. - Có thể hỏi xem điều đó có liên quan gì đến chủ đề hay không. - Cần nói rằng chúng ta chỉ có thời gian để tập trung vào những nội dung đã đề ra.
Về cá tính	- Những vấn đề về cá tính có thể ảnh hưởng đến tất cả mọi người. - Nếu các thành viên bắt đầu tranh cãi nhau, cần chấm dứt ngay lập tức. - Yêu cầu những người khác cho ý kiến. - Hãy nói chuyện với những người hay tranh cãi nhau (trong giờ nghỉ) rằng mỗi người hãy giữ ý kiến của mình, mọi chuyện sẽ được bàn định từng bước.
Những vấn đề vượt quá khả năng, quyền hạn	- Đôi khi việc thảo luận vượt quá khả năng, quyền hạn giải quyết (ví dụ như các chính sách quy định của Nhà nước). Nếu đi quá sâu vào các vấn đề đó sẽ tốn nhiều thời gian, đôi khi không giải quyết được. - Cần nói với mọi người hãy dừng vấn đề này lại, khi khác sẽ bàn và chuyển trọng tâm cuộc thảo luận sang những vấn đề thực tế hơn. - Có thể cần ghi nhận những ý kiến đó để chuyển lên các cơ quan có chức năng.
Nói chuyện riêng	- Nếu trong lúc thảo luận có người nói chuyện riêng, có thể đề nghị họ phát biểu to lên để mọi người có thể nghe thấy ý kiến

Tình huống	Cách ứng xử
	của họ. Đây có thể là cách để họ chấm dứt nói chuyện riêng một cách lịch sự.
Câu trả lời sai	- Không nên làm cho họ cảm thấy lúng túng hoặc ngượng ngùng khi nói rằng họ đã trả lời sai. - Có thể nói rằng đó là theo quan điểm của họ và đó cũng là một cách nhìn nhận vấn đề. - Có thể tóm tắt câu trả lời của họ, sử dụng những thông tin đúng. - Có thể hỏi những người khác xem họ có đồng ý với ý kiến đó không?...

4.2.5. Kỹ năng quản lý và giải quyết mâu thuẫn

• Khái niệm về mâu thuẫn

Mâu thuẫn là hành vi ứng xử của một cá nhân, một nhóm hay một tổ chức nhằm ngăn cản hoặc hạn chế (ít nhất là tạm thời) một cá nhân, một nhóm hay một tổ chức khác đạt được mục đích mong muốn.

• Mâu thuẫn thường xảy ra từ đâu?

- Khác biệt về lợi ích;
- Khác biệt về mối quan tâm;
- Khác biệt về văn hóa;
- Khác biệt về giới tính;
- Khác biệt về ý tưởng;
- Khác biệt về trình độ hiểu biết;
- Hiểu lầm.

• Các kiểu mâu thuẫn:

- Mâu thuẫn cá nhân: Là mâu thuẫn giữa người này với người khác.
- Mâu thuẫn nhóm: Là mâu thuẫn giữa hai hoặc nhiều tổ/nhóm với nhau.



- Mâu thuẫn nội bộ: Là mâu thuẫn giữa những người hoặc nhóm người trong cùng một tổ chức.
- Mâu thuẫn bên ngoài: Là mâu thuẫn giữa một người (hoặc một nhóm hoặc nhiều người) với một người (hoặc một nhóm hoặc nhiều người) khác từ bên ngoài dự án.

- **Các quan điểm về mâu thuẫn:**

- * **Quan điểm 1:**

- Mâu thuẫn là kết quả của những sai lầm trong quản lý.
- Mâu thuẫn luôn gây ra những kết quả tai hại, chẳng hạn như:
 - + Làm giảm hiệu quả của năng suất;
 - + Tạo những phe cánh trong nội bộ đơn vị;
 - + Gây nên những bất ổn và ảnh hưởng đến lòng nhiệt tình.
- Mâu thuẫn có thể tránh được và việc loại bỏ tất cả các mâu thuẫn là nhiệm vụ cơ bản của quản lý.

- * **Quan điểm 2:**

- Mâu thuẫn là không thể tránh được trong quá trình phát triển và được tạo nên bởi nhiều yếu tố;
- Mâu thuẫn có thể là tích cực hoặc tiêu cực ở những mức độ khác nhau.

Các ảnh hưởng của mâu thuẫn có thể là:

- + Khiến cho những vấn đề tiềm ẩn hiện ra ngoài và được giải quyết;
- + Buộc người ta phải tỏ rõ quan điểm và tìm kiếm phương thức mới;
- + Tạo cho người ta những cơ hội để thử thách khả năng của họ.
- Vì vậy mâu thuẫn phải được kiểm soát và quản lý.

- **Những mâu thuẫn tích cực và tiêu cực:**

- Mâu thuẫn tích cực:
 - + Kích thích những ý kiến, tính sáng tạo và sự quan tâm;
 - + Khiến cho những vấn đề tiềm ẩn hiện ra bên ngoài và được giải quyết;
 - + Buộc con người phải tỏ rõ lập trường và tìm kiếm phương thức mới;
 - + Tạo điều kiện cho con người thử thách những năng lực của mình.
- Mâu thuẫn tiêu cực:
 - + Hiệu quả và năng suất bị giảm sút;

- + Chủ nghĩa bè phái;
- + Sự bất ổn không cần thiết.

• **Các nguyên tắc để giải quyết tốt mâu thuẫn:**

- Đảm bảo mối quan hệ tốt là ưu tiên hàng đầu: cố gắng làm cho mọi người bình tĩnh và cố gắng thể hiện rằng bạn đang rất tôn trọng họ. Cố gắng ứng xử một cách cách nhã nhặn nhất và duy trì không khí xây dựng giữa mọi người.

- Hãy tách riêng vấn đề và cá nhân con người: ghi nhớ rằng trong nhiều trường hợp, các khác biệt thực tế có thể là nguyên nhân gây ra các tình trạng xung đột. Bằng việc tách riêng vấn đề và cá nhân con người, vấn đề thực sự có thể được thảo luận và xem xét mà không làm tổn hại đến quan hệ công tác của mỗi người.

- Chú ý đến các mối quan tâm đã được mọi người trình bày: chú ý lắng nghe và hiểu được tại sao mọi người chấp nhận/không chấp nhận tình trạng của họ.

• **Các giải pháp cho mâu thuẫn**

* **Rút lui:** Rút lui khỏi bất đồng đang có.

- + Chúng ta có thể nhượng bộ và quên nó đi được không?
- + Tôi không có thời gian để nghĩ về nó.

* **Làm dịu:** Làm giảm hoặc tránh tập trung vào các điểm khác biệt, và nhấn mạnh tới những điểm tương đồng.

- + Tôi nghĩ rằng đó chỉ là một sự hiểu nhầm;
- + Chúng ta không cần thiết phải làm to chuyện, chúng ta có nhiều mối quan tâm chung.

* **Ép buộc:** áp đặt quan điểm của một người cho người khác.

- + Hoặc là chấp nhận quan điểm của tôi, hoặc là tôi sẽ chọn một cộng sự khác;
- + Nào chúng ta hãy bỏ phiếu;
- + Hãy mở sách ra và xem những nguyên tắc trong đó như thế nào;
- + Hãy đi hỏi và làm theo ý kiến của người thứ ba.

* **Thoả hiệp hoặc điều đình:** Tìm ra những giải pháp mang lại sự hài lòng nhất định cho các bên tham gia tranh cãi, đặc trưng hoá bởi quan điểm “cho và nhận”.

- + Nếu tôi chấp nhận điểm này, anh có thể chấp nhận điểm kia của tôi chứ?

* **Đối mặt:** Đối mặt trực tiếp với mâu thuẫn, với phương thức giải quyết vấn đề,

từ đó làm cho các bên vượt qua vấn đề của mình.

+ Hãy ngồi lại và xem vấn đề của chúng ta là gì, và nguyên nhân của vấn đề là ở chỗ nào?

+ Những phương án khác nhau nào có thể giải quyết vấn đề này?

+ Chúng ta đánh giá chúng như thế nào?

+ Chúng ta có thể nhất trí về một giải pháp được không?

- ***Các cách thức xử lý mâu thuẫn***

Có 5 kiểu phản ứng chính trong các tình huống mâu thuẫn. Trong đó, không có kiểu nào được coi là duy nhất đúng trong mọi trường hợp. Có kiểu thích hợp với trường hợp này mà không phù hợp hay không có hiệu quả với trường hợp khác. Sau đây là các kiểu chính:

** Tự làm dịu và tự điều chỉnh:*

- Làm dịu đi nghĩa là xóa bỏ quan điểm bất đồng ý kiến giữa các cá nhân trong khi bạn nhấn mạnh những sở thích chung.

- Sự bất đồng không được giải quyết một cách cởi mở. Khi bạn “điều chỉnh” bản thân, bạn bỏ qua sở thích của mình để thỏa mãn nhu cầu của người khác. Có yếu tố “hi sinh” trong phong cách này.

- Điều chỉnh có nghĩa là chịu chi phối của người khác, hào hiệp một cách ích kỷ, hoặc bạn thực hiện yêu cầu của họ khi thấy nên làm điều đó. Nhược điểm của phong cách này là những mâu thuẫn sẽ lại hiện ra.

- Khi bạn tìm kiếm một giải pháp ngắn gọn, hoặc trong những trường hợp bạn chỉ cần các giải pháp tạm thời thì kiểu tránh mâu thuẫn này tỏ ra có ích.

** Né tránh hoặc thoát khỏi:*

- Một cá nhân không nói gì về thái độ của anh ta hay của người khác, sự mâu thuẫn bị lơ đi hay bị nén lại.

- Những người có liên quan đến mâu thuẫn né tránh nhau, kìm nén cảm xúc và quan điểm của mình lại. Điều này có thể dẹp các thắc mắc, hoãn hoặc giải quyết mâu thuẫn vào dịp thuận lợi hơn, hay thoát khỏi một tình huống một cách tế nhị.

- Rõ ràng là mâu thuẫn thực chất không bao giờ được giải quyết. Thay vào đó nó bị ẩn giấu đi và lại hiện lại nếu hai bên tiếp tục làm việc với nhau.

** Dàn xếp:*

- Dàn xếp nghĩa là tìm giải pháp chấp nhận lẫn nhau để thoả mãn phần nào cả hai bên. Nó đòi hỏi mỗi bên phải từ bỏ một số thứ, đồng thời anh ta cũng nhận được một số thứ. Không ai “thua” cũng không ai “thắng”.

- Dàn xếp nghĩa là xoa bỏ bất đồng, chuyển đổi lại thuận lợi và nhanh chóng tìm một vị trí trung gian.

** Hợp tác hoặc giải quyết vấn đề*

- Là cách giải quyết vấn đề theo cách “cùng thắng” khi giải quyết mâu thuẫn. Cả hai bên gặp nhau để tranh luận về những tương đồng hay bất đồng ý kiến giữa hai bên.

- Cả hai cùng chịu trách nhiệm tìm ra những yêu cầu cơ bản của mình và tìm ra những giải pháp có thể thoả mãn chúng. Hợp tác có thể thu gọn lại hoàn toàn các ý kiến khác nhau và là cách học hỏi lẫn nhau.

** Bất chấp hay sức mạnh*

- Bất chấp có nghĩa là bạn cứ thực hiện mục đích chung của mình cho dù người khác phải trả giá. Đây là cách mang hưởng quyền lực mà bạn sử dụng sức mạnh hay quyền lực để đạt được lợi ích; bạn sử dụng khả năng tranh cãi, dựa vào chức vụ địa vị của mình.

- Khi sử dụng các giải pháp có tính tranh đấu quyền lực thì kết quả là một người sẽ thắng còn người kia hoàn toàn thua cuộc.

• Các bước trong giải quyết mâu thuẫn

** Bước 1. Thống nhất phương án:*

- Cố gắng giúp mọi người hiểu rằng mâu thuẫn có thể là vấn đề chung và tốt nhất là nên giải quyết thông qua việc thảo luận và dàn xếp, thương lượng hơn là tranh cãi lẫn nhau.
- Sử dụng kỹ năng nghe một cách tích cực để đảm bảo rằng bạn nghe và hiểu hết tình trạng và cảm nhận của mọi người

** Bước 2. Thu thập thông tin:*

- Cố gắng thu thập các thông tin về mối quan tâm, nhu cầu và các mối quan ngại.
- Đề nghị các thành viên cho biết quan điểm của họ
- Thể hiện sự tôn trọng của bạn đối với các ý kiến và nhu cầu của bạn đối với họ trong việc cùng hợp tác để giải quyết mâu thuẫn

- Hãy lắng nghe với sự thông cảm và thấu hiểu

*** Bước 3. Thống nhất về vấn đề nảy sinh:**

- Đôi khi, những người khác nhau sẽ nhìn nhận khác nhau nhưng đan xen nhau về các vấn đề.

- Nếu có thể đạt được sự hiểu biết chung về vấn đề đang xảy ra thì cần nhanh chóng tìm hiểu những người khác đang nhìn nhận thế nào về vấn đề đó.



*** Bước 4. Khuyến khích đưa ra các giải pháp khả thi:**

- Khuyến khích tất cả mọi người đưa ra các giải pháp để giải quyết một cách cởi mở nhất, kể cả các giải pháp bạn chưa bao giờ xem xét từ trước.



*** Bước 5. Thương lượng về giải pháp:**

- Ở giai đoạn này, mâu thuẫn cơ bản có thể đã được giải quyết. Mọi người đã hiểu nhau hơn và các giải pháp cơ bản có thể làm hài lòng đa số thành viên.

- Tuy nhiên, bạn vẫn có thể chưa bao quát hết những khác biệt thực sự của các ý tưởng giữa các thành viên.

- Trong trường hợp này nên sử dụng giải pháp “đôi bên cùng có lợi” để tìm ra giải pháp có thể làm hài lòng tất cả các thành viên.

Nguyên tắc ứng xử: Bình tĩnh, kiên nhẫn và tôn trọng tất cả các ý kiến.

4.2.6. Kỹ năng tổ chức cuộc họp dân

• Tổ chức cuộc hội họp để làm gì?

- Tổ chức các cuộc họp là việc làm hết sức cần thiết nhằm phối hợp sự cố gắng của các cá nhân tham gia trong cùng một hoạt động, thu thập các ý tưởng hoặc cùng bàn bạc để giải quyết các vấn đề nảy sinh và tạo sự đồng thuận trong việc ra quyết định.

- Tổ chức cuộc họp để chuyển tải một thông tin cần thiết

• Các bước cần thực hiện khi tổ chức một cuộc họp

*** Bước 1. Xác định mục đích và mục tiêu cuộc họp:**

- Họp để làm gì?
- Có cần thiết phải tổ chức cuộc họp không?

*** Bước 2. Xác định thành viên tham gia:**

Tùy thuộc mục đích cuộc họp mà sẽ:

- Lựa chọn những người có mối quan tâm đến nội dung cuộc họp, hoặc
- Lựa chọn người có kinh nghiệm



*** Bước 3. Xác định kết quả cần đạt được:**

Các thành viên cần đạt được kết quả cụ thể nào sau khi cuộc họp được hoàn tất?

*** Bước 4. Xác định hình thức họp:**

- Các hình thức họp khác nhau cần các hình thức đối thoại và thảo luận khác nhau. Hình thức họp cần được xác định dựa trên các kết quả mong muốn đạt được.

- Cần chia sẻ kinh nghiệm?
- Cần thông báo một thông tin nào đó?
- Cần thảo luận để đi đến quyết định?



*** Bước 5. Xây dựng chương trình họp và thông báo:**

- Xây dựng chương trình giúp đạt được mục đích cuộc họp với khoảng thời gian có hạn.

- Thông báo chương trình trước khi tổ chức họp để đảm bảo cơ hội cho người dân tham gia họp và đóng góp ý kiến.



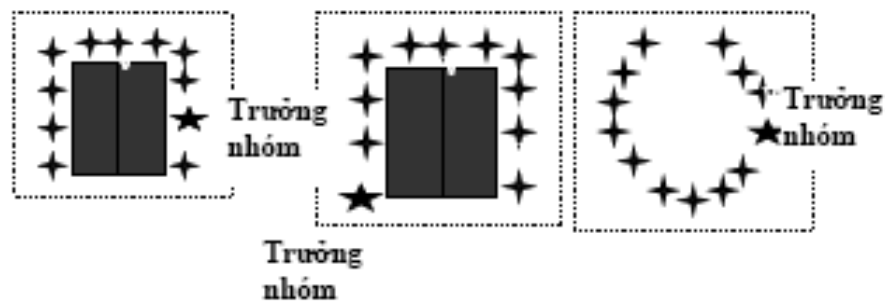
*** Bước 6. Phân công nhiệm vụ**

- Ai là chủ tọa?
- Ai sẽ làm thư ký cuộc họp?
- Ai sẽ chuẩn bị hậu cần cho cuộc họp? (sắp xếp chỗ ngồi, loa, đài, nước uống, văn phòng phẩm. v.v.)

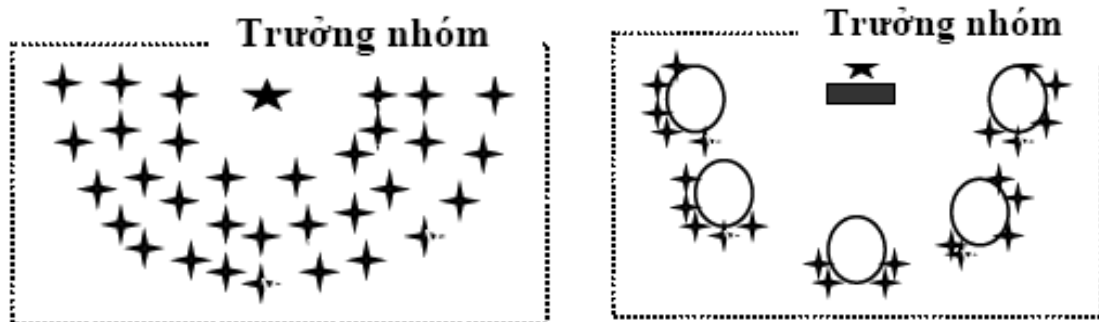
** Các cách thức sắp xếp chỗ ngồi trong cuộc họp:*

- Cách xếp chỗ ngồi rất quan trọng. Nếu cần, phải sắp xếp lại bàn ghế trước khi họp. Nếu người dự họp không cần phải ghi chép thì không nên kê bàn.
- Nếu họp nhóm lớn, nhiều hơn 10 người thì nên sắp chỗ ngồi thành nhiều cụm nhỏ liền nhau. Nên sắp chỗ ngồi theo hình vòng cung để mọi người nhìn thấy mặt nhau. Khoảng cách giữa hai người không nên quá xa.
- Sắp xếp chỗ ngồi họp đúng cách giúp cho việc giao tiếp giữa các thành viên trở nên dễ dàng hơn.

** Một số cách sắp xếp chỗ ngồi - Họp nhóm từ 5-10 người*



** Một số cách sắp xếp chỗ ngồi - Họp nhóm trên 10 người*



*** Bước 7. Xây dựng nội quy cuộc họp:**

- Nhất trí các ý kiến về nội quy cuộc họp các quy ước (đóng góp các tiết mục văn nghệ, kể chuyện vui v.v..) để tạo ra không khí tích cực trong cuộc họp.

- Xây dựng một số hướng dẫn trước để hạn chế sự mâu thuẫn giữa các thành viên trong cuộc họp.



*** Bước 8. Thiết lập tiến trình ra quyết định** (đối với các cuộc họp cần có quyết định cuối cùng)

Cần để các thành viên tham gia hiểu được quyền và nghĩa vụ của họ trong tiến trình ra quyết định.

+ Phạm vi, mức độ? Chỉ ở mức độ cung cấp thông tin? Hoặc họ được yêu cầu tham gia tích cực để đạt được sự đồng thuận với các thành viên khác trong việc đưa ra các quyết định cuối cùng?

+ Cam kết thực hiện

*** Bước 9. Làm rõ các bước tiếp theo và các nhiệm vụ sắp tới:**

- Trước khi kết thúc cuộc họp, cần có thời gian để tổng hợp lại các thỏa thuận đã đạt được, các hành động tiếp theo đã được xác định và ai sẽ có nhiệm vụ phải thực hiện các nhiệm vụ đó.

- Bằng cách này, có thể khẳng định được sự cam kết của các thành viên và thiết lập được lộ trình cho các bước tiếp theo.

*** Bước 10. Đánh giá hiệu quả của cuộc họp:**

- Bước cuối cùng này là phương thức xác định cảm nhận của mỗi một thành viên về cuộc họp.

- Có thể chọn cách đánh giá chính thức hoặc không chính thức nhưng không nên bỏ qua việc xác định những gì đã làm được và những gì trong cuộc họp chưa làm được.

• Làm thế nào để tổ chức thành công một cuộc họp?

*** Tiêu chí của một cuộc họp thành công là gì?**

- Đạt được mục đích đề ra.
- Đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Các thành viên tham gia một cách bình đẳng và tích cực đóng góp ý kiến.
- Các thành viên hài lòng với kết quả đạt được.

** Làm thế nào để tổ chức thành công một cuộc họp?*

- Bắt đầu và kết thúc cuộc họp đúng thời gian đã dự kiến.
- Tạo không khí thân thiện.
- Bám sát nội dung đã xác định trong chương trình cuộc họp.

- Chuẩn bị tốt các khâu hậu cần (địa điểm, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế, nước uống v.v..)

- Khuyến khích mọi người tham gia đóng góp ý kiến bằng việc đưa ra những câu hỏi mà mọi người đều quan tâm.

- Kiểm soát các thành viên có ưu thế trong cuộc họp:

- + Cố gắng đảm bảo để tất cả mọi người đều có cơ hội như nhau trong việc đóng góp ý kiến, ý tưởng trong cuộc họp.

- + Không nên để một người nói quá nhiều. Chú ý đến các thành viên ít nói, ít tự tin (người nghèo, phụ nữ, đồng bào dân tộc ít người).

- Tổng kết cuộc họp:

- + Tổng hợp các ý kiến đã thảo luận.

- + Các quyết định đã được thống nhất.

- + Các nhiệm vụ tiếp theo.

- + Kế hoạch sắp tới.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (1998). *Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia trong hoạt động khuyến nông, khuyến lâm*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Lê Thị Mỹ Hiền (2009). *Tài liệu hướng dẫn học tập Phát triển cộng đồng*, trường đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.
3. Tô Duy Hợp - Lương Hồng Quang (2000). *Phát triển cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Kim Liên (2008). *Giáo trình phát triển cộng đồng* (hệ đại học). Trường Đại học LD – XH.
5. Nguyễn Huyền Linh, Nguyễn Tuấn Long (2011). *Giáo trình Phát triển cộng đồng*, Nhà xuất bản Lao động – xã hội, Hà Nội.
6. Lydia Braakman và Keren Edwards (2002). *Sổ tay tập huấn Nghệ thuật Xây dựng năng lực thúc đẩy*. RECOFTC – Trung tâm đào tạo lâm nghiệp cộng đồng vùng Châu Á và Thái Bình Dương.
7. Phí Thị Hồng Minh (2005). *Bài giảng Phát triển cộng đồng*, trường đại học Nông lâm Thái Nguyên.
8. Nguyễn Bá Ngãi, Đinh Đức Thuận, Phạm Xuân Phương, Đặng Tùng Hoa, (2006). *Lâm nghiệp xã hội đại cương*, giáo trình trường Đại học Lâm nghiệp, nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
9. Nguyễn Hữu Nhân (2004). *Giáo trình Phát triển cộng đồng*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Oanh (1995). *Phát triển cộng đồng*, Khoa Phụ Nữ Học, Đại học mở-bán công TP.HCM.
11. Trần Thị Quế, 1999, *Những khái niệm cơ bản về giới và vấn đề giới ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
12. Lê Thị Quý (2010). *Giáo trình Xã hội học giới*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
13. Trần Đình Tuấn (2010). *Công tác xã hội: Lý thuyết và thực hành*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Phạm Huỳnh Thanh Vân (2006). *Kỹ năng phát triển cộng đồng*, Đại học An Giang.
15. Tổ chức hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) (2004). *Sách TOT, Hướng dẫn chung các kỹ năng hỗ trợ và đào tạo*. Bộ tài liệu đào tạo về CDP/CDP.
16. Phạm Quang Vinh, Trịnh Hải Vân (2012). *Kỹ năng giao tiếp và thúc đẩy*, Bài giảng trường Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội.

17. Phạm Quang Vinh, Trịnh Hải Vân (2012). *Phương pháp đánh giá nông thôn*, Bài giảng trường Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	3
1.1. Cộng đồng	3
1.1.1. Khái niệm	3
1.1.2. Các yếu tố cấu thành cộng đồng	5
1.1.3. Một số đặc tính của cộng đồng	7
1.2. Khái niệm, mục đích, nội dung của phát triển	9
1.2.1. Khái niệm Phát triển.....	9
1.2.2. Mục đích của Phát triển.....	10
1.2.3. Nội dung của phát triển	10
1.2.4. Các chỉ số phát triển	11
1.3. Khái niệm, mục tiêu, ý nghĩa của Phát triển cộng đồng	12
1.3.1. Khái niệm	12
1.3.2. Nhận diện cộng đồng kém phát triển và phát triển	13
1.3.3. Mục tiêu, phương hướng phát triển cộng đồng.....	15
1.3.4. Ý nghĩa của Phát triển cộng đồng	17
1.4. Quan điểm, nguyên tắc hoạt động trong phát triển cộng đồng	19
1.4.1. Quan điểm, định hướng trong phát triển cộng đồng	19
1.4.2. Nguyên tắc hoạt động Phát triển cộng đồng	20
Chương 2. TIỀN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	24
2.1. Khái quát tiến trình phát triển cộng đồng	24
2.2. Các bước trong tiến trình phát triển cộng đồng	28
2.2.1. Lựa chọn cộng đồng.....	29
2.2.2. Hội nhập cộng đồng	30
2.2.3. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng.....	32
2.2.4. Lựa chọn người có khả năng lãnh đạo, xây dựng, bồi dưỡng/ tập huấn các nhóm nòng cốt.....	37
2.2.5. Thành lập Ban đại diện/ Ban phát triển cộng đồng.....	38
2.2.6. Lập kế hoạch, chương trình phát triển cộng đồng	40
2.2.7. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm; củng cố tổ chức	41
2.2.8. Liên kết các nhóm hành động	44

2.2.9. Rút kinh nghiệm - Lượng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm	46
2.2.10. Kết thúc và chuyển giao	50
2.3. Đánh giá sự phát triển của cộng đồng	51
Chương 3. SỰ THAM GIA TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG.....	53
3.1. Định nghĩa, sự cần thiết của sự tham gia	53
3.1.1. Một số định nghĩa về sự tham gia	53
3.1.2. Sự cần thiết về sự tham gia của người dân trong các dự án phát triển	54
3.2. Các bên tham gia trong phát triển cộng đồng	57
3.2.1. Người bên trong cộng đồng	57
3.2.2. Người bên ngoài cộng đồng	58
3.2.3. Quan hệ giữa người bên trong và người bên ngoài cộng đồng.....	59
3.3. Hình thức và mức độ của sự tham gia.....	62
3.3.1. Hình thức tham gia của người dân	62
3.3.2. Các cấp độ của sự tham gia	63
3.4. Vai trò của các tổ chức và cộng đồng địa phương trong Phát triển cộng đồng	65
3.4.1. Vai trò của cán bộ và các tổ chức địa phương trong phát triển cộng đồng.....	65
3.4.2. Các vấn đề về giới và vai trò của giới trong phát triển cộng đồng	66
3.4.3. Đồng bào các dân tộc thiểu số trong các hoạt động phát triển cộng đồng	69
3.5. Vai trò của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ trong phát triển cộng đồng	70
3.6. Những lợi ích và cản trở trong việc huy động sự tham gia của người dân vào các hoạt động phát triển cộng đồng.....	72
3.6.1. Lợi ích từ sự tham gia của người dân trong phát triển cộng đồng	72
3.6.2. Những yếu tố cản trở sự tham gia trong phát triển cộng đồng.....	73
3.6.3. Một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia	75
Chương 4. NHỮNG KỸ NĂNG CẦN THIẾT CỦA TÁC VIÊN CỘNG ĐỒNG	77
4.1. Tác viên cộng đồng.....	77
4.1.1. Khái niệm tác viên cộng đồng	77
4.1.2. Vai trò của tác viên cộng đồng trong phát triển cộng đồng.....	77
4.1.3. Những năng lực, phẩm chất cần có của tác viên cộng đồng	79
4.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến tiến trình vận động sự tham gia của người dân.....	80

4.2. Một số kỹ năng cần thiết của tác viên cộng đồng	82
4.2.1. Kỹ năng giao tiếp.....	82
4.2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi	86
4.2.3. Kỹ năng lắng nghe	89
4.2.4. Kỹ năng hướng dẫn thảo luận nhóm.....	92
4.2.5. Kỹ năng quản lý và giải quyết mâu thuẫn	96
4.2.6. Kỹ năng tổ chức cuộc họp dân	101

